

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH VĂN LUÂN

ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN LÃNH ĐẠO
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH VĂN LUÂN

**ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN LÃNH ĐẠO
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 9229015

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS, TS. Trịnh Thị Hồng Hạnh

2. TS. Đặng Kim Oanh

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc của tôi. Các số liệu, kết quả trong luận án là hoàn toàn khách quan, trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Đinh Văn Luân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	7
1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.....	33
Chương 2: CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ (2010-2015)	41
2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng môi trường đầu tư	41
2.2. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo xây dựng môi trường đầu tư	62
Chương 3: ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ (2015-2020)	88
3.1. Những yếu tố mới tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về đẩy mạnh xây dựng môi trường đầu tư	88
3.2. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng môi trường đầu tư.....	102
Chương 4: NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....	141
4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng môi trường đầu tư (2010-2020)	141
4.2. Một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng môi trường đầu tư.....	175
KẾT LUẬN	190
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	193
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	194
PHỤ LỤC	214

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Cải cách hành chính	CCHC
2	Công nghiệp hoá	CNH
3	Công nghệ thông tin	CNTT
4	Cụm công nghiệp	CCN
5	Doanh nghiệp nhỏ và vừa	DNNVV
6	Foreign Direct Investment (<i>Đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>)	FDI
7	Gross Dometic Product (<i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>)	GDP
8	Hội đồng nhân dân	HĐND
9	Hiện đại hoá	HĐH
10	Khu công nghiệp	KCN
11	Môi trường đầu tư	MTĐT
12	Official Development Assistance (<i>Hỗ trợ phát triển chính thức</i>)	ODA
13	Provincial Competitiveness Index (<i>Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh</i>)	PCI
14	Thủ tục hành chính	TTHC
15	Ủy ban nhân dân	UBND

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Môi trường đầu tư (MTĐT) là sự tổng hoà của các yếu tố bao gồm: cơ chế, chính sách, chế độ ưu đãi, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, vị trí địa lý, tài nguyên, điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, thiết chế văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, môi trường, an ninh, quốc phòng... của một quốc gia, khu vực hay địa phương. Chúng có mối liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại với nhau, đồng thời ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến quá trình đầu tư của nhà đầu tư và chính quốc gia, khu vực, địa phương được đầu tư.

Xây dựng MTĐT là quá trình tạo dựng, thiết lập môi trường cho nhà đầu tư thông qua xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách; xây dựng thể chế, CCHC; xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo MTĐT thông thoáng, công khai, minh bạch, hiện đại; đảm bảo tính cạnh tranh, ổn định, an toàn, hiệu quả kinh tế cao và phát triển bền vững cho các nhà đầu tư, người dân, cộng đồng doanh nghiệp, các quốc gia, khu vực, địa phương được đầu tư.

Xây dựng MTĐT là chủ trương quan trọng, đúng đắn của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế. Xây dựng MTĐT có vị trí, vai trò và ý nghĩa thiết thực đối với sự phát triển nhanh chóng, bền vững của đất nước và các địa phương, nhằm thu hút, đa dạng các nguồn lực đầu tư (cả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và vốn đầu tư trong nước), khai thác tối đa các tiềm năng về tài nguyên, vị trí địa lý, nguồn nhân lực và các lợi thế cạnh tranh của quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đảm bảo sự ổn định và phát triển của xã hội. Đại hội XI (2011) của Đảng khẳng định chủ trương tiếp tục cải thiện MTĐT, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của các thành phần kinh tế ở trong và ngoài nước. Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng MTĐT đối với sự phát triển của đất nước, nhấn mạnh vai

trò của Đảng, Nhà nước trong việc tạo dựng, xây dựng và cải thiện MTĐT, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội XIII (2021) của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ cải thiện MTĐT, kinh doanh, thúc đẩy quá trình đổi mới, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ đã cụ thể hoá thành hệ thống chính sách, pháp luật về xây dựng MTĐT phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của đất nước, nhằm tạo dựng MTĐT thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, bình đẳng cho hoạt động đầu tư, thu hút đầu tư. Ngày 26/11/2014, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua hai đạo luật quan trọng là *Luật Đầu tư* năm 2014 thay thế cho *Luật Đầu tư* năm 2005 và *Luật doanh nghiệp* năm 2014. Ngày 17/03/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của *Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư*. Ngày 17/06/2020, Quốc hội ban hành *Luật Đầu tư* số 61/2020/QH14...

Hung Yên là địa phương ở khu vực trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng, trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tiếp giáp thủ đô Hà Nội, trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, trên tuyến vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ. Đồng thời, nằm trên 2 tuyến hành lang kinh tế quan trọng kết nối giữa Việt Nam và Trung Quốc là hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Đây là một trong những lợi thế lớn của Hưng Yên trong thu hút đầu tư.

Tỉnh Hưng Yên có 10 đơn vị hành chính gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 8 huyện, Thành phố Hưng Yên là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh, Thị xã Mỹ Hào là trung tâm công nghiệp, thương mại, các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ, Khoái Châu, Ân Thi, Kim Động, Tiên Lữ,

Phù Cù địa hình bằng phẳng, giao thông thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ thương mại. Do đó, Hưng Yên có nhiều lợi thế, tiềm năng thu hút đầu tư, hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định xây dựng MTĐT là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, là đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn 2010-2020, Hưng Yên đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh, góp phần hình thành các khu, CCN, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực theo hướng CNH, HĐH, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong tỉnh, liên kết vùng, hợp tác quốc tế, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác lãnh đạo xây dựng MTĐT tại Hưng Yên còn tồn tại một số hạn chế: Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện xây dựng MTĐT tại một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự hiệu quả. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương chưa thống nhất, hiệu quả chưa cao, nhất là trong thực hiện các thủ tục về đầu tư cơ sở hạ tầng, đất đai, xây dựng. Công tác CCHC còn chậm. Chỉ số PCI được cải thiện song không ổn định và còn ở mức khá thấp so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Những hạn chế đó đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy lãnh đạo xây dựng MTĐT phù hợp với nhu cầu thực tiễn của địa phương.

Đặc biệt trong kỷ nguyên phát triển mới, việc sáp nhập hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình thành tỉnh Hưng Yên, thực hiện chính quyền hai cấp ở địa phương đã đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới, cần phải nghiên cứu, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm từ công tác xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020, làm cơ sở cho việc hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, tổng kết quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT là rất cần thiết, có ý nghĩa lí luận và

thực tiễn sâu sắc. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh chọn vấn đề: ***“Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng môi trường đầu tư từ năm 2010 đến năm 2020”*** làm luận án Tiến sĩ Lịch sử, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đối với xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020, trên cơ sở đó đúc kết những kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong thời gian tiếp theo.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Phân tích những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

Hệ thống hóa, phân tích chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, kết quả đạt được trong xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

Nhận xét, đúc rút một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT trên các nội dung: 1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách cho hoạt động đầu tư; 2. Cải cách hành chính, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư; 3. Xây dựng kết cấu hạ tầng; 4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Về thời gian: Tập trung trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2020. Luận án lựa chọn năm 2010 là thời điểm diễn ra và khởi đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVII (2010-2015), Nghị quyết Đại hội

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVII (năm 2010) đã đề ra mục tiêu là cải thiện MTĐT, phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2020 là năm kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII (2015-2020),

Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp lịch sử, phương pháp lôgic và kết hợp hai phương pháp đó:

Phương pháp lịch sử được sử dụng chủ yếu để trình bày tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; quá trình hoạch định chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020, qua hai giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020.

Phương pháp lôgic được sử dụng chủ yếu để khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã tổng quan, chỉ ra những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu; đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và đúc kết kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020.

Cùng với hai phương pháp chủ yếu nêu trên, luận án sử dụng các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh... để làm sáng tỏ những nội dung luận án đặt ra phải giải quyết.

4.3. Nguồn tài liệu

Luận án dựa vào nguồn tư liệu là các văn kiện của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết, luật, nghị định của Nhà nước; các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban ngành liên quan; các báo cáo tổng kết và các số liệu công bố trong Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên; kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan.

5. Những đóng góp mới của luận án

Cung cấp hệ thống tư liệu cập nhật, tin cậy phục vụ nghiên cứu xây dựng MTĐT nói chung, xây dựng MTĐT ở tỉnh Hưng Yên nói riêng.

Góp phần phục dựng khách quan, có hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

Đưa ra những nhận xét và đúc kết kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của đề tài luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận:

Luận án góp phần vào việc tổng kết quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng MTĐT trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế qua thực tiễn địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Cung cấp các luận cứ khoa học, góp phần bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách về xây dựng MTĐT ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian tiếp theo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Những kinh nghiệm được đúc kết trong luận án có thể được vận dụng tham khảo trong lãnh đạo xây dựng MTĐT ở tỉnh Hưng Yên cũng như các địa phương có đặc điểm tương đồng.

Luận án có thể là tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là nội dung liên quan chủ đề xây dựng MTĐT. Bên cạnh đó, tài liệu có thể phục vụ cho hoạt động giáo dục lịch sử địa phương, lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên.

7. Kết cấu của luận án

Kết cấu luận án gồm: Mở đầu, 4 chương (8 tiết), kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Đầu tư, xây dựng, thu hút, tạo dựng MTĐT là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển của các Quốc gia, Chính phủ và các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Do đó, xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT dành được sự quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu của các Quốc gia, Chính phủ, các tổ chức quốc tế, giới chuyên gia và các nhà nghiên cứu.

Trong công trình nghiên cứu của Andrew H. W. Stone, Daniel Kaufmann và Geeta Batra (2003), *Investment Climate Around the World: Voices of the Firms from the World Business Environment Survey* (Môi trường đầu tư trên toàn thế giới, tiếng nói của các doanh nghiệp từ khảo sát môi trường kinh doanh thế giới) [157] đã khảo sát, đánh giá MTĐT kinh doanh trên thế giới dựa trên cơ sở dữ liệu của hơn 10.000 công ty, doanh nghiệp tại 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong khoảng thời gian từ năm 1998 đến năm 2000. Trong đó, cuốn sách phân tích, thống kê mức độ, tỷ lệ đầu tư của các doanh nghiệp, công ty trên khắp thế giới, đánh giá tác động MTĐT của các quốc gia như thể chế chính trị, cơ sở pháp lý, thuế quan, cơ sở hạ tầng, chính sách ưu đãi của Chính phủ, tài nguyên thiên nhiên, chất lượng nguồn nhân lực...Ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Hiệp hội Kinh doanh và Công nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ (2004), Trong tài liệu *Investment Environment and Foreign Direct Investments in Turkey* (Môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Thổ Nhĩ Kỳ) [163] đã tổng kết, đánh giá về MTĐT và đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Thổ Nhĩ Kỳ, tập trung thống kê, phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong cải thiện MTĐT và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời đề xuất giải pháp

nhằm cải thiện, tạo dựng, thu hút MTĐT. Trong đó, nhấn mạnh đến việc HDH cơ sở hạ tầng; CCHC, thực hiện chính sách ưu đãi về thuế quan, chi phí sản xuất, mặt bằng kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thành lập Hội đồng Điều phối Cải thiện MTĐT với thành phần chủ yếu là các quan chức trong Chính phủ và các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn của quốc gia.

Báo cáo của Ngân hàng thế giới (World Bank) (2005), *A Better Investment Climate for Everyone* đề cập đến:

Môi trường đầu tư là tập hợp những nhân tố đặc thù địa phương đang định hình cho các cơ hội và động lực để doanh nghiệp đầu tư có hiệu quả, tạo việc làm và mở rộng sản xuất...Môi trường đầu tư phản ánh những nhân tố đặc trưng của địa điểm, từ đó tạo thành các cơ hội và động lực cho doanh nghiệp đầu tư hiệu quả, tạo việc làm và phát triển [166].

Báo cáo đã phân tích, đánh giá tác động của MTĐT và cải thiện MTĐT đến thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội bền vững của các quốc gia, đặc biệt là tại các quốc gia đang và kém phát triển ở châu Á, châu Mỹ Latinh, châu Phi, trong đó điển hình là MTĐT được cải thiện và phát triển tại hai quốc gia châu Á là Trung Quốc và Ấn Độ. Báo cáo cũng chỉ ra các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến MTĐT của các quốc gia và nền kinh tế như: vấn đề chính trị, sự điều hành của Nhà nước, Chính phủ, cơ sở hạ tầng, thuế quan, lao động, tội phạm, tham nhũng...

Báo cáo của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) (2005) về MTĐT tại Indonesia *Asean Development Bank report, Improving the Investment Climate in Indonesia* [158] đã phân tích, đánh giá MTĐT tại Indonesia, chỉ ra các yếu tố tạo dựng MTĐT hấp dẫn, thông thoáng, cởi mở tập trung vào các vấn đề cơ bản như: sự ổn định của thể chế chính trị, các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô được điều tiết, quản lý phù hợp, nền tài chính mạnh, hoạt động hiệu quả, cơ chế, quản lý, chính sách, quản trị, sự thông thoáng, cởi mở, cạnh tranh của thị

trường và nền kinh tế, hệ thống pháp luật công khai, minh bạch, nguồn lao động dồi dào, có chất lượng, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ...

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Nguyễn Tiến Cơi (2008), *Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế - thực trạng, kinh nghiệm và khả năng vận dụng vào Việt Nam* [17] đã phân tích các yếu tố tác động và chính sách thu hút đầu tư FDI của Chính phủ Malaysia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; đánh giá những kết quả đạt được trong thu hút đầu tư FDI của Malaysia giai đoạn 1997-2005; phân tích các điều chỉnh về chính sách trong thu hút đầu tư FDI của Chính phủ Malaysia trong giai đoạn này như:

Điều chỉnh chính sách tiền tệ, nhanh chóng ổn định môi trường kinh tế vĩ mô; chính sách tiếp tục mở rộng tự do hoá đầu tư; chính sách khuyến khích, ưu đãi về tài chính; điều chỉnh chính sách định hướng thu hút FDI; hiện đại hoá cơ sở hạ tầng; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển thị trường trong và ngoài nước; nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư. Luận án rút ra 6 bài học kinh nghiệm của Malaysia vận dụng vào trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút FDI tại Việt Nam bao gồm: quán triệt sâu sắc chủ trương hội nhập kinh tế, quốc tế; tạo lập môi trường đầu tư mang tính cạnh tranh; kịp thời điều chỉnh, bổ sung chính sách trong thu hút đầu tư; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính để thu hút đầu tư; kết hợp hài hoà lợi ích quốc gia và lợi ích của các nhà đầu tư nước ngoài, hướng đến sự bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài [17].

Nghiên cứu *Improving the business environment of Johannesburg* (Cải thiện môi trường kinh doanh của Johannesburg) [161] của Christian M.Rogerson và Jayne M.Rogerson (2010) tại thành phố Johannesburg, thuộc tỉnh Gauteng (Nam Phi) phân tích, đánh giá những kết quả nổi bật trong việc

cải thiện MTĐT kinh doanh, chỉ ra những hạn chế, bất cập và các giải pháp nhằm cải thiện MTĐT kinh doanh, trong đó tập trung vào giải quyết các vấn đề về an ninh, an toàn, ổn định chính trị, ô nhiễm môi trường, kết cấu hạ tầng, vai trò của chính quyền địa phương, chi phí kinh doanh...

Wim P.M. Vijverberg trong công trình *On the Structure of Labor Demand: An Analysis of the DOT Data* (Về cấu trúc nhu cầu lao động: phân tích dữ liệu DOT) (2012) nghiên cứu về MTĐT cho rằng: “Môi trường đầu tư bao gồm tất cả các điều kiện liên quan đến kinh tế, chính trị, hành chính, cơ sở hạ tầng tác động đến hoạt động đầu tư và kết quả hoạt động của doanh nghiệp” [165].

Tài liệu *Môi trường đầu tư của Vương quốc Ma-Rốc và Cộng hoà Bờ Biển Ngà* của Bộ Công thương (2021) [10] nghiên cứu MTĐT, tình hình đầu tư nước ngoài tại Ma-Rốc và Bờ Biển Ngà. Phân tích, đánh giá môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư nước ngoài, điều kiện hạ tầng phục vụ đầu tư, trình tự thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, giới thiệu toàn văn Luật khung ban hành điều lệ đầu tư Ma-Rốc và toàn văn bộ Luật đầu tư Bờ Biển Ngà. Trong chính sách thu hút đầu tư tại 2 quốc gia này cho thấy sự quan tâm đến công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện, xây dựng MTĐT, như tại Maroc:

Maroc đã tiến hành nhiều cuộc cải cách nhằm tạo điều kiện cho việc mở cửa ra thị trường quốc tế. Nhiều hoạt động đã được Hoàng gia và Chính phủ tiến hành nhằm mục đích cải thiện môi trường đầu tư, thu hút vốn nước ngoài. Có thể khái quát như sau: Thành lập các trung tâm xúc tiến đầu tư tại các địa phương, cải cách tư pháp, cải cách tài chính, chế độ ngoại tệ chuyển đổi tối đa; hạ tầng kỹ thuật [10, tr.45-46].

Tại Bờ Biển Ngà:

Nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, Chính phủ Bờ Biển Ngà đã triển khai một số biện pháp trong đó có: Bổ sung cập nhật Luật Đầu tư, thiết lập cơ chế một cửa phục vụ việc thành lập doanh nghiệp, triển khai hệ thống khai nộp thuế và hoàn thuế VAT điện tử; xây dựng hệ thống khiếu nại, khai báo gian lận trực tuyến lên toà thương mại;

triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải; thúc đẩy chương trình phát triển quốc gia giai đoạn 2016-2020, lấy đầu tư làm trụ cột và đầu tư tư nhân làm động lực phát triển kinh tế đất nước [10, tr.119].

Bên cạnh các nghiên cứu liên quan đến xây dựng, cải thiện MTĐT tại một số quốc gia và khu vực trên thế giới, có những nghiên cứu của các tác giả nước ngoài nghiên cứu về MTĐT tại Việt Nam.

Bài viết “Vietnam: Open for Investment” (“Việt Nam mở cửa để thu hút đầu tư”) [162] đăng trên Tạp chí “*The Economist*” của Scott Morgan Robertson công bố (2007) phân tích quá trình thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế để thu hút nguồn đầu tư vào Việt Nam. Bài viết phân tích các yếu tố hấp dẫn đầu tư tại Việt Nam là sự đổi mới về thể chế, MTĐT, cơ sở hạ tầng từng bước được cải thiện, nguồn lao động trẻ, dồi dào. Scott Morgan Robertson cũng chỉ ra những rào cản trong việc cải thiện MTĐT tại Việt Nam như: TTHC còn phức tạp và gây khó khăn cho doanh nghiệp; chi phí không chính thức làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp và ảnh hưởng đến MTĐT; cơ sở hạ tầng ở một số khu vực vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư; sự thiếu minh bạch và thay đổi liên tục trong chính sách gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch dài hạn.

Báo cáo nghiên cứu *Investment Environment Assessment Vietnam From the Eyes of European Investors* (Đánh giá môi trường đầu tư Việt Nam dưới góc nhìn của các nhà đầu tư Châu Âu) (2010) của Matthias Duhn - Giám đốc điều hành Phòng thương mại Châu Âu (EUROCHAM) tại Việt Nam [160] đánh giá kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư Châu Âu tại Việt Nam. Đồng thời, báo cáo chỉ ra các hạn chế trong MTĐT của Việt Nam như: khó khăn, vướng mắc trong xin cấp giấy phép hoạt động, giải quyết các TTHC ở cả trung ương và địa phương còn nhiều bất cập, rườm rà, tốn thời gian, chi phí; cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, logistic, công nghiệp phụ trợ còn hạn chế; vấn đề hải quan, thông quan chậm;

vấn nạn tham nhũng, quan liêu, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp vẫn diễn ra; thiếu nguồn lao động có trình độ, tay nghề cao...

Tác giả Koichi Takano (Phó trưởng Đại diện văn phòng đại diện Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản) thuộc Bộ Kinh tế và Công nghiệp Nhật Bản với nghiên cứu *Review of Business Environment in Vietnam by Japanese Investors* (“Môi trường kinh doanh theo đánh giá của các nhà đầu tư Nhật Bản”) (2010) [159]. Công trình phân tích, đánh giá thuận lợi, khó khăn, ưu, nhược điểm, mức độ hài lòng của các nhà đầu tư Nhật Bản về môi trường kinh doanh tại Việt Nam và các nước trong khu vực. Nghiên cứu đánh giá các chi phí đầu tư tại Việt Nam như chi phí xin cấp phép TTHC, chi phí thuê mặt bằng kinh doanh, thuê văn phòng, thuê lao động, cơ sở hạ tầng, nhà máy, chi phí đầu tư sản xuất...cao hơn so với các nước trong khu vực.

Công trình nghiên cứu *Is Vietnam attractive to Japanese FDI comparing to Thailand and China? An attribute-based and holistic analysis* (Việt Nam có hấp dẫn FDI Nhật Bản so với Thái Lan, Trung Quốc? Một phân tích toàn diện và dựa trên thuộc tính) của nhóm tác giả Vương Thị Minh Hieu, Kenji Yokoyama (2011) [164] nghiên cứu, khảo sát, phân tích, đánh giá, so sánh sức hấp dẫn FDI Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam so với Thái Lan, Trung Quốc, các quốc gia có nền kinh tế tương đồng và tiếp giáp Việt Nam, phân tích mức độ hài lòng của các doanh nghiệp Nhật Bản có vốn FDI ở Việt Nam. Nhóm tác giả chỉ ra những hạn chế, bất cập trong thu hút vốn đầu tư FDI của các doanh nghiệp Nhật Bản vào Việt Nam liên quan đến cơ chế quản lý, TTHC rườm rà, thiếu minh bạch, chưa có nhiều ưu đãi về thuế; cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng còn thiếu và yếu, trong đó đặc biệt là hạ tầng giao thông, hệ thống logistics các ngành công nghiệp phụ trợ...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu chung về xây dựng môi trường đầu tư

Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986), nền kinh tế Việt Nam từng bước phát triển ổn định và đạt được những

thành tựu quan trọng. MTĐT kinh doanh được cải thiện, tạo cơ sở hành lang pháp lý, điều kiện, môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các tổ chức, công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước sản xuất, kinh doanh. Việt Nam trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn, thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong khu vực và trên thế giới đến đầu tư, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế cao và ổn định tại khu vực Đông Nam Á và châu Á. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, trong đó có xây dựng, cải thiện MTĐT thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu.

Tác giả Võ Đại Lược và nhóm nghiên cứu (1995) với công trình *Đổi mới kinh tế Việt Nam và chính sách kinh tế đối ngoại* [69] tập trung nghiên cứu quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam dưới góc độ về chính sách kinh tế vĩ mô đối với hai khu vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Cuốn sách tiếp cận chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam chủ yếu trên góc độ tiếp nhận ODA, FDI của nước ngoài và quan hệ thương mại với khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong khoảng thời gian từ những năm 1980 đến năm 1995.

Tài liệu *Kỹ năng xúc tiến đầu tư* (2003) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [11] phân tích các kỹ năng cơ bản trong xúc tiến đầu tư, quy trình tổ chức xúc tiến đầu tư, thành lập cơ quan xúc tiến đầu tư quốc gia, xây dựng nội dung giám sát, phân tích cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng và rủi ro, đánh giá MTĐT thông qua phương pháp SWOT

Phương pháp phân tích SWOT có 3 yếu tố: xem xét và đánh giá chi tiết về cơ sở kinh tế và dân số của một nước. Xác định các cơ hội và thách thức có liên quan (ví dụ: các xu hướng và tình hình phát triển cụ thể của quốc gia có khả năng làm tăng hoặc giảm tính hấp dẫn đầu tư của địa điểm đầu tư). Đánh giá, phân tích các điểm mạnh và yếu của nước bạn so với các nước khác. Các kết quả của nghiên cứu trên sẽ được sử dụng để xây dựng các chiến lược xúc tiến đầu tư của cơ quan [11, tr.213].

Nghiên cứu về lĩnh vực đầu tư, trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có đề tài cấp Nhà nước KX.01.05 của tác giả Nguyễn Bích Đạt *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* (2000) [46] đã tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thu hút nguồn vốn FDI, tổng kết, đánh giá thực trạng thu hút đầu tư FDI ở Việt Nam, phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Văn Tuấn trong công trình nghiên cứu *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế Việt Nam* (2005) cho rằng: “Môi trường đầu tư là tổng thể các yếu tố, điều kiện và chính sách của nước tiếp nhận đầu tư chi phối đến hoạt động đầu tư nước ngoài” [123].

Công trình *Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay* [59] của nhóm tác giả Trần Quang Lâm, An Như Hải (2006) nghiên cứu, đánh giá thực trạng dòng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trên cơ sở kết hợp nghiên cứu, so sánh điểm tương đồng và khác biệt trong thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam với một số quốc gia trong khu vực như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan. Nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp nhằm tiếp tục làm tốt công tác cải thiện MTĐT kinh doanh, thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Nhóm tác giả đưa ra định nghĩa về MTĐT:

Môi trường đầu tư là tổng hoà các yếu tố có ảnh hưởng đến công cuộc kinh doanh của nhà đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của các nước chủ nhà, bao gồm các nhóm yếu tố chủ yếu như tình hình chính trị, chính sách đối với FDI, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân số và cơ sở hạ tầng xã hội do trình độ của nền kinh tế quy định [59, tr.40].

Lê Xuân Bá (2006) trong cuốn sách *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam* [1] đã thống kê, khảo sát, phân tích

dòng vốn FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 1988-2003, đánh giá những tác động hết sức tích cực của dòng vốn FDI tới quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, đồng thời phân tích, chỉ rõ những hạn chế, bất cập trong thu hút FDI. Từ đó, rút ra một số bài học kinh nghiệm, đề xuất giải pháp vận dụng vào trong quá trình cải thiện MTĐT, thúc đẩy quá trình đầu tư nước ngoài hiệu quả vào Việt Nam như: “Tiếp tục đổi mới tư duy và đổi mới cách tiếp cận trong xây dựng chính sách đầu tư nước ngoài cho giai đoạn tới. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài để có thể cạnh tranh được với các nước trong khu vực về thu hút FDI...” [1, tr.114].

Nhóm tác giả Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Quốc Việt (2013) trong công trình *Môi trường đầu tư hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam* [93] đã nghiên cứu tổng quan về MTĐT và phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam như: hoàn thiện thể chế, đánh giá từ góc độ năng lực cạnh tranh quốc gia; thực trạng và quan điểm của một số nhà đầu tư nước ngoài; MTĐT của các nước ASEAN và vấn đề phát triển bền vững. Phân tích các khía cạnh của MTĐT hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp cải thiện MTĐT và nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với FDI hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam. Trong đó, tập trung vào ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng, giải quyết nguồn cung năng lượng, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, cải thiện mức độ bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài:

Để khắc phục những hạn chế và có thể tận dụng một cách có hiệu quả nguồn vốn FDI phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam đòi hỏi sự đổi mới về tư duy, xác định rõ những ngành, lĩnh vực ưu tiên cũng như hạn chế trong thu hút FDI, đồng thời thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với FDI [93, tr.183].

Tác giả Trần Khánh Đức (2014) trong công trình *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI* [44] cho rằng nguồn nhân lực là một trong

những yếu tố quan trọng trong xây dựng MTĐT, tạo ra lợi thế cạnh tranh giữa các quốc gia trong thu hút đầu tư, phát triển:

Trong đời sống xã hội hiện đại, cùng với các ưu thế về tiềm lực khoa học và công nghệ, nguồn tư bản tài chính, năng lực tiếp cận thị trường...thì chất lượng nguồn nhân lực nói chung và chất lượng nhân lực nói riêng là một nhân tố bảo đảm tính cạnh tranh của các quốc gia. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực luôn luôn là trọng điểm trong chiến lược phát triển của các quốc gia trên thế giới [44, tr.606].

Nhóm các công trình là Luận án Tiến sĩ nghiên cứu về đầu tư, cải thiện, thu hút đầu tư, xây dựng MTĐT: Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Trần Văn Nam (2000) với đề tài *Hoàn thiện công cụ quản lý của nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta hiện nay* [70] nghiên cứu, đánh giá tác động của công cụ quản lý Nhà nước đối các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tác giả đưa ra các giải pháp dài hạn nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bao gồm: giữ vững ổn định chính trị xã hội, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải cách TTHC, hoàn thiện hệ thống văn bản về đầu tư trực tiếp nước ngoài, ổn định tiền tệ và chống lạm phát, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh thực hiện chiến lược kinh tế mở...

Luận án Tiến sĩ Kinh tế phát triển của Nguyễn Thị Ái Liên (2011) với đề tài: *Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam* [62] đề cập đến các yếu tố của MTĐT:

Môi trường đầu tư bao gồm nhiều yếu tố cấu thành có tác động đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, tới các chủ thể khác và cả nền kinh tế như một tổng thể. Các yếu tố được xếp vào các nhóm khác nhau theo các tiêu chí khác nhau như theo chủ thể tác động, phương thức tác động đến hoạt động đầu tư, theo trình tự tác động đến chu kỳ dự án đầu tư [62, tr.11].

Làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến MTĐT, vai trò và tác động của MTĐT đối với sự phát triển của nền kinh tế. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng tác động của MTĐT đối với hoạt động thu hút FDI vào Việt Nam. Tác giả đưa ra quan điểm, các khuyến nghị, giải pháp nhằm cải thiện MTĐT thu hút có hiệu quả nguồn vốn FDI vào Việt Nam như: ổn định môi trường kinh tế vĩ mô; giải pháp về quy hoạch; hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về MTĐT; CCHC, xây dựng chính phủ điện tử; đào tạo; tăng cường tính minh bạch của nền kinh tế; xúc tiến đầu tư; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại đảm bảo tính liên kết giữa các địa phương, các vùng trong cả nước với khu vực và quốc tế.

Trong luận án Tiến sĩ Kinh tế của Nguyễn Xuân Trung (2011) với đề tài: *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020* [122] đã phân tích, đánh giá kinh nghiệm quốc tế về thu hút, quản lý và sử dụng FDI chất lượng tại Trung Quốc và các nước Mỹ Latinh. Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng các dự án FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 2001-2010. Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm tiếp tục cải thiện MTĐT, môi trường kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư lớn, tiềm năng, nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào Việt Nam giai đoạn 2011-2020 như:

Các ban ngành và địa phương cần có sự đồng thuận và thực hiện quyết liệt tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo tinh thần của Trung ương và chỉ đạo của Chính phủ; nâng cao khả năng chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI; thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trong và ngoài nước; hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với FDI; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng [122].

Luận án Tiến sĩ Kinh tế phát triển của Nguyễn Mạnh Cường (2019) với đề tài: *Ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới quyết định đầu tư của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam* [26] tập trung phân tích cơ sở khoa học về MTĐT, sự cần thiết cải thiện MTĐT, ảnh hưởng của MTĐT tới quyết định đầu tư của DNNVV. Các yếu tố cấu thành MTĐT gồm: Chính trị, pháp luật, cơ sở hạ tầng, hiệu quả quản trị hành chính, thị trường, chi phí, các yếu tố văn hóa, xã hội. Tác giả đưa ra khái niệm MTĐT:

Là tổng hoà các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp, tại nơi doanh nghiệp đang hoạt động, hoặc dự kiến sẽ đầu tư, có thể tạo ra lợi thế hoặc khó khăn cho tiến trình thực hiện vận hành hoạt động đầu tư và do đó nó sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp [26, tr.41].

Tác giả đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng đầu tư, vai trò của DNNVV ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp cải thiện MTĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV phát triển như: giải pháp về chính trị, pháp luật; nâng cao hiệu quả quản trị, thực hiện cam kết của chính quyền, tiếp cận cơ sở hạ tầng và một số nguồn lực đầu vào, chi phí, thị trường, văn hoá, xã hội, một số đề xuất với DNNVV.

Ngoài ra, có một số công trình nghiên cứu về xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT trên các Tạp chí khoa học như: Nghiên cứu “Đánh giá môi trường đầu tư tại Việt Nam giai đoạn 2012-2017 và một số khuyến nghị chính sách” của Nguyễn Bạch Nguyệt, Nguyễn Mạnh Cường trên *Tạp chí Công Thương*, số 1 (1/2018) đã phân tích tổng quan về MTĐT, khái niệm MTĐT, các yếu tố cấu thành MTĐT; thực trạng MTĐT tại Việt Nam giai đoạn 2012-2017. Trong đó, nhóm tác giả đánh giá chung một số điểm mạnh trong MTĐT tại Việt Nam là sự ổn định về chính trị, xã hội; hệ thống pháp luật và các chính sách về đầu tư dần được hoàn thiện. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đưa ra các khuyến nghị, chính sách nhằm cải thiện MTĐT tại Việt Nam:

Thứ nhất, xây dựng chính sách trước hết phải thấu hiểu nhà đầu tư. Thứ hai, xây dựng cơ chế giám sát, thực thi chính sách về môi trường đầu tư. Thứ ba, chú trọng yếu tố tiếp cận nguồn lực cho nhà đầu tư. Thứ tư, tăng cường hiệu quả quản trị hành chính địa phương. Thứ năm, chính quyền các cấp cần quan tâm hợp tác với các nhà đầu tư nhằm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh. [72, tr.129-130].

Nghiên cứu “Mối liên hệ giữa hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế” của Phạm Thị Thu Hà trên *Tạp chí Công Thương*, số 4 (4/2018) đã phân tích mối liên hệ giữa hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế thông qua chỉ số ICOR; phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Tác giả đề xuất 7 giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư bảo đảm tăng trưởng bền vững như: Nhà nước tập trung đầu tư vào những công trình công cộng mà kinh tế tư nhân không hay chưa đầu tư; thực hiện tái đầu tư công; đề cao tiêu chí hiệu quả đầu tư tiết kiệm; rà soát lại toàn bộ quy hoạch tổng thể ngành, lĩnh vực và vùng từ trung ương đến địa phương; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đầu tư công; phối hợp liên kết giữa các ngành, các địa phương; nâng cao vai trò của cá nhân người đứng đầu các tổ chức các cấp, các ngành, các địa phương. Tác giả cho rằng:

Động lực tăng trưởng kinh tế của nước ta phải dựa trên năng suất lao động, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng trưởng trên cơ sở khai thác, phát huy nguồn nội lực có vai trò quyết định, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài mọi yếu tố tăng trưởng được thực hiện trên nền tảng thể chế kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế [47, tr.44].

Nghiên cứu “Thực trạng và các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam” của Nguyễn Thị Thu Hương trên *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Hàng hải*, số 60 (11/2019) phân tích thực trạng MTĐT dưới khía cạnh chính trị xã hội, hành chính, pháp lý, môi trường kinh tế, cơ sở

hạ tầng. Đồng thời, tác giả đề ra 5 nhóm giải pháp về chính trị xã hội, pháp lý và hành chính, kinh tế, cơ sở hạ tầng, lực lượng lao động nhằm cải thiện MTĐT tại Việt Nam. Tác giả cho rằng:

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt về thu hút FDI giữa các quốc gia như hiện nay. Việt Nam muốn đứng vững trên thị trường thì nhà nước cũng như các doanh nghiệp cần có sự nỗ lực hơn nữa trong việc áp dụng đồng bộ các giải pháp để cải thiện từng yếu tố của môi trường đầu tư để nâng cao chất lượng của môi trường đầu tư nói chung [49, tr.90].

Nghiên cứu “Cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam” của Nguyễn Thị Mai Hương trên *Tạp chí Công Thương*, số 22, (9/2020) đã phân tích khái quát chung về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến việc cải thiện môi trường thu hút vốn FDI tại Việt Nam. Tác giả đánh giá tình hình cải thiện môi trường thu hút FDI tại Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp cải thiện MTĐT trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam:

Đề đối phó với bất ổn kinh tế vĩ mô, Chính phủ cần chủ động, linh hoạt và kịp thời điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và chính sách an sinh xã hội. Gắn chặt công tác xây dựng quy hoạch và quản lý quy hoạch. Tiếp tục hoàn thiện môi trường chính sách, pháp luật. Tiếp tục xem xét, rà soát các văn bản pháp luật, chính sách đầu tư, kinh doanh. Kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc phát sinh việc thi hành pháp luật liên quan đến thu hút vốn FDI. Để đảm bảo lợi ích cộng đồng, tránh cấp phép cho dự án gây ô nhiễm môi trường, các địa phương cần thực hiện đúng quy trình thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư...[50].

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng môi trường đầu tư ở một số địa phương

Trong đề tài khoa học: *Điều tra, đánh giá môi trường đầu tư tỉnh Tiền Giang và đề xuất giải pháp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát*

triển (2005) [98] Nguyễn Đình Thọ và nhóm nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến MTĐT của tỉnh Tiền Giang bao gồm: cơ chế, chính sách đầu tư; pháp luật, hành chính, cơ sở hạ tầng, chính sách ưu đãi, nguồn nhân lực và các yếu tố kinh tế - xã hội khác. Phân tích, tổng hợp, đánh giá thực trạng MTĐT tỉnh tại Tiền Giang. Từ đó, đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển của tỉnh Tiền Giang.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Vương Đức Tuấn (2007), *Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2001-2010* [124] đã phân tích những nhân tố ảnh hưởng, kinh nghiệm quốc tế trong hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút FDI. Tác giả tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thu hút FDI tại Thủ đô Hà Nội. Chỉ ra những tác động của cơ chế chính sách đến quá trình thu hút FDI, những điểm tích cực và hạn chế trong cơ chế, chính sách. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao chất lượng hiệu quả thu hút FDI.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Đỗ Hải Hồ (2011), *Cải thiện môi trường đầu tư ở các tỉnh vùng trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam* [53] phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn cải thiện MTĐT. Phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp cải thiện MTĐT tại các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc gồm: nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận; cải thiện cơ chế, chính sách, lấy chính sách huy động vốn đầu tư, kết cấu hạ tầng là khâu đột phá; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao tính minh bạch và chất lượng công vụ; đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, chăm sóc và thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư hiện có. Tác giả cho rằng: “Môi trường đầu tư là tổng hòa các yếu tố khách quan và chủ quan của một quốc gia, hay một khu vực; nó đem lại lợi ích, lợi nhuận cho nhà đầu tư; đồng thời quyết định số lượng, chất lượng các dòng vốn đầu tư vào quốc gia và khu vực đó” [53, tr.42].

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của tác giả Phan Nhật Thanh (2011) với đề tài: *Nghiên cứu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hải*

Dương [95] đã tập trung đi sâu phân tích nội hàm khái niệm chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Phân tích thực trạng, các yếu tố tác động, đánh giá kết quả đạt được trong việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2006-2010. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm tiếp tục cải thiện và nâng cao chỉ số PCI. Luận án nhấn mạnh vai trò của chính quyền địa phương là tạo môi trường thúc đẩy thu hút đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nhằm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Vai trò ấy được xác định trên các mặt sau:

Định hướng phát triển thông qua các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế; tạo môi trường pháp lý và kinh tế cho các doanh nghiệp hoạt động và cạnh tranh lành mạnh. Điều tiết hoạt động và phân phối lợi ích một cách công bằng thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính công. Kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế theo pháp luật, chính sách đề ra [95, tr.24].

Luận án Tiến sĩ Lịch sử của Phạm Mạnh Thắng (2018) với đề tài: *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ năm 1996 đến năm 2015* [96]. Tác giả đã phân tích, làm rõ các yếu tố tác động đến công tác thu hút vốn FDI của Thành phố Hồ Chí Minh. Làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo thực hiện thu hút vốn FDI của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1996-2015. Phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và rút ra một số bài học kinh nghiệm vận dụng trong quá trình lãnh đạo thu hút vốn FDI của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Hồ Sỹ Ngọc (2015) với đề tài: *Cải thiện môi trường đầu tư trong điều kiện hội nhập, nghiên cứu điển hình tại tỉnh Nghệ An* [71] phân tích nội dung của MTĐT gồm: Pháp luật, cơ chế, chính sách về đầu tư; cơ chế thực thi và TTHC; cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Các yếu tố tác động đến MTĐT gồm: điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; yếu tố chính trị, văn hoá; hội nhập kinh tế quốc tế; khoa học công nghệ. Phân tích thực trạng cải

thiện MTĐT tại tỉnh Nghệ An trong điều kiện hội nhập; đánh giá những kết quả và hạn chế trong quá trình thực hiện; đưa ra khuyến nghị và giải pháp nâng cao hiệu quả cải thiện MTĐT tại Nghệ An. Luận án đưa ra khái niệm MTĐT cấp tỉnh “Là tập hợp các yếu tố đặc thù địa phương đang định dạng các cơ hội, và động lực để doanh nghiệp đầu tư có hiệu quả, tạo việc làm và mở rộng sản xuất” [71, tr.53]. Trong đó, chỉ rõ nội hàm của khái niệm MTĐT cấp tỉnh là môi trường thu nhỏ của MTĐT quốc gia gồm 3 yếu tố cơ bản là: luật lệ, cơ chế và chính sách; cơ chế thực thi và thủ tục hành chính liên quan; cơ sở hạ tầng hỗ trợ phát triển.

Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng của tác giả Nguyễn Trung Dũng (2020) với đề tài: *Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo xây dựng môi trường đầu tư từ năm 2005 đến năm 2015*. Tác giả luận án đã hệ thống chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng MTĐT, từ Đại hội VII của Đảng (1991) đến Đại hội XI (2011). Đồng thời, phân tích, làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ thành phố Hải Phòng về xây dựng MTĐT từ năm 2005 đến năm 2015 trên 4 nội dung chủ yếu: “Một là, xây dựng cơ chế chính sách, tạo dựng môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư; hai là, cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động đầu tư; ba là, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bốn là, phát triển nguồn nhân lực.” [31, tr.8]. Nhận xét, rút ra các bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Hải Phòng trong xây dựng MTĐT.

Ngoài ra, có những công trình nghiên cứu về xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT trên các Tạp chí khoa học như:

Nghiên cứu “Hà Nội cải thiện môi trường đầu tư tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển” của tác giả Nguyễn Đình Quyết đăng trên *Tạp chí Cộng sản* (2020) đề cập các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cải thiện MTĐT cho thành phố Hà Nội gồm:

Một là, duy trì các chỉ số thành phần có truyền thống xếp hạng tốt của Hà Nội là chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, chỉ số đào tạo lao động, chỉ số gia nhập thị trường. Hai là, tiếp tục tập trung cải thiện các chỉ số, như thiết chế pháp lý, tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức, tính minh bạch. Ba là, tiếp tục cải cách hành chính sâu rộng theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tăng tính minh bạch. Bốn là, chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng đón thời cơ mới, làn sóng chuyển hướng đầu tư ra ngoài Trung Quốc, từ các quốc gia tham gia Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA). Năm là, triển khai các chính sách về phát triển doanh nghiệp và khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Sáu là, phát huy tốt hơn nữa vai trò cầu nối của các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề [82].

Nghiên cứu “Cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi của thành phố Hải Phòng giai đoạn hiện nay” của Nguyễn Trung Dũng trên *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, số 02 (06/2023) phân tích, đánh giá tác động của công tác cải cách TTHC, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; vai trò lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Hải Phòng góp phần tạo lập MTĐT thuận lợi cho thành phố Hải Phòng “Cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi có ý nghĩa, vai trò đặc biệt quan trọng, trực tiếp góp phần tạo cơ hội, thúc đẩy đầu tư phát triển nhanh và bền vững” [28, tr.152].

Nghiên cứu “Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần cải thiện môi trường đầu tư ở thành phố Hải Phòng” của Nguyễn Trung Dũng trên *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, số 03 (09/2023) [29] đã phân tích tác động của việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong cải thiện MTĐT; đánh giá quá trình lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Hải Phòng trong đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nghiên cứu “Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo xây dựng, cải thiện môi trường đầu tư 2005-2015” của tác giả Nguyễn Trung Dũng trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 09 (09/2023) [30] đã phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng MTĐT. Phân tích thực trạng, đánh giá kết quả đạt được trong xây dựng, cải thiện MTĐT tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2005-2015 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Hải Phòng.

1.1.2.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến xây dựng môi trường đầu tư ở Hưng Yên

Nội dung liên quan đến các yếu tố của MTĐT, xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên được đề cập đến trong một số công trình liên quan như: Công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên Tập III (1975-2005)* (2009) nghiên cứu, tổng kết quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; đặc biệt là sau khi Hưng Yên tái lập tỉnh năm 1997, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH, tăng trưởng kinh tế nhanh, vững chắc. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên hết sức quan tâm tới việc đổi mới cơ chế, tạo môi trường thuận lợi, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2001-2005 chủ trương:

Xây dựng, phát triển đồng bộ và lành mạnh hoá thị trường. Đổi mới cơ chế thu hút các nguồn vốn đầu tư và cơ cấu đầu tư. Ra sức khai thác, phát huy nội lực và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để thu hút các nguồn vốn đầu tư; kết hợp nội lực và ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp. Tiếp tục đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng tỷ trọng đầu tư và thúc đẩy nhanh hơn CNH nông nghiệp nông thôn; ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tạo môi trường thuận lợi thu hút vốn và phát triển kinh tế xã hội [2, tr.359].

Công trình “*Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của nhóm tác giả Phạm Đức Kiên và Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2015) phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới như: hoàn thiện công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập; huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới; đào tạo đội ngũ cán bộ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đẩy mạnh tuyên truyền nhận thức; có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

Tạo cơ chế, chính sách thông thoáng, môi trường hấp dẫn doanh nghiệp đầu tư. Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp như: chợ, điện, công trình cấp nước sinh hoạt, thu gom, xử lý rác thải, bến đò, bến phà...doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, được ngân sách hỗ trợ sau đầu tư, được hưởng ưu đãi theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn [57, tr.279].

Một số luận án nghiên cứu các lĩnh vực thuộc về MTĐT: Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Phạm Thị Tuyết Nhung (2013) với đề tài *Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến nền kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 1998-2010* [73] đánh giá thực trạng thu hút FDI của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 1998-2010, tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến nền kinh tế của tỉnh. Từ đó, chỉ ra những kết quả, hạn chế, nguyên nhân, rút ra các bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Đỗ Minh Trí (2015) với đề tài: *Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thu hút đầu tư tại tỉnh Hưng Yên* [121] đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao năng lực cạnh tranh. Chỉ ra các

yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gồm: chính sách chung về thu hút đầu tư và cải cách TTHC, xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng, chất lượng nguồn lao động, quy hoạch các KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Luận án đưa ra khái niệm năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: “Là thể hiện tối ưu hoá sự khác biệt trong xây dựng đường lối phát triển kinh tế xã hội bởi vai trò lãnh đạo cấp tỉnh, nhằm đạt được mục tiêu cao nhất về phát triển kinh tế xã hội cho từng thời kỳ cụ thể” [121, tr.9]. Luận án phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư tại tỉnh Hưng Yên. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư cho Hưng Yên: hoàn thiện chính sách về thu hút đầu tư và cải cách TTHC, phát triển hệ thống đường giao thông, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương, phát triển các KCN, CCN, làng nghề

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Hoàng Minh Đức (2018) với đề tài: *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại* [45] đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng và tác động của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại. Trong đó chỉ ra đầu tư vào nông nghiệp của tỉnh còn hạn chế “Đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh còn thấp (153/2768 doanh nghiệp tương ứng 5,60%) quy mô vốn nhỏ, chỉ có 1/347 doanh nghiệp FDI đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chiếm 0,28%” [45, tr.119]. Từ đó, luận án đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại. Trong đó có việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo dựng MTĐT, thu hút đầu tư vào phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực nông thôn, đẩy mạnh CNH, HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn. Trong đó, chú trọng vào giải pháp về vốn đầu tư và thu hút đầu tư gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đào tạo, thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng hiện đại.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Vũ Thị La (2019) với đề tài: *Quản lý phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững* [58]. Luận án

đã tập trung đi sâu, phân tích cơ sở lý luận, cơ sở khoa học về quản lý phát triển KCN theo hướng bền vững. Phân tích, tổng kết, đánh giá thực trạng công tác quản lý phát triển các KCN tại tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững. Chỉ ra những thành tựu và hạn chế công tác quản lý phát triển các KCN tỉnh Hưng Yên, những nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý phát triển các KCN tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững. Từ đó, đề xuất các giải pháp, kiến nghị quản lý phát triển các KCN theo hướng bền vững đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 như: nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, hoàn thiện pháp lý quản lý KCN; nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức; nhóm giải pháp về quản lý phát triển KCN bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường; thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng các KCN. Trong đó, nhấn mạnh giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch KCN phát triển theo hướng bền vững:

Công tác quy hoạch khu công nghiệp đóng vai trò là nhân tố đầu vào quan trọng cho toàn bộ quá trình quản lý khu công nghiệp phát triển theo hướng bền vững về sau, nếu việc hoạch định các khu công nghiệp ngay từ đầu đã tính tới các yếu tố phát triển bền vững sẽ tạo ra kim chỉ nam cho các hoạt động quản lý khu công nghiệp về sau và ngược lại [58, tr.133].

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Kim Quang Chiêu (2019) với đề tài: *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững* [16] đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về FDI, KCN, các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào phát triển các KCN theo hướng bền vững gồm nhóm các nhân tố quốc gia, nhóm các nhân tố thuộc chính quyền địa phương, nhóm các yếu tố thuộc về các doanh nghiệp trong KCN; làm rõ vị trí, vai trò, tác động của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với sự phát triển các KCN. Tác giả cho rằng:

Thu hút FDI vào phát triển các khu công nghiệp theo hướng bền vững là việc áp dụng các biện pháp, chính sách để các nhà đầu tư

trực tiếp nước ngoài đến đầu tư vào các khu công nghiệp bằng các hình thức khác nhau, phù hợp với lợi ích chung của địa phương tiếp nhận đầu tư, có tác động tích cực đến sự phát triển các doanh nghiệp và khu công nghiệp được kết hợp hài hoà giữa ba mục tiêu lớn: tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, giữ gìn và bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp mà còn tác động lan toả tích cực ra ngoài khu công nghiệp [16, tr.35].

Luận án tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển các KCN tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2016; đề xuất các giải pháp tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển các KCN của tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững với 7 nhóm giải pháp: Đổi mới tư duy và nhận thức đối với thu hút FDI vào phát triển KCN; hoàn thiện quy hoạch và phát triển hạ tầng các KCN; tăng cường công tác hỗ trợ đầu tư và xúc tiến đầu tư; phát triển nguồn nhân lực; cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của tỉnh và Ban Quản lý các KCN; nâng cao năng lực của bộ máy thẩm định, giám sát trong thu hút FDI phát triển KCN theo hướng bền vững...

Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị của Nguyễn Lệ Hương (2024) với đề tài: *Thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên* [51] nghiên cứu cơ sở lý luận về thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh trên địa bàn cấp tỉnh; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thế chế; kinh nghiệm quốc tế và trong nước về thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh; phân tích các nhân tố về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên; thực trạng và đánh giá chung về thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2022; dự báo và đề xuất 7 nhóm giải pháp hoàn thiện thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh tỉnh Hưng Yên: Hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan phát triển công nghiệp xanh trên địa bàn cấp

tỉnh; hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đối với các KCN; hoàn thiện thể chế về vốn để đổi mới công nghệ xanh. Hoàn thiện thể chế về vốn để đổi mới công nghệ xanh; hoàn thiện chính sách đào tạo nhân lực để phát triển công nghiệp xanh; giải quyết hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp - nhà nước trong thúc đẩy công nghiệp xanh; tận dụng lợi ích từ hội nhập quốc tế nhằm cải thiện công nghệ môi trường phát triển công nghiệp xanh; hoàn thiện công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch các KCN theo hướng công nghiệp xanh. Tác giả cho rằng phát triển công nghiệp xanh là xu hướng phát triển bền vững và “Thể chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh chính là công cụ pháp lý hiệu quả để đạt được chuyển đổi căn bản toàn diện và lâu dài.” [51, tr.57].

Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu về xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT đăng tải trên các Tạp chí khoa học như:

Nghiên cứu “Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư ở tỉnh Hưng Yên” [120] của nhóm tác giả Đỗ Minh Trí, Bùi Bằng Đoàn trên *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, số 5 (2014) đã phân tích thực trạng cải cách TTHC tại tỉnh Hưng Yên trên một số nội dung như: Ban hành các văn bản hướng dẫn cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; rà soát văn bản TTHC trong thu hút đầu tư và đơn giản hóa các TTHC; triển khai TTHC một cửa; tập huấn tuyên truyền về thực hiện các TTHC; tăng cường các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ CCHC; nâng cao trình độ cán bộ. Phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới công tác cải cách TTHC trong thu hút đầu tư; đề xuất các giải pháp đẩy mạnh cải cách TTHC nhằm thu hút đầu tư, trong đó tập trung vào các giải pháp chủ yếu như: Tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ trương cải cách TTHC; hoàn thiện thể chế pháp lý; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các bộ phận cải cách TTHC ở cơ quan cấp tỉnh; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chung; tập trung rà soát toàn diện các TTHC, đẩy mạnh chất lượng phục vụ ở bộ phận một cửa và một cửa liên thông. Tác giả khẳng định cải cách TTHC có vai trò quan trọng trong thu hút đầu tư của tỉnh:

Công tác cải cách thủ tục hành chính đã tạo được nhiều bước đột phá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, tư pháp, đặc biệt là kinh tế với kết quả rõ nét là số lượng các nhà đầu tư đến với Hưng Yên không ngừng tăng lên. Hoạt động của các cơ quan hành chính được thông suốt, tình trạng làm việc quan liêu, tùy tiện không còn, nền hành chính ngày một chuyên nghiệp từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường thu hút đầu tư [120, tr.804].

Bài viết của tác giả An Chi trên *Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp* (2020) với tựa đề “Hưng Yên: Bước tiến mới trong thu hút đầu tư” đã phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, đồng thời, chỉ ra những điểm mới trong chính sách thu hút đầu tư của tỉnh như: Tăng cường cải thiện MTĐT kinh doanh, thực hiện tốt việc cải cách TTHC; tích cực triển khai các giải pháp thiết thực để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, cùng nhau giải quyết vướng mắc, khó khăn cho nhà đầu tư: “Tỉnh Hưng Yên đặc biệt coi trọng việc tạo môi trường đầu tư thuận lợi, an toàn và tin cậy cho các nhà đầu tư, luôn đặt doanh nghiệp vào vị trí quan trọng của sự phát triển với phương châm thành công của các doanh nghiệp chính là sự thành công của tỉnh Hưng Yên” [12].

Bài viết “Hưng Yên tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thúc đẩy kinh tế và phát triển bền vững” của tác giả Phạm Hà (2020) trên *báo Nhân dân* (19/05/2020) [48] đã phân tích thực trạng thu hút đầu tư của tỉnh Hưng Yên; vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền trong việc tạo dựng MTĐT như: Đẩy mạnh CCHC, TTHC; thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hưng Yên; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch phát triển công nghiệp, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư. Tỉnh Hưng Yên chủ trương

Đẩy nhanh tiến độ thành lập, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đưa vào hoạt động các khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tích cực thu hút doanh nghiệp vào các khu công nghiệp, cụm

công nghiệp. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và chỉ đạo quyết liệt công tác chuẩn bị đầu tư; thực hiện các dự án đầu tư, nhất là tiến độ đầu tư và giải phóng mặt bằng. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư...[48].

Bài viết “Hưng Yên phấn đấu thành tỉnh công nghiệp hiện đại, sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững” [61] của tác giả Vũ Thuỳ Linh trên *Tạp chí Cộng sản điện tử* (24/10/2020) đã phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư của tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư như: Tập trung mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là giao thông, thu hút đầu tư phát triển mạnh công nghiệp. Nâng cấp, cải tạo, HĐH kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị thông minh, hiện đại. Chuyển trọng tâm thu hút đầu tư từ số lượng sang chất lượng, thân thiện môi trường và hiệu quả sử dụng đất đai. Ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ số, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư.

Nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào tỉnh Hưng Yên của các nhà đầu tư trong và ngoài nước” của Nguyễn Văn Hương trên *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6 (5/2022) [52] đã đưa ra mô hình nghiên cứu thu hút đầu tư/quyết định đầu tư tại địa phương dựa trên 8 yếu tố từ H1 đến H8 gồm: Cơ sở vật chất, hạ tầng đầu tư; chế độ, chính sách đầu tư; môi trường sống và làm việc; lợi thế ngành đầu tư; chi phí đầu vào cạnh tranh; nguồn nhân lực; thương hiệu địa phương; chất lượng dịch vụ công. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị giúp nâng cao thu hút đầu tư vào tỉnh Hưng Yên:

Thứ nhất, về chính sách đầu tư, chính quyền tỉnh Hưng Yên cần nhanh chóng ban hành các chính sách ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. *Thứ hai*, về lợi thế ngành đầu tư, chính quyền tỉnh cần quan tâm đến việc hình thành các chuỗi logistics, qua đó tạo sự thuận tiện nhất để các doanh nghiệp tiếp cận nguồn nguyên liệu chính cần cho sản xuất. *Thứ ba*, nhằm bảo vệ môi trường, văn hóa, xã hội thân thiện, trước tiên tỉnh cần tập trung đẩy mạnh các hoạt động sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích các tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. *Thứ tư*, xây dựng thương hiệu địa phương trong những năm qua phần nào nâng cao được vị thế của tỉnh trên bản đồ thu hút đầu tư của cả nước. *Thứ năm*, chi phí đầu vào cạnh tranh của tỉnh so với các tỉnh khác cũng giúp tỉnh thu hút các nhà đầu tư và doanh nghiệp. *Thứ sáu*, hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng đầu tư và nâng cao kết nối hệ thống giao thông vận tải giữa các vùng kinh tế trong tỉnh, giữa các địa phương Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và với cả nước. *Thứ bảy*, đối với nguồn nhân lực địa phương vẫn được coi là tiềm năng dồi dào cho khu công nghiệp trên địa bàn [52, tr.65].

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.2.1. Kết quả nghiên cứu các công trình đã tổng quan liên quan đến đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu liên quan đến chủ đề xây dựng MTĐT khá phong phú, đa dạng về chuyên ngành tiếp cận ở nhiều khía cạnh, góc độ và phương pháp khác nhau; đóng góp lớn về mặt khoa học.

** Về mặt tư liệu*

Nghiên cứu về xây dựng MTĐT là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều tác giả trong và ngoài nước. Các nhà nghiên cứu ở các lĩnh vực và chuyên ngành khác nhau đã khai thác một số lượng tư liệu lớn về nội dung MTĐT và

xây dựng MTĐT. Các công trình đã công bố rất phong phú về thể loại bao gồm sách, đề tài khoa học các cấp, tạp chí, bài báo khoa học, luận án tiến sĩ. Đây là cơ sở tiền đề quan trọng để làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nói riêng trong quá trình xây dựng MTĐT. Mặc dù các công trình được khai thác, tiếp cận ở nhiều góc độ, mức độ, phạm vi nghiên cứu khác nhau, song kết quả nghiên cứu của các công trình đã cung cấp, chỉ dẫn nhiều tư liệu có giá trị liên quan đến xây dựng MTĐT. Đây là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa trong quá trình thực hiện mục tiêu và triển khai nhiệm vụ nghiên cứu

** Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu*

Các công trình nghiên cứu liên quan đến xây dựng MTĐT được nghiên cứu, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như: Kinh tế phát triển, Kinh tế chính trị, Kinh tế nông nghiệp, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... Các nghiên cứu sử dụng đa dạng các phương pháp như: phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử, logic... Sự đa dạng trong cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu là cơ sở để luận án lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu vấn đề xây dựng MTĐT phù hợp với góc độ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

** Về nội dung nghiên cứu*

Thứ nhất, tổng hợp các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, các công trình đã luận giải, cung cấp một hệ thống kiến thức khá toàn diện và sâu sắc liên quan đến lý luận xây dựng MTĐT; làm rõ vai trò, tầm quan trọng của xây dựng MTĐT đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

Các công trình đề cập, làm rõ khái niệm MTĐT, các nội dung cơ bản của MTĐT, xây dựng MTĐT, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn xây dựng MTĐT. Các nghiên cứu khẳng định MTĐT tổng hợp nhiều yếu tố từ vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, chế độ chính trị, thể chế, cơ chế, chính sách, cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa - xã hội cho đến yếu tố tâm lý. Các yếu tố này có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư và các khu vực, quốc gia,

địa phương được đầu tư. Các công trình đánh giá tác động, vai trò của MTĐT đối với thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, khu vực và địa phương, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, hội nhập quốc tế...

Các công trình nghiên cứu cho thấy chính phủ các nước đều khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của xây dựng MTĐT đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Theo đó, xây dựng MTĐT là quá trình tạo dựng môi trường cho nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh, thông qua xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách; xây dựng thể chế, cải cách hành chính; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế xã hội; phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo lập MTĐT kinh doanh thông thoáng, cởi mở, linh hoạt, công khai, minh bạch, hiện đại; đảm bảo tính cạnh tranh, ổn định, an toàn, tiết kiệm chi phí, hiệu quả kinh tế cao và phát triển bền vững cho nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp và các quốc gia, khu vực, địa phương được đầu tư.

Thứ hai, cung cấp những kiến thức khoa học chuyên sâu về thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng MTĐT.

Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng MTĐT ở nước ngoài có thể vận dụng vào Việt Nam như: Cải cách thể chế, pháp lý, cải cách TTHC, HĐH kết cấu hạ tầng, ưu đãi về thuế quan, chi phí thuê mặt bằng, nhân công, thành lập Hội đồng Điều phối cải thiện MTĐT...

Đề cập đến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các nghiên cứu khẳng định, trong xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước hết sức quan tâm đến công tác xây dựng MTĐT; khẳng định MTĐT có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút đầu tư, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH, hội nhập quốc tế.

Các nghiên cứu chỉ rõ, xây dựng MTĐT được quy hoạch bài bản, khoa học, công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, công ty, doanh nghiệp tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm; thúc đẩy tái đầu tư, mở rộng phát triển sản xuất, kinh doanh; tiếp tục thu hút các nhà đầu tư. Ngược lại, MTĐT không tốt sẽ gây khó khăn, cản trở cho quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát sinh chi phí, tổn kém, lãng phí nguồn lực, hiệu quả kinh tế - xã hội không cao. Do đó, xây dựng MTĐT được coi là điều kiện tất yếu, khách quan đảm bảo cho sự thành công của nền kinh tế.

Các nghiên cứu đánh giá kết quả tích cực trong xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT, thu hút đầu tư tại Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng. Đồng thời chỉ ra những hạn chế làm giảm sức hấp dẫn và tính cạnh tranh đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI. Đó là các vấn đề về cơ chế quản lý, chính sách, TTHC liên quan đến MTĐT; hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng; chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; chi phí thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh, thuê lao động còn cao so với các nước trong khu vực làm giảm tính cạnh tranh của MTĐT tại Việt Nam so với quốc gia có điều kiện tương đồng trong khu vực...

Thứ ba, các nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị và đề xuất các giải pháp nhằm làm tốt hơn nữa công tác xây dựng MTĐT. Các khuyến nghị, giải pháp tập trung vào việc thực hiện tốt công tác quản lý hành chính Nhà nước, quy hoạch đầu tư; cải cách TTHC; xây dựng chính phủ điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường, bảo đảm an ninh, an toàn; tạo điều kiện, môi trường an toàn, thuận lợi cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Một số nghiên cứu phân tích, đánh giá tác động của đầu tư, MTĐT đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên. Một số nghiên cứu là luận án, dưới góc độ chuyên ngành kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế tài chính, kinh tế thương mại, quản trị kinh doanh đã khảo sát, phân tích, đánh giá tác động của đầu tư, MTĐT đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên. Song chưa có nhiều công trình nghiên cứu về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý quy hoạch xây dựng MTĐT. Dưới góc độ nghiên cứu Lịch sử Đảng, trong số các công trình nghiên cứu về xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020. Nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên. Trên cơ sở đó, rút ra nhận xét, bài học kinh nghiệm trong xây dựng MTĐT có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Tuy chưa có công trình nào đề cập một cách hệ thống toàn diện về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đối với nội dung xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020, nhưng những công trình nghiên cứu nêu trên là nguồn tư liệu quan trọng, cung cấp nhiều nội dung khoa học, gợi mở những phương pháp nghiên cứu thiết thực để luận án kế thừa giải quyết nhiệm vụ đặt ra.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết

Một là, những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

Phân tích, đánh giá các yếu tố về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Hưng Yên. Tình hình quốc tế và trong nước giai đoạn 2010-2020 tác động đến xây dựng MTĐT; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước về xây dựng MTĐT. Đây là những yếu tố tác động trực tiếp, thường xuyên đến quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên

lãnh đạo xây dựng MTĐT. Là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đề ra chủ trương lãnh đạo xây dựng MTĐT phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương.

Hai là, chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

Luận án tập trung nghiên cứu, làm rõ quan điểm, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020 qua 2 giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020. Phân tích quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong xây dựng MTĐT trên các nội dung chủ yếu: Hoàn thiện hệ thống chính sách cho hoạt động đầu tư; CCHC, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư; xây dựng kết cấu hạ tầng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Ba là, ưu điểm, hạn chế trong lãnh đạo xây dựng MTĐT của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên từ năm 2010 đến năm 2020.

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm, chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020; luận án phân tích, tổng kết, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế trong công tác lãnh đạo xây dựng MTĐT của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên.

Bốn là, kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020.

Trên cơ sở nghiên cứu quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong xây dựng MTĐT từ năm 2010 đến năm 2020, luận án đúc rút một số kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng MTĐT của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên.

Tiểu kết chương 1

Xây dựng MTĐT là chủ trương, quyết sách đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; thực hiện CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế; MTĐT chính là chìa khóa quan trọng để Việt Nam tận dụng thời cơ, khai thác và phát huy tối đa mọi nguồn lực trong nước và quốc tế, bứt phá vươn lên. Đưa Việt Nam từ một nước nghèo, chậm phát triển trở thành một trong những quốc gia đang phát triển, có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất khu vực châu Á và thế giới; kinh tế - xã hội phát triển ổn định; đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và từng bước nâng cao; vị thế, vai trò và uy tín của Việt Nam được coi trọng và nâng cao trên trường quốc tế. Đóng góp vào thành công chung đó có nhiều nguyên nhân; trong đó có việc Đảng, Nhà nước ta đã làm tốt công tác hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng MTĐT.

Các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài luận án được nghiên cứu, tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, đã khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT; khẳng định tác động của MTĐT đối với việc thu hút đầu tư nói chung, trong đó có thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, tác động của MTĐT đối với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các quốc gia.

Các công trình nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT, thu hút đầu tư tại Việt Nam và các địa phương. Từ đó, nghiên cứu, tổng kết, đúc rút các bài học kinh nghiệm, đề xuất các khuyến nghị, giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn nữa công tác xây dựng MTĐT, cải thiện MTĐT và thu hút đầu tư.

Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu về xây dựng MTĐT tại Việt Nam nói chung và Hưng Yên nói riêng chủ yếu nghiên cứu dưới góc độ kinh tế học, kinh tế phát triển, quản lý hành chính, quản trị kinh doanh; tài

chính ngân hàng, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về quá trình “*Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng môi trường đầu tư từ năm 2010 đến năm 2020*” dưới góc độ khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã tổng quan, nghiên cứu sinh kế thừa để nghiên cứu đề tài luận án.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ (2010-2015)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

2.1.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng môi trường đầu tư

2.1.1.1. *Tình hình thế giới, trong nước*

** Tình hình thế giới*

Trong giai đoạn 2010-2015, tình hình quốc tế tiếp tục có nhiều thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, khó lường, song về cơ bản xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng đã tác động lớn đến năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, thị trường lao động, việc làm, dịch chuyển các dòng vốn đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên toàn cầu, tạo điều kiện, cơ hội cho các quốc gia cải thiện, xây dựng MTĐT.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa chính trị, kinh tế chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Ngày 22/11/2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập tại thủ đô Kuala Lămpơ (Malaixia) đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của tổ chức ASEAN; khẳng định vị thế, vai trò, uy tín, trách nhiệm trong giải quyết các thách thức, xung đột ở khu vực và trên trường quốc tế. Đây là cơ hội, điều kiện thuận lợi cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, mở rộng thị trường hợp tác, thu hút vốn đầu tư từ các quốc gia, vùng lãnh thổ trong khu vực, thúc đẩy sản xuất, phát triển nền kinh tế trong nước. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, trong đó có tỉnh Hưng Yên xây dựng MTĐT.

Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi; tình hình quốc tế và khu vực cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ, khó khăn, thách thức đan xen với những diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường, khó đoán định. Kinh tế thế giới và khu vực phục hồi, tăng trưởng chậm sau khủng hoảng kinh tế, tài chính, tiền tệ; vấn đề nợ công, chiến tranh, xung đột trên toàn cầu cũng ảnh hưởng tới quá trình phục hồi, tái cấu trúc nền kinh tế và cải thiện MTĐT toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia, khu vực không đồng đều, chưa ổn định và thiếu bền vững. Thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế, giá dầu và giá nguyên liệu thường xuyên biến động ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi, phát triển của nền kinh tế thế giới. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt. Điều này, ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến quá trình phục hồi, phát triển kinh tế, mở rộng sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam; đồng thời ảnh hưởng, tác động đến quá trình xây dựng MTĐT của các địa phương, trong đó có tỉnh Hưng Yên. Đại hội XII của Đảng đánh giá những khó khăn trong giai đoạn 2010-2015: “Tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông... đã tác động bất lợi đến nước ta” [42, tr.423-424].

** Tình hình trong nước*

Sau 25 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước; mở cửa, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng. Kinh tế ngày một phát triển, chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường và bảo đảm; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và từng bước nâng cao. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế, vai trò và uy tín của Việt Nam ngày một

được khẳng định và nâng cao trên trường quốc tế. Việt Nam trở thành điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn, thu hút du khách và các nhà đầu tư quốc tế đến tham quan, du lịch, sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng bộc lộ những tồn tại, hạn chế như: kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng chỉ rõ hạn chế trong giai đoạn 2010-2015: “Đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được” [42, tr.426].

Những điều kiện thuận lợi, khó khăn từ tình hình quốc tế và trong nước có ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng MTĐT, thu hút đầu tư của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2010-2015.

2.1.1.2. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng môi trường đầu tư

**** Chủ trương của Đảng về xây dựng môi trường đầu tư***

Xây dựng MTĐT là chủ trương lớn, đúng đắn, sáng tạo và xuyên suốt của Đảng trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế. Đại hội VI (1986) của Đảng xác định mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế; trong đó có hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư từ bên ngoài là nhiệm vụ quan trọng: “Những năm tới một mặt phải tranh thủ các nguồn vốn bên ngoài với các mức cao nhất” [37, tr.193]. Sự kiện này đánh dấu bước đột phá trong nhận thức, tư duy của Đảng về nền kinh tế thị trường, về vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế; đặc biệt là các nguồn lực đầu tư từ nước ngoài. Đây là cơ sở để Quốc hội thông qua Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987.

Tại Đại hội VII (1991), Đảng thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”. Trong đó, thúc đẩy hội nhập quốc

tế tiếp tục được Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Trong “*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*” Đảng ta khẳng định: “Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào nước ta đầu tư, hợp tác kinh doanh. Xây dựng thể chế đồng bộ, ổn định, thuận tiện và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh; thống nhất đầu mối giải quyết các thủ tục và yêu cầu đầu tư của nước ngoài” [40, tr.179].

Đại hội IX (2001) của Đảng chủ trương: “Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào nước ta, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu và sản phẩm công nghệ cao” [38, tr.321]. Đại hội X của Đảng (2006) khẳng định: “Cải thiện môi trường pháp lý và kinh tế, đa dạng hoá các hình thức và cơ chế để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh quan trọng” [39, tr.87].

Đặc biệt, tại Đại hội XI (2011), Đảng khẳng định:

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới...tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. [41, tr.192].

Đại hội XI đề ra 3 đột phá chiến lược bao gồm:

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng kết cấu hạ tầng

đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn [41, tr.106].

Theo đó, Đại hội XI chú trọng các nhiệm vụ, giải pháp:

Thứ nhất, “Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn, mở rộng thị trường xuất khẩu” [41, tr.139].

Thứ hai, Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân theo quy hoạch và quy định của pháp luật, thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân, khuyến khích tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước [41, tr.110-111].

Thứ ba, Tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng tự do hóa thương mại và đầu tư. Phát triển thị trường tài chính với cơ cấu hoàn chỉnh. Phát triển và kiểm soát có hiệu quả thị trường chứng khoán. Phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, ngăn chặn tình trạng đầu cơ; hoàn thiện cơ chế vận hành sàn giao dịch bất động sản. Phát triển thị trường lao động, khuyến khích các hình thức giao dịch việc làm. Phát triển nhanh thị trường khoa học và công nghệ, khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường [41, tr.111-112].

Thứ tư, “Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến” [41, tr.236].

Thứ năm, Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ

chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa [41, tr.250].

Thứ sáu, Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Hoàn thiện quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng cả nước” [41, tr.200]. Trong đó cần “Đa dạng hóa hình thức đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng [41, tr.118].

Thứ bảy, “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững [41, tr.130].

** Chính sách của Nhà nước về xây dựng môi trường đầu tư*

Thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới toàn diện đất nước; trong đó có đổi mới lĩnh vực kinh tế; mở cửa, cải thiện, xây dựng MTĐT của Đảng. Ngày 29/12/1987, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá VIII, Quốc hội thông qua Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với 6 chương, 42 điều. Trong giai đoạn 1990-2000, Quốc hội đã tiến hành bốn lần sửa đổi Luật Đầu tư nước ngoài vào các năm 1990, 1992, 1996 và 2000. Ngày 22/06/1994, Quốc hội thông qua Luật số 35-L/CTN về Khuyến khích đầu tư trong nước. Trên cơ sở đó, ngày 12/05/1995, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 29/CP Quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của Luật đầu tư, tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Đầu tư nước ngoài và Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước. Năm 2005, Quốc hội ban hành một Luật Đầu tư chung, thống nhất thay thế cho Luật Đầu tư nước ngoài và Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước.

Theo đó, ngày 29/11/2005, Quốc hội khoá XI đã thông qua “*Luật Đầu tư*” quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài [77]. Như vậy, *Luật Đầu tư* năm 2005 với 10 chương, 89 điều đã mở rộng quyền tự chủ trong đầu tư, bằng việc xóa bỏ một loạt rào cản đầu tư không phù hợp với thông lệ kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện MTĐT, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư. Trên cơ sở Luật Đầu tư 2005, ngày 22 tháng 9 năm 2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2006/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật Đầu tư*.

Ngày 08/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 nhằm mục tiêu:

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.
2. Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.
3. Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước.
4. Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước.
5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu

phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 10 năm tới là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công. [14].

Sự ra đời của Nghị quyết số 30c/NQ-CP đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác CCHC, xây dựng MTĐT tại Việt Nam. Ngày 14/01/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg Về Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư. Trong đó xác định, hoạt động xúc tiến đầu tư ở trong nước và ở nước ngoài bao gồm: xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và xúc tiến đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài. Nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm: Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư. Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư. Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư “Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư” [100].

Xác định rõ các nguyên tắc đối với hoạt động xúc tiến đầu tư: Các hoạt động xúc tiến đầu tư tại trong nước và nước ngoài phải được xây dựng, tập hợp thành chương trình xúc tiến đầu tư, sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực. Có tính khả thi về nội dung, phương thức,

thời gian, địa điểm, kinh phí và tiến độ triển khai. Chú trọng các hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (xúc tiến đầu tư tại chỗ) thông qua các hình thức hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy triển khai dự án hiệu quả. Khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư [100, tr.1-2].

Ngày 18/03/2014, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng gồm:

Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nhất là đào tạo đại học và dạy nghề. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; kỹ năng quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế [15].

Ngày 26/11/2014, Quốc hội khóa XIII đã thông qua hai đạo luật quan trọng là Luật số 67/2014/QH13 Luật Đầu tư và Luật số 68/2014/QH13 Luật doanh nghiệp. Luật Đầu tư năm 2014 thay thế cho Luật Đầu tư năm 2005. Luật này bao gồm 7 chương, 76 điều, quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài; điều kiện và thủ tục đầu tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; chính sách ưu đãi và bảo đảm đầu tư; quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư. Trong đó quy định cụ thể các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm: Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án; hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ

di dời cơ sở sản xuất ra khỏi nội thành, nội thị; hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Điều 68, quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư của các cơ quan ở trung ương và địa phương. Trong đó quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế: Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ lập và công bố Danh mục dự án thu hút đầu tư tại địa phương; chủ trì thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trên địa bàn và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; duy trì, cập nhật Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đối với lĩnh vực được phân công; chỉ đạo việc tổ chức, giám sát và đánh giá thực hiện chế độ báo cáo đầu tư [78].

Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định về sự bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp; Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp; quy định chi tiết về thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, nhóm công ty; tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp...[79].

Như vậy, Luật Đầu tư sửa đổi và Luật doanh nghiệp năm 2014 ra đời thể hiện chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta về đổi mới tư duy kinh tế, cải thiện, tạo dựng, xây dựng MTĐT; đáp ứng nhu cầu thực tiễn bối cảnh trong nước và quốc tế, tạo hành lang pháp lý quan trọng, MTĐT thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, tạo sức hấp dẫn, thu hút cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư ở trong và ngoài nước tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

2.1.1.3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên

**** Điều kiện tự nhiên***

Về vị trí địa lý, Hưng Yên nằm ở trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 64 km về phía Đông Nam. Hưng Yên có địa giới hành chính tiếp giáp với 5 tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, Hải Dương, Hà Nam, Thái Bình, Bắc Ninh; phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây giáp thủ đô Hà Nội, Hà Nam, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình. Hưng Yên có “Tổng diện tích đất tự nhiên 926,03 km²; dân số 1.132.285 người (năm 2010), mật độ dân số trung bình 1.223 người/km² thuộc loại cao so với mức bình quân chung của cả nước và vùng đồng bằng Sông Hồng” [130, tr.10].

Hưng Yên có vị trí địa lý thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là vùng động lực phát triển CNH, HĐH của vùng và của cả nước; thuộc tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; nằm trên 2 tuyến hành lang kinh tế quan trọng kết nối giữa Việt Nam và Trung Quốc là hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; trong vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho Hưng Yên mở rộng, thu hút đầu tư trong nước và quốc tế.

Về điều kiện tự nhiên: Hưng Yên có địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu, màu mỡ, là tỉnh không có rừng, núi và không tiếp giáp biển, thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội; trong đó có phát triển sản xuất nông nghiệp và hệ thống giao thông. Về khí hậu, thời tiết, Hưng Yên nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, thời tiết thuận lợi cho đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao. Hưng Yên có thế mạnh trong trồng nhãn và trồng hoa, cây cảnh.

Về thủy văn, Hưng Yên có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc với 3 hệ thống sông lớn chảy qua gồm: sông Hồng, sông Đuống, sông Luộc. Bên cạnh đó, Hưng Yên còn có hệ thống sông nội địa như: sông Cửu An, sông Kẻ Sặt, sông Hoan Ái, sông Nghĩa Trụ, sông Điện Biên, sông Kim Sơn...tạo điều kiện thuận lợi không chỉ cho sản xuất nông nghiệp mà còn cho sự phát triển công nghiệp, sinh hoạt và giao thông đường thủy.

** Điều kiện kinh tế - xã hội*

Hưng Yên là vùng đất địa linh nhân kiệt, với bề dày truyền thống lịch sử văn hiến, cách mạng. Hưng Yên biết đến với thương cảng Phố Hiến sầm uất, nhộn nhịp và phát triển hưng thịnh vào thế kỷ XVII, là thương cảng lớn thứ hai ở ở Đàng Ngoài sau Kẻ Chợ (Thăng Long) với câu ca: “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến” thu hút đông đảo thuyền buôn, lái buôn Người Hoa, người Nhật và người Tây phương đến buôn bán. Hưng Yên được biết đến là vùng đất hiếu học, khoa bảng, địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống lịch sử văn hoá, toàn tỉnh có 1.802 di tích, với 3 di tích, khu di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 172 di tích, cụm di tích xếp hạng quốc gia, 257 di tích, cụm di tích xếp hạng cấp tỉnh; 5 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia; 500 lễ hội, 147 làng nghề truyền thống, 243 đơn vị ca dao, tục ngữ, hò, vè, ngụ ngôn, truyện cổ tích, hát ru, văn tế, hát trống quân...Đây là lợi thế, nguồn lực quan trọng cho tỉnh Hưng Yên mở rộng thu hút đầu tư phát triển kinh tế du lịch.

Thực hiện đường lối đổi mới, CNH, HĐH, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, sau 13 năm tái lập tỉnh, Hưng Yên đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn 2001-2010, kinh tế có bước tăng trưởng khá, tăng trưởng GDP bình quân đạt 12,3%/năm (2001-2005) và đạt 11,8%/năm (2006-2010); năm 2010 thu nhập bình quân đầu người đạt 20 triệu đồng (1.110 USD) [32, tr.14].

Dân số đông, nguồn lao động trẻ đáp ứng cơ bản nhu cầu CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn 2001-2010, cơ cấu lao động của tỉnh

tăng khá cao. Lao động làm việc trong các ngành kinh tế tăng từ 543,5 nghìn người năm 2000 tăng lên 679 nghìn người năm 2010 (tăng thêm bình quân 13,6 nghìn người/năm). Tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động so với dân số tăng từ 56,2% năm 2000 lên 63,7 năm 2010. Đây là lợi thế về nguồn lao động của tỉnh. Trình độ chuyên môn, chất lượng nguồn nhân lực ngày một được nâng cao. Tỷ trọng lao động qua đào tạo trong tổng lao động đang làm việc trong nền kinh tế tăng nhanh, từ 8,5% năm 2000 lên 40% năm 2010; tỷ trọng lao động chưa qua đào tạo giảm từ 91,5% năm 2000 xuống còn 60% năm 2010 [105, tr.1].

Hưng Yên có khá nhiều KCN, CCN, khu chế xuất, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển kinh tế xã hội địa phương; tiêu biểu như: KCN Phố Nối A, KCN Dệt May Phố Nối (Phố Nối B), KCN Thăng Long II, KCN Yên Mỹ, KCN Như Quỳnh, KCN Thành phố Hưng Yên... Tỉnh có hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như giao thông, điện, bưu chính viễn thông, hạ tầng các KCN, CCN khá phát triển. Trong đó, hạ tầng giao thông tương đối thuận tiện với 3 phương thức vận tải gồm: đường bộ, đường thủy và đường sắt: Hệ thống đường bộ gồm một số tuyến quốc lộ QL5, QL38, QL38B, QL39 và các đường tỉnh kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia đáp ứng thuận lợi cho việc vận tải hàng hóa, hành khách của tỉnh. Hệ thống đường thủy nội địa có tuyến sông Hồng, sông Luộc chạy dọc tạo tiềm năng lớn để phát triển vận tải thủy, đặc biệt phục vụ cho vận tải các loại hàng hóa vật liệu xây dựng giảm tải cho đường bộ; hệ thống sông Bắc Hưng Hải như sông Sắt, sông Chanh, sông Cửu Yên, sông Điện Biên, sông Tam Đô... hệ thống đường sắt, có tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng chạy qua địa bàn dài 20,4km với 2 ga Lạc Đạo, Tuấn Lương (thuộc huyện Văn Lâm). Đặc biệt, tỉnh có một số tuyến đường giao thông quan trọng như: Quốc lộ 5A, 5B nối các huyện phía Bắc của tỉnh (Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào) với thành phố Hà Nội và Hải phòng; quốc lộ 38A kết nối Bắc Ninh với Hưng Yên và Hà Nam; quốc lộ 39 kết nối Hưng Yên với Thái Bình; cầu Thanh Trì cùng với cầu Yên Lệnh

thúc đẩy giao lưu, kết nối giữa các tỉnh phía nam Hà Nội qua Hưng Yên với Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh. Đặc biệt Hưng Yên trở thành điểm trung chuyển trên hành trình kết nối giữa các tỉnh phía Nam và thủ đô Hà Nội với Hải Phòng, Quảng Ninh là những địa phương có hệ thống cảng biển, sân bay và logistics quan trọng kết nối Việt Nam với quốc tế. Đây là những lợi thế cho Hưng Yên đẩy mạnh giao lưu, hợp tác, thu hút, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH.

2.1.1.4. Tình hình xây dựng môi trường đầu tư ở tỉnh Hưng Yên trước năm 2010

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với sự nghiệp CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương, ngày 20/06/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU về “*Đẩy mạnh nhiệm vụ hợp tác đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong thời gian tới*”. Trong đó xác định mục tiêu chủ yếu là:

Hình thành khu công nghiệp phố Nối và tiến hành vận động thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp, đặc biệt quan tâm thu hút các dự án có số vốn lớn để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích các dự án chế biến nông sản thực phẩm gắn liền với đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để phát huy thế mạnh về nông nghiệp, lao động và đất đai. Tích cực vận động các nhà đầu tư nước ngoài liên doanh với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn để mở rộng các cơ sở sản xuất theo hướng tranh thủ vốn và kỹ thuật của nước ngoài, khai thác triệt để các cơ sở vật chất hiện có như nhà xưởng, mặt bằng, tài sản...phát huy kinh nghiệm sản xuất của các doanh nghiệp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổng công ty lớn đầu tư vào địa bàn tỉnh, thông qua các dự án này tạo cơ hội thu hút các dự án trong và ngoài nước khác [101, tr.3].

Tiếp đó, ngày 31/10/2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09 NQ/TU về việc “*Tiếp tục đẩy mạnh nhiệm vụ hợp tác đầu tư giai đoạn 2001-2005*”. Trong đó đề ra chủ trương tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế, cơ chế, chính sách của tỉnh về nguồn nhân lực, vị trí địa lý, đẩy mạnh hợp tác và đầu tư:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỉnh ngoài tiếp tục là nguồn vốn quan trọng để phát triển sản xuất, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển công nghiệp, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trên 10%/năm; công nghệ và trình độ quản lý hiện đại, máy móc, thiết bị tiên tiến, tiếp nhận các ngành nghề mới và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách, thúc đẩy thực hiện các chương trình giải quyết việc làm, xuất, nhập khẩu; phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện để hội nhập [102, tr.3].

Năm 1997, khi mới tái lập tỉnh, toàn tỉnh mới chỉ có 13 doanh nghiệp Nhà nước, 19 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 9 doanh nghiệp tư nhân, 8 công ty trách nhiệm hữu hạn, 13.706 cơ sở công nghiệp cá thể; trong đó có 04 dự án đầu tư nước ngoài (dự án FDI) được cấp phép với tổng vốn đầu tư đăng ký 67 triệu USD. Đến năm 2009, toàn tỉnh có 11 khu, cụm công nghiệp với diện tích 24,81 km²; thu hút gần 1.500 dự án đầu tư (1.100 dự án trong nước; 388 dự án nước ngoài, trong đó có 137 dự án Nhật Bản), tổng vốn đăng ký 97,9 nghìn tỷ đồng và 3,5 tỷ USD. Năm 2009, kinh tế tăng trưởng 7,01%; công nghiệp tăng 11%, thu hút được 67 dự án (trong đó có 55 dự án trong nước, 12 dự án nước ngoài, tổng số vốn đầu tư 3.920 tỷ đồng và 18 triệu USD); dịch vụ tăng 13,4%; kim ngạch xuất khẩu đạt 450 triệu USD. Thu nhập bình quân đầu người đạt 15,8 triệu đồng. Thu ngân sách đạt 2.000 tỷ đồng. Tạo việc làm mới cho trên 2,4 vạn lao động, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5% [103, tr.1]. Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao.

Công tác CCHC, thực hiện cơ chế một cửa đã có nhiều chuyển biến tích cực; bước đầu khắc phục được phiền hà, chậm trễ trong giải quyết các TTHC. Hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm, đầu tư, phát triển. Các công trình kết cấu hạ tầng như điện, đường, trường, trạm được đầu tư xây dựng từ nguồn trái phiếu Chính phủ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, phát huy lợi thế của từng vùng và từng ngành.

Công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm phát triển bước đầu đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tính đến năm 2010, toàn tỉnh có 40 cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề, trong đó có 29 cơ sở công lập; gồm 01 trường đại học, 04 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp “Tỷ lệ lao động của tỉnh qua đào tạo từ 33% năm 2006 lên 40% năm 2010” [108, tr.1].

Tuy nhiên, xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên trước năm 2010 có một số hạn chế:

Một là, hệ thống cơ chế, chính sách về xây dựng MTĐT chưa thật sự đồng bộ, sát với nhu cầu, đặc điểm, thực tiễn của địa phương, kết quả thu hút đầu tư chưa tương xứng với vị thế, tiềm năng của tỉnh, hiệu quả chưa cao.

Hai là, công tác đầu tư xây dựng còn chậm và ảnh hưởng đến tiến độ thi công thực hiện các dự án, vẫn còn tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, thiếu đồng bộ, tỷ lệ vốn trên một dự án ít, bố trí nhiều dự án ở cấp huyện, xã.

Ba là, chất lượng của các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án nước ngoài còn thấp. Sản xuất của một số ngành còn mang nặng tính chất gia công lắp ráp, chưa chủ động được nguồn nguyên liệu, linh kiện và phụ tùng, cũng như thị trường tiêu thụ. Đặc biệt là còn nhiều doanh nghiệp có quy mô sản xuất nhỏ, kỹ thuật lạc hậu, kinh doanh thua lỗ kéo dài.

Bốn là, công tác cải cách TTHC, thực hiện cơ chế “một cửa” ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị còn chậm đổi mới và mang tính hình thức. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên môi trường, giao thông còn hạn chế.

Năm là, hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng còn thiếu đồng bộ, hiện đại, chưa đáp ứng tốt yêu cầu CNH, HĐH, phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đánh giá: “Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiếu đồng bộ” [32, tr.31].

Sáu là, công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội và doanh nghiệp “Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp, năm 2010 mới đạt 40%.” [108, tr.3].

Do đó, đối với sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn tiếp theo đặt ra những yêu cầu cần hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách; đẩy mạnh CCHC; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển đồng bộ cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng.

2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng môi trường đầu tư

Chủ trương xây dựng MTĐT, đẩy mạnh CNH, HĐH thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa Hưng Yên trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực đồng bằng sông Hồng thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên. Trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 xác định:

Đến năm 2020 là tỉnh đạt mức khá trong vùng đồng bằng sông Hồng với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; có hệ thống kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, theo hướng hiện đại. Phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo để đáp ứng nguồn lực cho phát triển; tạo môi trường đầu tư - kinh doanh lành mạnh, có sức cạnh tranh cao; liên kết chặt chẽ với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các địa phương khác để phát triển nhanh và bền vững...; nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; quốc phòng, an ninh được bảo đảm [99].

Nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT đối với sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên hết sức chú trọng đến nhiệm vụ xây dựng MTĐT, nhằm tạo dựng MTĐT kinh doanh bình đẳng, công khai, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đến đầu tư, phát triển tại tỉnh Hưng Yên. Ngày 02/12/2009, Tỉnh ủy Hưng Yên ra Nghị quyết số 15-NQ/TU Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2010 xác định:

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các dự án có đầu tư lớn, hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp để đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tích cực xây dựng hạ tầng các KCN, khu đô thị, các công trình giao thông, thủy lợi quan trọng. [103, tr.3].

Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015 chủ trương xây dựng MTĐT, thu hút đầu tư “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế cao, chất lượng và bền vững...” [32, tr.102]. Đại hội đặt mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2015 tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có vốn đăng ký trên 5 tỷ USD” [32, tr.104].

Để thực hiện các mục tiêu trên, Đảng bộ đề ra một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm xây dựng MTĐT: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, phát triển nhanh và bền vững gắn với tập trung xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên những ngành nghề, sản phẩm có nhiều lợi thế, có ý nghĩa chiến lược, hiệu quả và bền vững; tiếp tục rà soát hoàn chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp; bổ sung cơ chế kịp thời, tạo sự hấp dẫn hơn nữa đối với các nhà đầu tư; ưu tiên các dự án lớn. Trong đó, Đảng bộ dành nguồn vốn lớn cho đầu tư phát triển “Tổng nguồn vốn đầu tư cho phát triển giai đoạn 2010-2015 là 125 nghìn tỷ đồng” [32, tr.105]. Đẩy mạnh

CCHC, nhất là TTHC, giảm và bãi bỏ các loại TTHC gây phiền hà cho tổ chức và công dân; tăng cường ứng dụng CNTT; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh CCHC trong thu, chi ngân sách, dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực “Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu Đại học Phố Hiến sớm đi vào hoạt động. Tạo chuyển biến mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo, dạy nghề theo hướng tiếp cận với công nghệ hiện đại và đào tạo nghề phổ thông.” [32, tr.106-107].

Quan điểm của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về cải thiện, xây dựng MTĐT được cụ thể hóa trong các văn bản, chỉ thị, nghị quyết như: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 27/11/2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2011; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/05/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng 2030; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/10/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; trong đó xác định: “Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và đô thị theo quy hoạch.” [107, tr.4].

Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết đặt ra mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo nguồn nhân lực:

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55% vào năm 2015 và 65% vào năm 2020; tỷ lệ có việc làm sau đào tạo nghề đạt trên 80%. Đến năm 2015, có 100% giáo viên dạy nghề đạt chuẩn trình độ đào tạo. Phấn đấu trên mỗi địa bàn huyện, thành phố có ít nhất 01 cơ sở dạy nghề hoặc tham gia dạy nghề, toàn tỉnh có trên 50 cơ sở dạy nghề vào năm

2015, có 60 cơ sở dạy nghề vào năm 2020. Triển khai và thực hiện hiệu quả Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn. Tạo việc làm mới cho từ 22-25 nghìn lao động/năm, trong đó xuất khẩu lao động 2.500 người/năm; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn 3%, nâng tỷ lệ sử dụng quỹ thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 85%, khuyến khích lao động tự tìm việc làm [108, tr.4].

Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2012. Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 27/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2014. Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 26/11/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2015.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhất quán quan điểm coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xây dựng MTĐT. Trong đó, điểm nổi bật, đáng chú ý là Đảng bộ quan tâm đến việc đổi mới cơ chế chính sách cải thiện MTĐT; CCHC, nâng cao chất lượng quản trị công; phát triển cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Chú trọng đổi mới cơ chế chính sách và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tích cực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, khuyến công, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, sản xuất chế biến và tiêu thụ nông sản. Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, thu hút mạnh các dự án đầu tư nước ngoài, tư nhân trong nước có vốn đầu tư lớn, công nghệ cao, sử dụng hiệu quả đất đai và bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án

phát triển đô thị, thương mại theo quy hoạch và các dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh [109, tr.3-4].

Như vậy, trong giai đoạn 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chủ trương tập trung xây dựng MTĐT, chú trọng vào một số phương hướng trọng tâm:

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, đồng bộ về chính sách và cải thiện MTĐT kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho công tác thu hút, cải thiện, xây dựng MTĐT; dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển; huy động, phân bổ các nguồn lực hợp lý; xây dựng MTĐT thông thoáng, cởi mở. Đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác CCHC; tăng cường trách nhiệm trong hoạt động thực thi công vụ, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, giảm thiểu và bãi bỏ các TTHC không cần thiết gây phiền hà, tốn kém cho người dân và doanh nghiệp. Tạo bước đột phá về cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng. Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư của tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

Tăng cường hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, mở rộng xúc tiến thương mại. Quan tâm hỗ trợ DNNVV, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã cổ phần, công ty cổ phần. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp gắn với việc khuyến khích doanh nhân đầu tư vào lĩnh vực, ngành nghề có lợi thế của tỉnh. Có biện pháp hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp. Khuyến khích việc liên kết, sáp nhập doanh nghiệp, tăng nhanh số lượng doanh nghiệp có quy mô vừa; doanh nghiệp lớn có khả năng dẫn dắt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, khẳng định vị trí của doanh nghiệp tại thị trường trong nước và thâm nhập hiệu quả vào thị trường thế giới.

2.2. ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

2.2.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách cho hoạt động đầu tư

** Chính sách thu hút đầu tư*

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ xây dựng MTĐT nhằm tạo lập MTĐT kinh doanh thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch; xây dựng chính quyền điện tử trong điều hành, giải quyết công việc, đảm bảo nhanh chóng, tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu TTHC không cần thiết.

Ngày 13/12/2010, Hội đồng Nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 217/NQ-HĐND Về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020. Nghị quyết nhấn mạnh đến nhiệm vụ cải thiện MTĐT kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên, khuyến khích đối với những dự án có hàm lượng công nghệ cao, sử dụng hiệu quả đất đai và bảo vệ môi trường. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho đầu tư phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng các khu, CCN theo quy hoạch được duyệt; các dự án phát triển đô thị, thương mại:

Đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính, tạo điều kiện cởi mở, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tăng cường phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp hành chính; đơn giản hóa

thủ tục hành chính, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp và nhân dân. Vận dụng sáng tạo cơ chế, chủ trương, chính sách của nhà nước trên địa bàn nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào những lĩnh vực như: Sản xuất công nghệ cao, du lịch, thương mại, những lĩnh vực thu hút nhiều lao động, bảo quản và chế biến nông sản, đào tạo nguồn nhân lực, đóng góp nhiều cho ngân sách Nhà nước. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất, có cơ chế thưởng phạt cụ thể đối với các doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút nhiều lao động địa phương, đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh [54, tr.6-7].

Tỉnh uỷ Hưng Yên chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác xúc tiến đầu tư và quảng bá sản phẩm hàng hóa sản xuất trên địa bàn với thị trường trong và ngoài nước. Củng cố mạng lưới thương mại, phát triển hệ thống chợ, khuyến khích các hoạt động thương mại, bán buôn, bán lẻ hàng hóa. Thu hút các doanh nghiệp kinh doanh thương mại lớn đầu tư vào các trung tâm dịch vụ, thương mại, trung tâm triển lãm, trung chuyển hàng hoá lớn của vùng trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động phát triển, mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường tiêu thụ các nông sản có lợi thế của tỉnh, thúc đẩy đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đẩy mạnh cải tiến công nghệ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo huy động có hiệu quả nguồn vốn cho đầu tư phát triển, thu hút các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh vào địa phương. Năm 2015 “Tổng vốn huy động cho đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 25.337 tỷ đồng, tăng 13,57% so với năm 2014; trong đó: vốn đầu tư của nhà nước chiếm 19,73%,

vốn của khu vực ngoài nhà nước chiếm 50,27%, vốn của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 30%. Thu hút đầu tư thêm 115 dự án, trong đó 75 dự án trong nước với số vốn đăng ký 10,7 nghìn tỷ đồng; 40 dự án nước ngoài với số vốn đăng ký 285 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn 15 dự án nước ngoài với số vốn 109,4 triệu USD; đưa tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 1.288 dự án, tổng số vốn đăng ký 81,4 nghìn tỷ đồng và 3,1 tỷ USD. Có thêm 70 dự án đi vào hoạt động, đưa tổng số dự án đi vào hoạt động lên 810 dự án, giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 12,5 vạn lao động” [8].

** Trong phát triển doanh nghiệp*

Cùng với đầu tư, Tỉnh ủy Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương trong toàn tỉnh thực hiện tốt công tác phát triển doanh nghiệp. Thực hiện chủ trương phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo Sở Công Thương tỉnh:

Hỗ trợ doanh nhân xây dựng bảo vệ thương hiệu sản phẩm hàng hoá gắn với doanh nghiệp; nâng cao khả năng tiếp cận thị trường trong và ngoài nước thông qua chương trình xúc tiến thương mại. Chú trọng công tác cung cấp kiến thức pháp luật, thông tin về thị trường, khoa học công nghệ cho doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nghiên cứu thiết kế, thử nghiệm sản phẩm dịch vụ mới, phát huy hiệu quả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp, doanh nhân với công nhân, nông dân và các nhà khoa học [111, tr.5].

Ngày 29/09/2011, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Công văn số 593/UBND-KTTH Về xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015. Trong đó, khẳng định quan điểm: Tạo môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi cho DNNVV thuộc

mọi thành phần kinh tế phát triển bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh nhằm huy động mọi nguồn lực trong tỉnh kết hợp với nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư phát triển:

Đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp ngày càng nhiều vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp ngày càng nhiều cho nguồn thu ngân sách địa phương [129, tr.11].

** Trong lĩnh vực công nghiệp*

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về phát triển công nghiệp, HĐND tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 13/12/2010; trong đó yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương trong toàn tỉnh làm tốt công tác thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp; phát triển nhanh công nghiệp theo hướng hiện đại, thích ứng và hội nhập nhanh với nền kinh tế quốc tế. Tập trung ưu tiên phát triển mạnh những ngành, sản phẩm có nhiều lợi thế, có ý nghĩa chiến lược, hiệu quả và bền vững. Tăng cường xây dựng hạ tầng các KCN đã được quy hoạch; thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn quy mô lớn từ bên ngoài (bao gồm cả nguồn vốn FDI) phát triển công nghiệp công nghệ cao; hình thành các KCN và đô thị mới. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Phần đầu “Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm ngành công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011-2015 đạt 19%” [54, tr.4]. Ngày 09 tháng 6 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định 15/2010/QĐ-UBND Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên. Trong đó chủ trương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát

triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên “Thúc đẩy phát triển nghề truyền thống, du nhập nghề mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp nông thôn của tỉnh. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá” [104, tr.1].

Ngày 16/02/2012, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND Phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025. UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện các giải pháp về đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, thu hút đầu tư, về nguồn vốn, về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, về nguồn nhân lực, về bảo vệ và xử lý môi trường, hoàn thiện quản lý CCN. Trong đó, UBND tỉnh nhấn mạnh công tác thu hút đầu tư phát triển công nghiệp. Tập trung lấp đầy các CCN đã được hình thành. Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực tế, đề xuất phương án xử lý đối với các CCN.

Tỉnh uỷ Hưng Yên chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, cùng với Sở Công Thương và Ban Quản lý các KCN tỉnh thực hiện tốt công tác quy hoạch xây dựng các KCN, CCN; trong đó các KCN, CCN phải gắn liền đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào (hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc) trong thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai. Ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư, có cơ chế, chính sách đa dạng hoá, thu hút nguồn vốn của các dự án và các nguồn vốn khác tham gia đầu tư xây dựng:

Lồng ghép có hiệu quả với các chương trình mục tiêu quốc gia và địa phương với các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngoài hàng rào cụm công nghiệp, các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung ở các địa bàn khó khăn về kinh tế - xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và hoạt động hiệu quả các cụm công nghiệp của tỉnh. Lựa chọn nhà đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có đủ năng lực tài chính, kinh nghiệm quản lý hạ

tăng nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp. Tích cực vận động thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp bằng những cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư hấp dẫn; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính [125, tr.5].

Trong giai đoạn 2011-2015, Sở Công thương tỉnh đã:

Hỗ trợ 9 tỷ đồng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, đặc biệt là đã tổ chức thành công Hội nghị khuyến công 28 tỉnh phía Bắc và Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực phía Bắc năm 2015 với kinh phí hỗ trợ từ nguồn khuyến công quốc gia năm 2015 là 1.380 triệu đồng [83, tr.5].

Nhờ đó, sản xuất công nghiệp được phục hồi và tăng trưởng khá; cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có thương hiệu, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường được giữ vững và phát triển; có thêm nhiều sản phẩm công nghiệp phụ trợ, công nghệ giá trị gia tăng cao như: Phụ tùng ô tô xe máy, dệt may, điện tử, thúc đẩy tăng kim ngạch xuất khẩu. Các KCN hoạt động hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy đạt khá, đóng góp nhiều vào nguồn thu ngoại tệ qua hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

Giá trị sản xuất công nghiệp 2011-2015 bình quân tăng 24,93%/năm, trong đó doanh nghiệp tư nhân tăng 18,8%/năm. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 13 KCN với tổng diện tích 3.535 ha đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đưa vào Quy hoạch tổng thể phát triển các KCN cả nước. Trong đó, có 10 KCN với tổng diện tích 2.381 ha đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; đã có 226 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chiếm trên 84,3% số dự án đăng ký đầu tư vào trong các khu công nghiệp, tổng vốn đầu tư thực hiện của các dự án đã đi vào hoạt động đạt gần 2.007 triệu USD và trên 9.598 tỷ đồng [22, tr.23].

Hạ tầng KCN, CCN được quan tâm, đầu tư phát triển; nhiều KCN, CCN hoạt động hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy đạt khá tốc độ triển khai các dự án nhanh, tạo doanh thu khoảng 4 tỷ USD, đóng góp nhiều vào nguồn thu ngoại tệ qua hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực; trong đó tập trung ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có thương hiệu, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường; có thêm nhiều sản phẩm công nghiệp phụ trợ, công nghệ giá trị gia tăng cao. Nhiều KCN hoạt động hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy đạt khá, đóng góp nhiều vào nguồn thu ngoại tệ qua hoạt động xuất khẩu hàng hóa như Khu công nghiệp Thăng Long II, Khu công nghiệp Phố Nối A....“Năm 2015, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,67%”[8].

Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục có bước phát triển; nhiều ngành nghề truyền thống được khôi phục, một số nghề mới được phát triển “Toàn tỉnh có 59 làng nghề và trên 1,8 vạn cơ sở sản xuất công nghiệp đang hoạt động; giá trị sản xuất lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, làng nghề năm 2015 đạt trên 8,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 12,3%/năm” [112, tr.2]. Qua đó, góp phần vào giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

** Trong lĩnh vực nông nghiệp*

Tỉnh uỷ Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương trong toàn tỉnh thực hiện công tác quy hoạch, thu hút đầu tư trong nông nghiệp, phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng CNH, HĐH, gắn với xây dựng nông thôn mới. Quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch thủy lợi, ngành nghề nông thôn. Hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng chuyên canh, thâm canh, sản xuất hàng hóa chất lượng, an toàn; gắn sản xuất với chế biến và thị trường, mở rộng xuất khẩu. Phấn đấu “Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản hàng năm thời kỳ 2011-

2015 bình quân đạt 4%. Đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và tốc độ đô thị hóa nông thôn” [54, tr.3].

Tỉnh uỷ chỉ đạo tăng cường đầu tư và kêu gọi đầu tư, có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn theo quy hoạch. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, và khu vực nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân trên địa bàn.

Theo đó, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND, ngày 27/02/2010 Về việc phê duyệt Đề cương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 12/04/2010 Về việc Phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh thực hiện công tác rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các xã; phát triển hạ tầng nông thôn; phát triển sản xuất hàng hoá và các hình thức sản xuất có hiệu quả để tăng thu nhập cho người dân; xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh; bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn; củng cố, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở. Tiếp tục thực hiện và lồng ghép với Chương trình hành động số 18/CTr-TU của Tỉnh uỷ và Kế hoạch 149/KH-UBND của UBND tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tăng cường công tác truyền thông; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại nông thôn; có cơ chế đặc thù khi thực hiện xây dựng nông thôn mới; đáng chú ý là cơ chế đổi đất lấy hạ tầng để tạo vốn đầu tư cho xây dựng hạ tầng nông thôn mới, có cơ chế quản lý, sử dụng vốn hiệu quả; huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình.

Giai đoạn 2011-2015, đầu tư cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đạt trên 32,8 nghìn tỷ đồng (trong đó gần 28 nghìn tỷ đồng đầu tư xây dựng nông thôn mới); các đề án, dự án thực hiện chương trình phát triển

nông nghiệp, nông thôn đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao. Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý hàng hóa được quan tâm thực hiện, có 6 nông sản thế mạnh của tỉnh đã được công nhận nhãn hiệu hàng hóa tập thể (nhãn lồng Hưng Yên, tương Bần Mỹ Hào, gà Đông Tảo và chuỗi tiêu hồng Khoái Châu, quýt cảnh Văn Giang, vải lai chín sớm Phù Cừ) [110, tr.1].

Các ngành nghề truyền thống và dịch vụ ở nông thôn phát triển khá; kinh tế hợp tác phát triển, đa dạng về hình thức và quy mô:

Với 726 mô hình kinh tế trang trại, 172 hợp tác xã nông nghiệp, 1.900 tổ hợp tác, 45 doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản, trên 2.000 cơ sở chế biến nông sản góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Đời sống nông dân tiếp tục được cải thiện và từng bước nâng cao, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 27,5 triệu đồng/người; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,81% và hộ cận nghèo còn 4,08% (theo chuẩn nghèo đa chiều) [110, tr.2].

** Trong phát triển thương mại, dịch vụ*

Tỉnh uỷ chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương tỉnh, cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương làm tốt công tác thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn phù hợp với tốc độ phát triển công nghiệp, nông nghiệp trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trung tâm thương mại; thiết lập hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn toàn tỉnh. Đầu tư, nâng cấp, tôn tạo các quần thể di tích lịch sử văn hóa Phố Hiến, nhằm thu hút đầu tư và phát triển du lịch. Từng bước hướng tới xây dựng và phát triển mạnh các lĩnh vực dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như tài chính, tín dụng, ngân hàng, viễn thông, bảo hiểm, tư vấn pháp luật. Nâng cao chất lượng phúc lợi công cộng ở các đô thị, đặc biệt là thành phố Hưng Yên.

Ngày 30/12/2010, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015. Trong đó, chỉ đạo Sở Công Thương đẩy mạnh công tác phát triển thương mại điện tử; nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, nâng cao nhận thức thương mại điện tử; vai trò, nhiệm vụ của cơ quan quản lý Nhà nước đối với thương mại điện tử, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, chống cạnh tranh không lành mạnh; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện rà soát, sửa đổi, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương để hỗ trợ, tạo điều kiện cho sự phát triển của thương mại điện tử; tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về thương mại điện tử nhằm bảo vệ các quyền về sở hữu trí tuệ và quyền lợi của người tiêu dùng:

Cung cấp các dịch vụ công liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ thương mại điện tử. Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp của địa phương ứng dụng thương mại điện tử. Xây dựng lực lượng cán bộ có chuyên môn đáp ứng được công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử ở tỉnh; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh [128, tr.2].

Sở Công Thương tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ; tăng cường hỗ trợ phát triển hệ thống bán buôn, bán lẻ, mạng lưới siêu thị. Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có “110 chợ nông thôn, mạng lưới chợ được quy hoạch, đầu tư trên 400 tỷ đồng, xây mới và nâng cấp 25 chợ; có 06 chợ hạng I theo mô hình Chợ và khu nhà ở thương mại” [8].

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng và từng bước được đa dạng các loại hình. Tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ; hệ thống bán buôn, bán lẻ, mạng lưới siêu thị. Thu ngân sách tăng cao “Bình quân tăng 17%/năm, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2015 đạt 2.700 tỷ đồng” [33, tr.22].

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, cùng với quyết tâm, cố gắng của cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh; công tác đổi mới, xây dựng cơ chế, chính sách về cải thiện, xây dựng MTĐT của tỉnh Hưng Yên có nhiều chuyển biến tích cực. Hưng Yên đã tích cực chủ động xây dựng MTĐT, tỉnh đã ban hành một số chính sách ưu đãi, khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tạo cơ chế thông thoáng, cởi mở, thiết thực đối với các doanh nghiệp, tạo niềm tin và cơ hội cho cộng đồng doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thực hiện cơ chế ưu đãi về chi phí thuê mặt bằng, thuế, đất đai, lao động.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được đảm bảo, ổn định. Chủ động nắm bắt tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; mở nhiều đợt cao điểm ra quân tấn công trấn áp tội phạm; triệt phá các băng, nhóm hoạt động theo kiểu xã hội đen, các tụ điểm phức tạp về ma túy, cờ bạc; ngăn chặn, xử lý các vi phạm pháp luật, trong đó có lĩnh vực môi trường, đất đai, xây dựng; thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, an ninh trật tự tại các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất; các KCN, CCN đóng trên địa bàn tỉnh.

Những chính sách khuyến khích thu hút đầu tư của tỉnh đã phát huy tác dụng và đạt hiệu quả. Năm 2010, toàn tỉnh Hưng Yên có 3.277 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký trên 29.534 tỷ đồng [129, tr.3]. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã có 5.956 doanh nghiệp, dự án đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh; trong đó có 347 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 3.310 triệu USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: Nhật Bản có 116 dự án, số vốn đăng ký là 2.232 triệu USD, chiếm 67,41% tổng vốn đăng ký; Hàn Quốc có 115 dự án, với số vốn đăng ký là 493 triệu USD, chiếm 14,89% tổng vốn đăng ký; Trung Quốc có 51 dự án, số vốn đăng ký 228 triệu USD,

chiếm 6,90% tổng số vốn đăng ký. Trong tổng số 5.956 doanh nghiệp, dự án đăng ký kinh doanh có 3.300 doanh nghiệp, dự án đang hoạt động có kết quả sản xuất; trong đó có 205 doanh nghiệp, dự án đầu tư nước ngoài hoạt động; 3.082 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 13 doanh nghiệp nhà nước. Số lao động các doanh nghiệp sử dụng 173.511 lao động, chiếm 23,58% lao động của địa phương; đã tạo ra trên 60% giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh; đóng góp vào ngân sách địa phương khoảng 52% khoản thu ngân sách nội địa của tỉnh (chưa tính khoản thu thuế xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp 2.518 tỷ đồng) và góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh [22, tr.22].

Tuy nhiên, bên cạnh đó công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải thiện, xây dựng MTĐT còn một số tồn tại sau: Hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến công tác xây dựng MTĐT còn thiếu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng MTĐT ở một số cơ quan, sở, ngành, địa phương còn chưa quyết liệt, để xảy ra tình trạng kéo dài, chậm khắc phục; nhiều dự án chậm hoặc chưa triển khai đầu tư giải phóng mặt bằng. Phần lớn, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đều có quy mô nhỏ; khả năng thích ứng, cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp; tiến độ xây dựng hạ tầng các KCN, CCN, khu đô thị còn chậm; xây dựng nhà ở cho công nhân các KCN còn hạn chế. Một số dự án trọng điểm không đạt tiến độ, chậm phát huy hiệu quả; hạ tầng giao thông, dịch vụ vận tải công cộng chưa đáp ứng kịp với sự phát triển và gia tăng phương tiện. Hạ tầng thương mại, dịch vụ còn yếu.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh song sự gắn kết với doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, tác dụng lan tỏa chưa được phát huy. Các dự án đầu tư phân bố không đồng đều giữa các địa phương; tập trung nhiều ở các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Mỹ Hào và Yên Mỹ với rất nhiều dự án đặt nhà máy sản xuất ở những địa phương này; trong khi đó các huyện Kim Động, Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ và thành phố Hưng Yên với nguồn lao động dồi dào

nhưng không có nhiều dự án để giải quyết việc làm, lao động của địa phương phải đi đến địa phương khác để tìm kiếm việc làm...

Công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập và cấp phép đầu tư còn hạn chế; một bộ phận doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện chưa nghiêm, chậm được xử lý khắc phục hậu quả như: Quy định về bảo vệ môi trường, nghĩa vụ thuế, lao động, bảo hiểm... Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy tại các KCN, CCN vẫn tiềm ẩn nguy cơ cao. Còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực gây bức xúc cho doanh nghiệp và người dân; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đạt kết quả chưa cao [33, tr.53].

2.2.2. Cải cách hành chính, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư

Xác định CCHC là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng MTĐT. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, trọng tâm là Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương trong toàn tỉnh thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác CCHC, cải thiện MTĐT theo tinh thần Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố thực hiện. Ngày 20/02/2012, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2015. Trong đó, xác định: “Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn này là: đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tạo bước chuyển biến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.” [131, tr.2].

UBND tỉnh giao cho Sở Nội vụ thực hiện đổi mới quy trình xây dựng, ban hành và chất lượng hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp

luật thuộc thẩm quyền của tỉnh ở tất cả các lĩnh vực, nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi. Cải cách TTHC, tăng cường việc rà soát, cắt giảm những quy định không cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý hành chính. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tăng cường việc ứng dụng công nghệ; đảm bảo công khai, minh bạch tất cả các TTHC bằng các hình thức thiết thực và thích hợp, giải quyết tốt công việc cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

Cải cách bộ máy hành chính, xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan hành chính ở từng cấp, loại bỏ nhiệm vụ chồng chéo, trùng lặp. Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã và giữa UBND huyện, thành phố, thị xã với UBND xã, phường, thị trấn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức. Tăng cường trách nhiệm, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ. Tăng cường đối thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và người dân để nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thúc đẩy nhanh quá trình đầu tư.

Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tài chính công. Chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập sang hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp sang hình thức cổ phần hoá theo Luật Doanh nghiệp; trong đó ưu tiên “Phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học và công nghệ” [105, tr.4-5]. Hiện đại hoá nền hành chính, UBND tỉnh đẩy mạnh hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý, xử lý công việc của các cơ quan nhà nước: “Phấn đấu đến năm 2015, 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý, giải quyết văn bản và các công việc chuyên môn trên môi trường mạng” [131, tr.5].

Tiếp đó, ngày 18/07/2014 UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà

nước giai đoạn 2011-2020. Trong đó, UBND tỉnh nhấn mạnh phải tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Công tác CCHC, cải thiện MTĐT kinh doanh của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho lĩnh vực đầu tư được đẩy mạnh thực hiện ở các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh:

HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 198 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 70 nghị quyết, 88 quyết định và 40 chỉ thị, đề cập các lĩnh vực: Kinh tế - tài chính, tổ chức hoạt động bộ máy chính quyền, tài nguyên và môi trường....đảm bảo đúng quy định pháp luật và phù hợp thực tiễn địa phương, góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 41 quyết định công bố 1.536 lượt TTHC được công bố mới, công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ. Tổng số TTHC của tỉnh là 1.472 thủ tục, đều đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. UBND tỉnh có 17 cơ quan chuyên môn; 163 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và cơ quan thuộc UBND tỉnh. Đến ngày 30/6/2014, 100% các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành Đề án Xác định vị trí việc làm; số lượng vị trí việc làm được duyệt là 2.893 vị trí [65].

100% số cơ quan chuyên môn cấp xã và cấp huyện, 94,1% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh triển khai thực hiện cơ chế một cửa; có 1348/1472 thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa, được niêm yết công khai đầy đủ tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đồng thời thường xuyên rà soát các quy định về thủ tục hành chính, loại bỏ những thủ tục không còn phù hợp gây cản trở sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Công nghệ thông tin được ứng dụng vào công tác quản lý, nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm văn bản hành chính trong chỉ đạo, điều hành; nhiều sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và thực hiện công tác quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 [115, tr.1].

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) của Hưng Yên có sự cải thiện: Nếu năm 2011, chỉ số PAPI được đánh giá trên 6 tiêu chí, Hưng Yên đạt tổng số điểm là 33.5 điểm. Trong đó, tiêu chí đạt điểm cao nhất là TTHC công đạt 6.81 điểm; tiếp đến là cung ứng dịch vụ công đạt 6.46 điểm; trách nhiệm giải trình với người dân đạt 5.15 điểm; tham gia của người dân ở cấp cơ sở đạt 5.11 điểm; công khai, minh bạch đạt 5.03 điểm; thấp nhất là kiểm soát tham nhũng trong khu vực công đạt 4.94 điểm. Đến năm 2015, chỉ số PAPI đạt 35.04 điểm. Trong đó, tiêu chí đạt điểm cao nhất là cung ứng dịch vụ công tăng mạnh đạt 7.49 điểm; TTHC công giảm nhẹ đạt 6.59 điểm; một số tiêu chí tăng nhẹ như trách nhiệm giải trình với người dân đạt 5.59 điểm; tham gia của người dân ở cấp cơ sở đạt 5.16 điểm; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công đạt 5.13 điểm; công khai, minh bạch đạt 5.08 điểm [68].

Cùng với chỉ số PAPI, chỉ số PCI tỉnh Hưng Yên cũng có sự cải thiện liên tục qua các năm. Theo kết quả công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), năm 2011 PCI tỉnh Hưng Yên có 8 chỉ số thành phần tăng hạng so với năm 2010, trong đó chỉ số tăng hạng đáng kể là các chỉ số về đào tạo lao động (46 hạng), tính tiên phong của lãnh đạo tỉnh (28 hạng), thiết chế pháp lý (24 hạng), chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (16 hạng). Năm 2015, PCI tỉnh Hưng Yên có 5 chỉ số thành phần tăng hạng gồm: Thiết chế pháp lý (31 hạng), đào tạo lao động (12 hạng), chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước (12 hạng), tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (12 hạng), chi phí không chính thức (5 hạng) [140, tr.8-9].

Tuy nhiên, hoạt động CCHC, cải thiện MTĐT còn những tồn tại như: Một số địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai công tác CCHC còn hình thức, hiệu quả thấp; nhiều cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, ý thức thực hiện CCHC và trách nhiệm công vụ còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin quản lý hành chính nhà nước và công

khai TTHC còn chậm. Chỉ số PAPI của Hưng Yên có sự cải thiện song tăng chậm, năm 2011, chỉ số PAPI đạt 33.5 điểm, năm 2015 chỉ đạt 35.04 điểm. Trong đó, tiêu chí TTHC công giảm nhẹ từ 6.81 điểm năm 2011 xuống 6.59 điểm năm 2015 [68].

Chỉ số PCI của Hưng Yên trong giai đoạn 2010-2015 tăng trưởng không ổn định và có vị trí tương đối thấp so với các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Nếu năm 2012 PCI tỉnh Hưng Yên đứng thứ 28/63 tỉnh, thành phố thì đến năm 2013, PCI tỉnh Hưng Yên so với năm 2012 bị giảm 4,1 điểm và 25 hạng, đứng thứ 53/63 tỉnh, thành trong cả nước. Đặc biệt, năm 2015 chỉ số PCI tiếp tục giảm sâu đứng thứ 56/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, xếp vị trí cuối cùng trong 11 tỉnh, thành khu vực đồng bằng sông Hồng [140, tr.7]. Năm 2015 chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên đạt 55.10 điểm, xếp hạng 56 thấp hơn so với một số tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng như: Tỉnh Hà Nam đạt 58.5 điểm, xếp hạng 31; tỉnh Hải Dương đạt 58.4 điểm, xếp hạng 34, tỉnh Thái Bình đạt 57.6 điểm xếp hạng 38; thành phố Hải Phòng đạt 58.7 điểm, xếp hạng 28; tỉnh Nam Định đạt 59.6 điểm, xếp hạng 17 [64]. Nhiều chỉ số còn ở mức thấp so với cả nước như:

Chi phí gia nhập thị trường xếp hạng 45, tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất xếp hạng 52, tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin xếp hạng 63, chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước xếp hạng 49, chi phí không chính thức xếp hạng 46, tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh xếp hạng 50, chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xếp hạng 50, cạnh tranh bình đẳng xếp hạng 52 [63].

2.2.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng

Kết cấu hạ tầng là một trong những đột phá quan trọng trong xây dựng MTĐT, đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nhận thức được điều đó, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, các địa phương trong tỉnh; giao cho

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải làm tốt công tác thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng.

HBND tỉnh ra Nghị quyết số 217/NQ-HBND ngày 13/12/2010 chỉ đạo:

Tập trung đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội... Quy hoạch cảng sông Hồng, sông Luộc; quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe phù hợp. Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung với quy mô phù hợp, khai thác tốt nguồn nước ngầm, xây dựng hệ thống thoát nước, đặc biệt là thoát nước ở các khu thành phố, thị trấn, thị tứ và các khu, cụm công nghiệp [54, tr.4].

Trên cơ sở đó, ngày 20/03/2012 UBND tỉnh đã ra Quyết định số 421/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, UBND tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển giao thông vận tải để tạo tiền đề, động lực thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, toàn diện, bảo đảm được sự liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, gắn kết giữa các địa phương, đặc biệt với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ “Tổng vốn huy động toàn xã hội giai đoạn 2010-2015 đạt trên 100.000 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với giai đoạn 2006-2010; trong đó đã dành nhiều nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới” [33, tr.25].

Sở Giao thông vận tải tỉnh hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030, tạo điều kiện môi trường kinh doanh bình đẳng, khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải; đổi mới phương tiện, công nghệ, trang thiết bị dịch vụ vận tải, ưu tiên phát triển vận tải container, đa phương thức và dịch vụ logistics để điều tiết hợp lý giữa các phương thức vận tải “Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, từ nhiều

thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông như BT, BOT, PPP...” [132, tr.2].

Theo đó, Sở Công Thương cùng với ngành Điện lực thực hiện xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lưới điện, xây dựng thêm nhiều trạm biến áp phân phối đường dây truyền tải 110-220KV (có 03 trạm điện 220KV, 08 trạm điện 110KV); hoàn thành dự án cải tạo lưới điện nông thôn trên địa bàn 144 xã, thị trấn và cơ bản bàn giao toàn bộ lưới điện hạ áp nông thôn cho ngành điện quản lý, phục vụ đời sống của nhân dân, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2011-2015:

Tổng số vốn đầu tư xây dựng các công trình điện là 2.811 tỷ đồng; toàn tỉnh có 93/145 xã đạt tiêu chí 4 về điện nông thôn. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với tổng kinh phí 445 triệu đồng; đầu tư xây dựng mới và cải tạo được 747 trạm biến áp phân phối với tổng công suất là 388.997 kVA [83]. Hạ tầng viễn thông được đầu tư phát triển. Tính đến tháng 6/2025, tổng số thuê bao toàn mạng interne là 52.526 thuê bao; tổng số thuê bao điện thoại hiện có trên toàn mạng là 117.800 thuê bao. Các doanh nghiệp viễn thông đáp ứng tốt yêu cầu kết nối internet tới 100% các thôn trên địa bàn tỉnh. [57, tr.258].

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thu hút đầu tư phát triển hạ tầng giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp, xây dựng hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; nhiều dự án lớn được triển khai như: Nạo vét, nâng cấp sông Điện Biên, sông Đồng Quê, sông Cửu An; các dự án sông nhánh thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải, các trạm bơm lớn Nghi Xuyên, Liên Nghĩa, Chùa Tổng, Vinh Quang, Phan Đình Phùng được xây mới...Thực hiện nâng cấp, mở rộng cảng sông Luộc; quy hoạch phát triển các cảng Mễ Sở, Hải Triều và thành phố Hưng Yên để phát triển vận tải thủy. Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh Hưng Yên huy động “Hơn 1.395 tỷ đồng để đầu tư, làm mới đường giao thông nông thôn; cải tạo và nâng cấp trên

863,7km; các tuyến đường huyện được cứng hoá 100%; đường xã đạt trên 98%; có 89/145 xã cơ bản đạt tiêu chí giao thông nông thôn chiếm 61,4% số xã” [57, tr.256].

Ngày 29/06/2011, UBND tỉnh ra Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND Về việc quy định cơ chế đầu tư và mô hình quản lý công trình nước sạch nông thôn tỉnh Hưng Yên nhằm đẩy mạnh công tác đầu tư hệ thống nước sạch nông thôn phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh khu vực nông thôn:

Tỉnh đã hỗ trợ xây dựng 134 bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh, 68 điểm tập kết rác thải tại các thôn, xã trên địa bàn tỉnh, có 800 tổ đội vệ sinh môi trường tự quản, 627 thôn quy hoạch được bãi rác hợp vệ sinh; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 92,3%, toàn tỉnh có 71/145 xã đạt tiêu chí môi trường nông thôn [57, tr.260].

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch bãi xử lý chất thải rắn đến năm 2020; chương trình phát triển nhà ở; chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Hoàn thành đề án quy hoạch chung xây dựng dọc 2 bên đường nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Giẽ - Ninh Bình; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ân Thi đến năm 2025; quy hoạch bến xe Mỹ Hào; quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...Nhờ đó, quy mô đô thị từng bước được mở rộng, nâng cấp; hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được cải thiện khá; bộ mặt đô thị và không gian cảnh quan kiến trúc đô thị có nhiều khởi sắc “Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 32%; thành phố Hưng Yên cơ bản đạt đô thị loại II” [33, tr.27].

Tuy nhiên, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng của tỉnh còn thiếu đồng bộ và hiện đại, chưa đáp ứng tốt nhu cầu thu hút đầu tư, đặc biệt các doanh nghiệp có

vốn đầu tư lớn, trình độ công nghệ hiện đại, doanh nghiệp FDI. Công tác phát triển đô thị theo hướng bền vững còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp còn thiếu đồng bộ, bền vững; hạ tầng giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nước thải công nghiệp còn nhiều bất cập; hạ tầng xã hội phục vụ đời sống công nhân và các KCN có nhiều doanh nghiệp hoạt động còn thiếu thốn. Hệ thống đường tỉnh, đường huyện chưa đồng bộ, kết nối với hệ thống đường quốc lộ, đường cao tốc còn hạn chế “Theo kết quả điều tra có đến 80% doanh nghiệp FDI hoàn toàn hài lòng với nguồn điện của tỉnh; 35,7% doanh nghiệp cho biết cần phải cung cấp liên tục cả khu vực dân cư và các khu vực nhà trọ của công nhân” [121, tr.91].

2.2.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành trọng tâm là Sở Giáo dục và Đào tạo, cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương trong toàn tỉnh quán triệt, thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, xây dựng MTĐT của tỉnh.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 25/07/2011 về Chương trình phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, một số định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. HĐND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chủ trương phát triển nguồn nhân lực chất lượng của tỉnh. Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh xác định:

Giáo dục - Đào tạo phải đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển Giáo dục và Đào tạo cân đối về

quy mô, loại hình, tăng cường chất lượng, hiệu quả, tiếp cận tiến bộ và bền vững. Đẩy nhanh tiến độ, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản hoàn thành xây dựng xong Khu Đại học Phố Hiến, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực; sớm tiếp nhận các trường Đại học, tiếp nhận một số cơ sở đào tạo nghề xây dựng một số trường Đại học thực hành đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao tại khu Đại học Phố Hiến [54, tr.4-5].

Trên cơ sở đó, ngày 04/10/2011, UBND tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 1665/QĐ-UBND Về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020. Trong đó:

Đẩy mạnh phát triển, nâng cao chất lượng nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ đột phá. Đảm bảo thực hiện công bằng xã hội trong phát triển nhân lực với sự kết hợp hài hoà giữa đảm bảo phúc lợi xã hội trong giáo dục với sử dụng những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường và hiệu quả kinh tế - xã hội trong phát triển nhân lực [85, tr.55].

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài. Đồng bộ hóa hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ phát triển nguồn nhân lực theo hướng hiện đại, đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo. Xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực. Mở rộng quy mô đào tạo, quy hoạch Khu Đại học Phố Hiến theo hướng hiện đại, chuẩn khu vực. Hoàn thiện hệ thống trung tâm giáo dục thường xuyên tại các huyện, thành phố và trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Phát triển các trung tâm dạy nghề, chuẩn hóa, HĐH cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 1374/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày

16/02/2012 về Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015 và các Kế hoạch chỉ tiêu đào tạo trong từng năm. UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; trong đó chú trọng đến công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức vừa hồng, vừa chuyên, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, tự học, tự bồi dưỡng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ CNH, HĐH, hội nhập quốc tế.

Quy mô, mạng lưới các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng được duy trì và phát triển. Có 06 trường cao đẳng, nâng cấp và thu hút thêm 05 trường đại học về tỉnh. Mỗi năm đào tạo trên 1 vạn sinh viên, đào tạo, cấp chứng chỉ nghề cho hàng vạn lao động, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh và khu vực. Toàn tỉnh có 41 cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề, trong đó có 01 trường đại học; 06 trường cao đẳng nghề và tham gia dạy nghề; 08 trường trung cấp nghề và tham gia dạy nghề, còn lại là các trung tâm, đơn vị tham gia dạy nghề được phân bổ trên địa bàn tỉnh, nhất là ở các khu vực công nghiệp trọng điểm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của cơ sở dạy nghề từng bước được đầu tư nâng cấp. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề đáp ứng cơ bản nhu cầu. Từ năm 2011-2015, toàn tỉnh đã dạy nghề cho 206.875 người, trong đó: cao đẳng nghề là 8.066 người; trung cấp 10.256 người; sơ cấp nghề, dạy nghề ngắn hạn và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 188.553 người. Năm 2015 “Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 38%” [116, tr.1].

Đặc biệt, lao động trong lĩnh vực công nghiệp và lao động khu vực nông thôn ngày một tăng. Năm 2010, tổng số lao động doanh nghiệp trong KCN trên địa bàn tỉnh là 15.409 người; năm 2013 là 27.380 người, thì đến năm 2015 tăng lên 38.125 người. Tính chung cho cả giai đoạn 2010-2015, tốc độ tăng số lượng lao động doanh nghiệp trong KCN bình quân năm là 19,86%. Trong giai đoạn 2010-2015, “Toàn tỉnh đã tạo việc làm cho 113.100 lao động, bình quân

đạt 22.620 lao động/năm” [116, tr.1]. Tỉnh đã quan tâm thực hiện tốt công tác dạy nghề cho lao động nông thôn:

Toàn tỉnh đã dạy nghề cho 12,4 nghìn lượt lao động nông thôn, duy trì hoạt động của 59 làng nghề, với các ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, may, thêu, dệt, tơ tằm, chạm bạc...nhiều ngành nghề như chế biến lương thực, thực phẩm, mộc dân dụng và các dịch vụ thương mại nông nghiệp cũng phát triển góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn [57, tr.253].

Những kết quả trên cho thấy, MTĐT của tỉnh Hưng Yên từng bước cải thiện, tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đến đầu tư góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân; phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, công tác giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng tồn tại những hạn chế: Chất lượng giáo dục, đào tạo chưa thật sự cao, đáp ứng tốt yêu cầu CNH, HĐH và thu hút đầu tư. Đào tạo nghề chưa tạo sự gắn kết có hiệu quả giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và thực tiễn. Chưa có sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa các trường dạy nghề với doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn ở mức cao; đặc biệt là ở địa bàn nông thôn. Chất lượng lao động tuy đã được nâng lên song còn thiếu và yếu, đặc biệt là lao động có tay nghề cao, kỹ thuật, trình độ, làm việc trong các doanh nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, doanh nghiệp nước ngoài “Số liệu điều tra cho thấy 57.4% doanh nghiệp chưa hài lòng với trình độ của lao động do các trung tâm, cơ sở đào tạo nghề giới thiệu” [121, tr.87].

Tiểu kết chương 2

Trong giai đoạn 2010-2015, trước tình hình trong nước, khu vực và quốc tế tiếp tục có nhiều thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng tồn tại những thách thức, khó khăn, song toàn cầu hóa, quốc tế hóa, hòa bình, hội nhập, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo tạo điều kiện, cơ hội cho cả nước và Hưng Yên cải thiện, xây dựng MTĐT, hội nhập quốc tế, đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH. Trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đầu tư, cải thiện, xây dựng MTĐT; đặc biệt là Luật đầu tư năm 2014 ra đời có hiệu lực trên cơ sở khắc phục những tồn tại, bất cập của Luật đầu tư năm 2005; đồng thời bổ sung, phát triển, hoàn thiện một số nội dung quan trọng cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong nước và quốc tế. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã nghiên cứu, quán triệt và vận dụng phù hợp với nhu cầu, điều kiện, đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định công tác xây dựng MTĐT có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Do đó, xây dựng MTĐT được Đảng bộ xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị, các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân. Đảng bộ đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lãnh đạo, chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các địa phương thực hiện công tác xây dựng MTĐT trên bốn nội dung chủ yếu bao gồm: Thực hiện xây dựng cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư, cải thiện, xây dựng MTĐT; cải cách hành chính; xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trên cơ sở quan điểm, chủ trương, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương đã quán triệt, cụ thể hóa và triển khai trong thực tiễn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, công tác xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên có những chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng. MTĐT được xây dựng theo hướng thông thoáng, cởi mở,

từng bước hiện đại, cắt giảm TTHC không cần thiết; tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại; chất lượng nguồn nhân lực từng bước được cải thiện và nâng cao; tình hình an ninh, an toàn; công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn tại các KCN, CCN, khu dân cư, đô thị được bảo đảm, tạo niềm tin và sự yên tâm cho các nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp. MTĐT từng bước được cải thiện đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong nước và quốc tế đến đầu tư tại Hưng Yên, góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, chất lượng cuộc sống của người lao động và người dân được nâng lên; tạo động lực phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, công tác xây dựng MTĐT còn một số hạn chế: Nhận thức của một bộ phận cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức về xây dựng MTĐT chưa thật sự sâu sắc; nguồn lực đầu tư cho xây dựng MTĐT còn hạn chế; CCHC; trong đó cải cách TTHC còn chậm; cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng chưa thật sự đồng bộ, hiện đại; nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội và doanh nghiệp; nhiều dự án đầu tư quy mô còn nhỏ, chất lượng và hiệu quả chưa cao; phân bố các dự án đầu tư không đồng đều; tình trạng ô nhiễm môi trường trong các KCN, CCN còn diễn ra thường xuyên. Đòi hỏi Đảng bộ tỉnh Hưng Yên phải nắm bắt thực tế để có chủ trương, chỉ đạo phù hợp trong giai đoạn tới.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ (2015-2020)

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN VỀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

3.1.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng môi trường đầu tư

3.1.1.1. Tình hình thế giới và trong nước

**** Tình hình thế giới***

Trong giai đoạn 2015-2020, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Toàn cầu hóa, quốc tế hóa, hòa bình, hữu nghị, hội nhập, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo song đứng trước nhiều khó khăn, thách thức bởi sự cạnh tranh, ảnh hưởng giữa các nước lớn, sự trỗi dậy của chủ nghĩa bá quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo hộ... Tình hình an ninh chính trị vẫn hết sức phức tạp, chiến tranh, mâu thuẫn, xung đột vẫn xảy ra ở nhiều điểm nóng quốc tế; các thách thức toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh chính trị, môi trường hợp tác đầu tư, phát triển của các quốc gia.

Nền kinh tế thế giới gặp khó khăn do tác động của khủng hoảng, suy thoái kinh tế. Chiến tranh thương mại, cạnh tranh kinh tế, nhất là về thị trường, đầu tư, thuế quan, nhân lực chất lượng cao, tài nguyên, công nghệ... giữa các quốc gia ngày một gia tăng. Khoa học, công nghệ tiếp tục phát triển nhanh chóng; đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra thời cơ và thách thức đối với các quốc gia, dân tộc, trong đó có Việt Nam.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương; trong đó có khu vực Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới. Vai trò trung tâm

kết nối của ASEAN trong các thiết chế khu vực tiếp tục được khẳng định nhưng còn nhiều thách thức. Các nước lớn tăng cường sức mạnh quân sự và cạnh tranh chiến lược trong khu vực ngày càng quyết liệt. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp. Những nhân tố này ảnh hưởng, tác động đến MTĐT quốc tế và trong nước. Xu hướng toàn cầu hoá, hoà bình, hữu nghị, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo; cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ là những điều kiện thuận lợi giúp cho Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tiếp tục đẩy mạnh xây dựng MTĐT, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, những khó khăn, thách thức từ tình hình quốc tế, khu vực cũng ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng MTĐT, thu hút đầu tư tại tỉnh Hưng Yên.

** Tình hình trong nước*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị và nhân dân cả nước, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục hoàn thiện và phát triển; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; công tác cải thiện, xây dựng MTĐT có những chuyển biến tích cực, Việt Nam trở thành một trong những nước thu hút số lượng lớn dự án FDI trong khu vực và trên thế giới. Những lợi thế này, giúp cho Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tận dụng, khai thác các tiềm năng, lợi thế của địa phương như vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực... tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng MTĐT đạt hiệu quả.

Tuy nhiên, đất nước cũng phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa thật sự bền vững, sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế chưa cao. MTĐT tuy đã được cải

thiện song chưa thực sự đồng bộ, hiệu quả, thông thoáng, minh bạch, hiện đại, tạo sự đột phá. Những khó khăn này ảnh hưởng trực tiếp đến công tác xây dựng MTĐT tại các địa phương. Thu hút FDI còn hạn chế về quy mô, chất lượng các dự án còn chưa cao, chưa gắn kết với yếu tố bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đặc biệt là đại dịch Covid-19 bùng phát trong năm 2019 và 2020 đã ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến công tác xây dựng MTĐT, thu hút đầu tư của cả nước, trong đó có tỉnh Hưng Yên.

3.1.1.2. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng môi trường đầu tư

**** Chủ trương của Đảng***

Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của xây dựng MTĐT trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, điều tiết kinh tế vĩ mô, tạo động lực, môi trường cho phát triển:

Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, an toàn, thuận lợi; kiểm soát tốt độc quyền kinh doanh, thực thi hiệu lực, hiệu quả các chính sách cạnh tranh lành mạnh. Đặt doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường; phân định rõ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học, công nghệ [42, tr.274].

Đại hội đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm xây dựng MTĐT:

Một là, tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng cơ chế, chính sách, tạo MTĐT thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp, xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Trong đó, đối với doanh nghiệp nhà nước: “Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động theo cơ chế thị trường, bảo đảm thực hiện tốt

nhệm vụ được giao. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực quan trọng” [42, tr.290]. Đối với doanh nghiệp tư nhân: “Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng mọi cơ hội, các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên.” [42, tr.292].

Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: “Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỉ lệ nội địa hoá cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng nhiều lao động.” [42, tr.292-293]. Đối với kinh tế hợp tác: “Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.” [42, tr.293].

Hai là, thực hiện tốt công tác CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, hiệu lực, hiệu quả, lấy kết quả phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp là tiêu chí đánh giá:

Tập trung cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, gắn với nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật; quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm đối với từng thủ tục hành chính. Chỉ quy định những thủ tục hành chính thực sự cần thiết, hợp lý, đúng pháp luật và tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính. Bảo đảm quyền tự do của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động kinh tế đi đôi với tuân thủ pháp luật [42, tr.310].

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng:

Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả tổng hợp và tính hệ thống, nhất là mạng lưới giao thông, điện, nước, thủy lợi, giáo dục, y tế, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin [42, tr.294].

Bốn là, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, hội nhập quốc tế:

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội... Tăng cường quản lý nhà nước về nguồn nhân lực, gắn kết cung - cầu. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo điều kiện hỗ trợ dịch chuyển lao động và phân bổ lao động hợp lý, hiệu quả. [42, tr.296-297].

Ngày 20/08/2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 50-NQ/TW Về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. Trong đó, Đảng tiếp tục khẳng định khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh:

Nhà nước tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhà đầu tư; bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp xu hướng phát triển, tiếp cận chuẩn mực tiên tiến quốc tế và hài hoà với các cam kết quốc tế, bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, công khai, minh bạch và tính cạnh tranh cao. Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí

đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đa phương hoá, đa dạng hoá đối tác, hình thức đầu tư, đan xen lợi ích trong hợp tác đầu tư nước ngoài và kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững [5, tr.2-3].

** Chính sách của Nhà nước*

Từ quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng MTĐT, Quốc hội, Chính phủ đã cụ thể hoá thành hệ thống chính sách, pháp luật thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài, tạo dựng MTĐT thuận lợi, từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của đất nước. Ngày 14/02/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP Về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; trong đó quy định về lĩnh vực, điều kiện, thủ tục thực hiện dự án đầu tư; cơ chế quản lý và sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án; chế độ ưu đãi, bảo đảm đầu tư và trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước đối với dự án.

Tiếp đó, ngày 17/03/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Trong đó, nhấn mạnh việc bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu. Ngày 06/04/2016, Quốc hội ban hành Luật số 107/2016/QH13 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ quy định Về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

Ngày 12/06/2017, Quốc hội ban hành Luật số 04/2017/QH14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ DNNVV; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV. Trong đó, xác định các nguyên tắc hỗ trợ DNNVV bao gồm: việc hỗ trợ DNNVV phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế

mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện. Nhà nước hỗ trợ DNNVV có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực. Việc hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật. Trường hợp DNNVV đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều DNNVV cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ hơn. DNNVV được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan [80].

Đặc biệt, ngày 17/06/2020, Quốc hội ban hành Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Trong đó, Quốc hội quyết định tiếp tục cắt giảm 22 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhằm góp phần xóa bỏ rào cản trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà luật không cấm, thực hiện cam kết về mở cửa thị trường của Việt Nam theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, Luật đã sửa đổi, bổ sung các ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhằm bảo đảm thu hút đầu tư FDI có chọn lọc, chất lượng theo Nghị quyết số 50 của Bộ Chính trị, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật Đầu tư, các Luật thuế và các Luật liên quan. Trong đó, Luật quy định cụ thể, rõ ràng, chi tiết hơn về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong hoạt động đầu tư: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan đăng ký đầu tư, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện nhiệm

vụ quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, bao gồm: phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ lập và công bố Danh mục dự án thu hút đầu tư tại địa phương. Chủ trì hoặc tham gia thẩm định các dự án đầu tư thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật này và chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ trì thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư tại địa phương, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư. Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trên địa bàn và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cung cấp thông tin liên quan để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư, duy trì, cập nhật Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, chỉ đạo việc tổ chức, giám sát và đánh giá thực hiện chế độ báo cáo đầu tư.

3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về đẩy mạnh xây dựng môi trường đầu tư

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chủ trương tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp; nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách xây dựng, cải thiện MTĐT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành mục tiêu sớm đưa Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 (2015) xác định mục tiêu tổng quát:

Tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy mọi nguồn lực và sức mạnh tổng hợp của toàn dân; chú trọng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng cơ bản để Hưng Yên sớm trở thành tỉnh công nghiệp [33, tr.116].

Điểm mới mang tính đột phá trong quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong lãnh đạo xây dựng MTĐT giai đoạn 2015-2020 là Đảng

bộ tỉnh Hưng Yên xác định thu hút đầu tư, tạo dựng MTĐT là một trong ba khâu đột phá có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng cơ bản để Hưng Yên sớm trở thành tỉnh công nghiệp. Ba khâu đột phá Đảng bộ xác định gồm:

1. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, hiện đại; 2. Huy động các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, nhất là xây dựng giao thông; 3. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, thực hiện công tác đào tạo, đánh giá, sử dụng cán bộ thông qua việc đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp và luân chuyển các ngành trong cùng cấp [33, tr.116].

Đảng bộ chủ trương: Tập trung thu hút đầu tư, phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp, cải thiện môi trường đầu tư, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo sự hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh. Có cơ chế, chính sách tạo vốn, huy động cao các nguồn lực cho đầu tư hạ tầng, phát triển các khu, cụm công nghiệp; đặc biệt ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp lớn để thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, công nghiệp sạch, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tăng thu hút ngân sách, tập trung hơn ở các huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang và Ân Thi (dọc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng) [33, tr.118].

Ngày 04/10/2016, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU Về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 chủ trương hoàn thiện hệ thống cơ chế, đồng bộ về chính sách MTĐT, thu hút đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp phát triển; Đảng bộ tỉnh xác định ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, công nghiệp gia công, chế biến, chế tạo thân thiện với môi trường, công nghiệp sạch, công

ng nghiệp phụ trợ có tỷ trọng giá trị nội địa và giá trị gia tăng cao, hiệu quả, thiết thực; chủ trương tập trung thu hút dự án vào các KCN, CCN theo quy hoạch trên địa bàn huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang, Khoái Châu và Ân Thi. Tăng cường:

Đổi mới và nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư theo hướng mở rộng thành phần tham gia xúc tiến đầu tư, bảo đảm dự án đầu tư có tính khả thi cao, đúng quy hoạch phát triển và đem lại lợi ích bền vững cho tỉnh. Tích cực phối hợp với cơ quan liên quan để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh [112, tr.8].

Đảng bộ tỉnh chủ trương đẩy mạnh thu hút đầu tư, thực hiện cơ cấu lại sản xuất công nghiệp, tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ tiên tiến, công nghiệp hỗ trợ, có tỷ trọng giá trị nội địa và giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, ưu tiên các dự án lớn, có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường và tạo nguồn thu tích cực cho ngân sách. Đẩy mạnh phát triển đồng bộ hạ tầng các KCN, CCN hiện đại:

Có cơ chế, chính sách tạo vốn, huy động cao các nguồn lực cho đầu tư hạ tầng, phát triển các khu, cụm công nghiệp; đặc biệt ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp lớn để thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, công nghiệp sạch...có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tăng thu ngân sách, tập trung hơn ở các huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang và Ân Thi dọc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng [33, tr.63].

Cùng với công nghiệp, Đảng bộ tỉnh đẩy mạnh thu hút đầu tư vào phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa hiệu quả cao, gắn với xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính

phủ. Đảng bộ xác định cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thu hút đầu tư; thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa, tập trung, an toàn, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao gắn với bảo vệ môi trường. Xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch và phát triển bền vững. Chú trọng nâng cao năng suất và hiệu quả lao động, cải thiện thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, phát triển kinh tế địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ chất lượng cao. Có cơ chế, chính sách để khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế, doanh nghiệp tích cực đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ; hình thành các điểm du lịch, các trung tâm vui chơi, giải trí, du lịch sinh thái; đẩy mạnh loại hình du lịch văn hóa, tâm linh gắn với Khu di tích Quốc gia đặc biệt Phố Hiến, Thành phố Hưng Yên.

Đảng bộ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện toàn diện và đồng bộ công tác CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC và cải cách tổ chức bộ máy gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ hành chính và dịch vụ công. Các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành và các địa phương cụ thể hoá nhiệm vụ CCHC, tạo dựng MTĐT và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thành nội dung thiết thực trong công tác hàng quý, hàng năm để triển khai thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tế của từng cơ quan, địa phương, đơn vị.

Ngày 11/10/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Kết luận số 03-KL/TU về Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số PCI giai đoạn 2016-2020. Trong đó, xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Một là, “Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh” [115, tr.3].

Hai là, “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng,

bình đẳng, an toàn và thân thiện, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội cho phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh” [115, tr.3].

Ba là, “Chú trọng cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế.” [115, tr.5].

Bốn là, “Đẩy mạnh công tác hiện đại hóa nền hành chính. Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.” [115, tr.5].

Năm là, các cơ quan báo chí, truyền thông như: Báo Hưng Yên, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đài truyền thanh các huyện, thành phố xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC “Tạo môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.” [115, tr.6].

Trong xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, Đảng bộ chủ trương huy động cao nhất các nguồn lực xã hội và ngân sách tỉnh để tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, CNH, HĐH, thu hút đầu tư tại địa phương.

Ngày 04/10/2016, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó chủ trương huy động tối đa các nguồn lực, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải; tập trung đầu tư đồng bộ các công trình trọng điểm có vai trò động lực phát triển kinh tế; ưu tiên đầu tư các công trình kết nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong khu vực, phát huy tối đa lợi thế của tỉnh. Nghị quyết chỉ rõ:

Phát triển đa dạng các loại hình vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ vận tải, gắn với tích cực đổi mới, hiện đại hóa các phương tiện vận

tải, đảm bảo vận tải chất lượng, an toàn, thuận tiện, tiết kiệm chi phí xã hội và bảo vệ môi trường. Có cơ chế thu hút đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống cảng cạn (ICD) của tỉnh kết nối với đường sắt Hà Nội - Hải Phòng tại vị trí ga Lạc Đạo mới và kết nối với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại khu vực nút giao Lý Thường Kiệt. Tăng cường thu hút đầu tư để đẩy mạnh cải tạo, nâng cấp một số âu thuyền, xây dựng bến cảng...theo quy hoạch, nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng vận tải thủy trên các tuyến sông của tỉnh và trên sông Hồng, sông Luộc đoạn quan địa bàn tỉnh [113, tr.6].

Ngày 22/12/2016, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó chủ trương phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên theo Quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội và phát huy tối đa các lợi thế của tỉnh. Chú trọng phát triển đô thị có tính chất động lực, phát triển nhanh và bền vững; xây dựng hệ thống đô thị hiện đại, hài hòa với thiên nhiên, đồng bộ về cơ sở hạ tầng, kết nối tốt giữa các khu đô thị. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng, năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị, xây dựng đô thị sạch - xanh - sáng - đẹp, gắn kết phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chủ trương tăng cường thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH. Ngày 04/10/2016, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến năm 2025. Trong đó, chủ trương tiếp tục thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 và các chương trình giáo dục thường xuyên, góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện chuyển đổi ngành, nghề của người lao động.

Đảng bộ tỉnh chủ trương sắp xếp các trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề, hướng nghiệp; xây dựng quy chế phối hợp hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng với các ngành, đoàn thể cấp xã. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ. Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo của các trường chuyên nghiệp theo hướng liên thông từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề đáp ứng yêu cầu về chất lượng của thị trường lao động; nghiên cứu tiếp nhận các chương trình đào tạo từ các nước tiên tiến trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Tăng cường quản lý chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, các chương trình liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Huy động mọi nguồn lực và tăng cường ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo và dạy nghề với các cá nhân, doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục tại tỉnh. Quan tâm đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo đến năm 2020 tỷ lệ người lao động qua đào tạo nghề đạt từ 65% - 70% [114, tr.6-7].

Như vậy, trong giai đoạn 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chủ trương tiếp tục đẩy mạnh xây dựng MTĐT, tập trung vào những nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác hoàn thiện hệ thống chính sách cho hoạt động đầu tư. Trong đó, tập trung thu hút đầu tư, phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, hiện đại. Đây là khâu đột phá đầu tiên trong 3 khâu đột phá mà Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định trong giai đoạn 2015-2020. Thực hiện có hiệu quả, động bộ các giải pháp cải thiện MTĐT, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC, hiện đại hoá nền hành chính, tạo MTĐT thông thoáng, cởi mở, bình đẳng, an

toàn, thân thiện, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng các KCN, hạ tầng nông thôn. Đây là đột phá thứ hai trong xây dựng MTĐT, thúc đẩy CNH, HĐH, hội nhập quốc tế của tỉnh.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh.

3.2. ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

3.2.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách cho hoạt động đầu tư

** Chính sách thu hút đầu tư*

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, trọng tâm là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp... cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh tiếp tục quán triệt thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng, cải thiện MTĐT. Tạo lập MTĐT kinh doanh thông thoáng, minh bạch; CCHC, đơn giản hóa TTHC, xây dựng chính quyền điện tử trong điều hành, giải quyết công việc. Nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích đổi mới công nghệ, thu hút vốn đầu tư toàn xã hội đạt hiệu quả thiết thực; các ngành, địa phương cần có nhiều chương trình, hoạt động cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện MTĐT, nâng cao chỉ số PCI.

UBND tỉnh yêu cầu cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh tập trung đẩy mạnh công tác rà soát, cải cách TTHC mà trọng tâm là rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung hồ sơ, cắt giảm thời gian thực hiện TTHC. Tăng cường trách nhiệm, công khai, minh bạch của các cơ

quan hành chính nhà nước gắn với trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị. Tỉnh cũng chỉ đạo thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại, tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư.

Thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp đột phá về thu hút đầu tư: Đẩy mạnh công tác CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC, cắt giảm tối thiểu 10% thời gian thực hiện TTHC; ban hành các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện MTĐT; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông, giải quyết TTHC nhanh chóng, thuận tiện cho người dân, nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Ngày 28/10/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2382/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số PCI giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Tiếp đó, ngày 31/10/2016 UBND tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 2404/QĐ-UBND thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số PCI giai đoạn 2016-2020. Trong đó, chỉ rõ nhiệm vụ của Ban chỉ đạo là giúp Chủ tịch UBND tỉnh nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách, các giải pháp thực hiện công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về chỉ số PCI của tỉnh.

Ngày 22/08/2017, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 74-KH/TU Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khuyến khích, hỗ trợ để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng theo cơ chế thị trường với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỉ trọng đóng góp trong tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP).

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện MTĐT, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tỉnh Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 14/6/2018 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hưng Yên năm 2018; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 05/7/2018 về nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 05/7/2018 về nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 05/7/2018 Về nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018.

Ngày 16/10/2018, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 12/CT-UBND Về việc tăng cường công tác tiếp nhận, quản lý hoạt động đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nghiêm các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các quy định khác liên quan trong việc tham mưu UBND tỉnh tiếp nhận tất cả các dự án đầu tư.

Ngày 29/03/2019, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch hành động số 45 KH-UBND Triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Trong đó, tiếp tục nâng cao chất lượng MTĐT, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, phấn đấu cải thiện điểm số và xếp hạng của Chỉ số PCI.

Nhằm tạo MTĐT thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, ngày 24/12/2018, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 144/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. UBND tỉnh giao các cấp, các ngành, các huyện, thành phố thường

xuyên cập nhật, rà soát và kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, không cần thiết.

UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tăng cường vai trò thẩm định các dự thảo văn bản của HĐND và UBND có quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, TTHC. Sở Xây dựng rà soát, sửa đổi, bổ sung, cắt giảm các quy định không cần thiết về thủ tục lập quy hoạch, giấy phép quy hoạch, thủ tục xin phép xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh. Công an tỉnh rà soát các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo hướng làm rõ các quy định, giảm thiểu các yêu cầu không cần thiết đối với các công trình có thể dùng chung trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đơn giản hóa các TTHC trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy cho doanh nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ khoa học công nghệ, bao gồm dịch vụ nghiên cứu, phát triển, dịch vụ đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia cung cấp các dịch vụ còn ít nhà cung cấp, đảm bảo thị trường có cạnh tranh. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng tiên tiến trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá toàn bộ các quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành có liên quan trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, báo cáo UBND tỉnh để đề xuất Hội đồng nhân dân cùng cấp phương án giảm phí, lệ phí phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo các loại phí tuân thủ đúng nguyên tắc cơ bản bù đắp chi phí được quy định trong Luật Phí và Lệ phí năm 2015, giải thích công khai cơ sở tính phí, lệ phí. Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền phương thức, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo hướng giảm bớt gánh nặng tài chính doanh nghiệp [151, tr.3].

Sở Nội vụ thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân có hành vi nhũng nhiễu, phiền hà trong thực thi công vụ, tạo gánh nặng cho doanh nghiệp. Tổ chức khảo sát ý kiến của doanh nghiệp, người dân về chất lượng hành chính công; chi phí không chính thức ở cấp sở, ngành, huyện theo mô hình dân chấm điểm, công khai kết quả, yêu cầu các sở, ngành, huyện có biện pháp nâng cao chất lượng hành chính công và cắt giảm chi phí không chính thức.

Thanh tra tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo của doanh nghiệp về các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng các công cụ hiện đại tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo của doanh nghiệp và người dân về hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức như phần mềm điện thoại thông minh, diễn đàn truyền thông xã hội.

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp các huyện, thành phố tích cực vận động doanh nghiệp thành viên phản ánh các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức; tập hợp các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp thành viên gửi Thanh tra Tỉnh:

Phối hợp với các tổ chức đại diện người dân, doanh nghiệp tiến hành định kỳ khảo sát ý kiến người dân, doanh nghiệp về chất lượng hành chính công và chi phí không chính thức ở cấp sở, ngành, huyện; công khai kết quả, yêu cầu các sở, ngành, huyện có giải pháp nâng cao chất lượng hành chính công và cắt giảm chi phí không chính thức [151, tr.5].

Về thu hút FDI, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo hoàn thiện thể chế, quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, dần tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Theo đó, ngày 05/11/2019, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 186-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư

nước ngoài đến năm 2030. Trong đó, xác định khu vực kinh tế có vốn FDI là bộ phận quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với khu vực kinh tế khác. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhà đầu tư; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.

Về nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Tăng cường thu hút các dự án có quy mô lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các tổ chức, công ty, tập đoàn xuyên quốc gia từ Hàn Quốc, Nhật Bản, EU... tạo tiền đề thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ. Thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư nhằm quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng đa dạng hóa các phương thức xúc tiến, có cơ chế hỗ trợ, kiến tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các tầng lớp nhân dân phát huy mọi tiềm năng phát triển nhằm tăng cường thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế. Công khai, minh bạch hệ thống thông tin, pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thị trường...

Tăng cường cơ chế đối thoại, đổi mới, mở rộng phương thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của nhà đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đầu tư nước ngoài [119, tr.7].

Ngày 24/12/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND kèm theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên. Trong đó chỉ đạo tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của tỉnh Hưng Yên. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hệ thống hạ tầng thương mại tỉnh Hưng Yên. Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh

ngiệp, hợp tác xã, hộ cá thể trên địa bàn tỉnh. Gắn kết, lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh với hoạt động đầu tư và du lịch của tỉnh.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan phổ biến định hướng phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các đề án phát triển. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Ưu tiên hỗ trợ đơn vị tham gia chương trình là DNNVV, doanh nghiệp mới thành lập, sản xuất, kinh doanh sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thống, đặc sản của tỉnh, sản phẩm có thương hiệu hoặc có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia, có nhu cầu quảng bá sản phẩm mới. Xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu, nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng của tỉnh và của doanh nghiệp Hưng Yên tại các tỉnh.

** Trong phát triển doanh nghiệp*

Tăng cường các hoạt động đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp chủ động đối thoại để nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc của doanh nghiệp. Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế. Tăng cường các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm khoa học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và sự đồng thuận xã hội về vị trí, vai trò của doanh nhân, doanh nghiệp đối với xã hội. Tỉnh uỷ chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường quản lý và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, đẩy mạnh thu hút đầu tư.

Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, doanh nhân và hiệp hội doanh nghiệp để nắm bắt thông tin, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Thường xuyên rà soát, kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách còn bất cập, tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất thuận lợi, đúng quy định của pháp luật.

Các sở, ngành thực hiện tốt cải cách TTHC, nêu cao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm của công chức trong giải quyết các việc liên quan đến doanh nhân; thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân trong xúc tiến thương mại, tìm hiểu thị trường; trợ giúp việc đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân; tăng cường công tác thông tin, dự báo về thị trường nhằm định hướng cho doanh nghiệp khai thác tối đa năng lực sản xuất.

Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc của doanh nghiệp, doanh nhân, phát huy sức mạnh của cộng đồng doanh nghiệp. Ban Dân vận Tỉnh ủy tiếp tục tham mưu hướng dẫn, vận động đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp trong việc xây dựng đạo đức doanh nghiệp, thực hiện chính sách, pháp luật trong lao động, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đồng thời “Tăng cường liên kết với các trường đào tạo, các trung tâm dạy nghề để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động và nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp” [106, tr.9-10]. Căn cứ quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV với mục tiêu: “Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thông tin mở rộng thị trường, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; đề xuất Chính phủ

có cơ chế chính sách tính dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để đổi mới công nghệ, thiết bị” [136].

Nhằm tạo MTĐT thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp sáng tạo. Tỉnh Hưng Yên đã ban hành các văn bản về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo như: Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc ban hành kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020. Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án hỗ trợ thanh niên Hưng Yên sáng tạo, khởi nghiệp giai đoạn 2018-2022. Kế hoạch số 37 KH-UBND ngày 11/03/2020 Về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên năm 2020. Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

** Trong lĩnh vực công nghiệp*

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố tập trung thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cung cấp cho các ngành công nghệ cao, các dự án sản xuất thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, sản phẩm xuất khẩu, gắn với việc tạo lập thương hiệu sản phẩm công nghiệp.

UBND tỉnh giao Sở Công Thương nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, có biện pháp tháo gỡ khó khăn; đổi mới và mở rộng hoạt động khuyến công:

Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp gắn với khu nhà ở dân cư; nghiên cứu các sản phẩm, doanh nghiệp có giá trị sản xuất công nghiệp tương đối lớn, có khả năng cạnh tranh, có tiềm năng phát triển, phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực, xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ phát triển tạo thành các sản phẩm, doanh nghiệp chủ lực của ngành công thương tỉnh [83, tr.8].

Ngày 16/03/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 850/QĐ-UBND Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp. Đa dạng các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư. Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư vào địa bàn tỉnh thông qua tham gia các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm trong nước, các cuộc tiếp xúc với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước [144, tr.5].

Ngày 09/7/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018. Trong đó, chỉ đạo Ban Quản lý các KCN tỉnh thực hiện quản lý, khai thác hiệu quả các KCN được Chính phủ phê duyệt; thúc đẩy thu hút đầu tư vào KCN, tạo nguồn cung sẵn có về mặt bằng sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý, bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật ổn định như điện, nước, viễn thông, vận tải...Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển các KCN để thu hút các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN; tập trung hỗ trợ, đôn đốc các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng các KCN: Minh Đức, Phố Nối A, Yên Mỹ II, Yên Mỹ, Kim Động và các KCN có khả năng phát triển [149, tr.16].

Ngày 31/08/2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Báo cáo số 264/BC-UBND Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ngày 22/12/2020, HĐND tỉnh ra Nghị quyết số 341/NQ-

HĐND thông qua Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, nhấn mạnh nhiệm vụ hỗ trợ các DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để từng bước tham gia vào chuỗi liên kết theo chiều dọc, tạo mối liên kết ngành, qua đó tập hợp các doanh nghiệp có mối liên quan trong quá trình tạo ra giá trị gia tăng từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến phân phối, tiêu thụ, bán hàng tới tay người tiêu dùng. Chủ động tổ chức xúc tiến đầu tư, liên kết, hợp tác với các tập đoàn đa quốc gia. Tích cực triển khai chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài vào một số ngành công nghiệp liên quan đến công nghiệp hỗ trợ như công nghiệp ô tô, điện tử, sản xuất máy móc công nghiệp và nông nghiệp, dệt, công nghệ cao ở một số thị trường mục tiêu như các nước ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ.

** Trong lĩnh vực nông nghiệp*

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND, các cấp các ngành, các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 149 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Ưu tiên thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng công nghệ cao, gắn với đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện an toàn thực phẩm, đầu tư chế biến sâu, bảo quản các sản phẩm nông sản, thủy sản phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

Ngày 24/12/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2086/QĐ-UBND Phê duyệt Dự án đẩy mạnh phát triển cơ giới hoá nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2020 nhằm đẩy mạnh áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất nông

ng nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn theo hướng CNH, HĐH.

Ngày 06/10/2016, HĐND tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Trong đó, xác định các nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc danh mục được UBND tỉnh phê duyệt. Chính sách ưu đãi về đất đai, phát triển thị trường, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và áp dụng khoa học công nghệ được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ. Theo đó, quy định chính sách hỗ trợ đầu tư đối với từng dự án như: Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án. Hỗ trợ trồng cây dược liệu, đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, cây dược liệu, sấy phụ phẩm thủy sản; chế tạo, bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản.

Ngày 26/12/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND Về việc Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Trong đó UBND tỉnh tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, đặc biệt là các ưu đãi về đất đai, hỗ trợ về đầu tư:

Doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh được hưởng khung ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật hiện hành; khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên trước xem xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất [141, tr.1-2].

Ngày 21/07/2017, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND Về việc ban hành định mức kinh phí hỗ trợ việc tổ chức thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Ngày 28/07/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2147/QĐ-UBND Về việc ban hành danh mục loại dự án nhóm C quy mô nhỏ được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020.

** Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ*

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo thu hút đầu tư phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Ngày 24/12/2015, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên nhằm tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hệ thống hạ tầng thương mại tỉnh Hưng Yên. Nâng cao năng lực của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu, có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ, đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, gắn với Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến. Gắn kết, lồng ghép các hoạt động đầu tư với xúc tiến thương mại và du lịch của tỉnh.

Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng của tỉnh và của doanh nghiệp Hưng Yên tại các tỉnh. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng trên địa bàn tỉnh. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước, xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu, nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và

dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước như tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, chương trình giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Nhờ thực hiện tốt công tác hoàn thiện cơ chế, đồng bộ về chính sách trong xây dựng MTĐT đã tạo MTĐT kinh doanh thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp tăng cường đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người lao động, bổ sung cho nguồn ngân sách của tỉnh.

Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã thu hút 816 dự án đầu tư, tăng 34,4% so với giai đoạn 2011-2015 (trong đó: 625 dự án trong nước với vốn đăng ký trên 61,7 nghìn tỷ đồng, tăng 38,5% so với giai đoạn 2011-2015, nâng tổng số dự án đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 1.985 dự án (trong đó: 1.487 dự án trong nước, vốn đăng ký trên 140,7 nghìn tỷ đồng; 498 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký trên 5 tỷ USD với tổng số vốn đăng ký tương đương trên 11 tỷ USD (mục tiêu đạt 10 tỷ USD); thu hút một số dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến, có khả năng tham gia sâu chuỗi liên kết khu vực và toàn cầu [34, tr.2].

Cơ cấu đầu tư có sự chuyển dịch tích cực, tập trung nhiều hơn vào lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài như KCN Thăng Long II (Sumitomo), Phố Mới A, Phố Mới B, Yên Mỹ, các CCN, làng nghề phát triển mạnh.

Trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, giai đoạn 1993-2017, tỉnh Hưng Yên thu hút được 11 dự án sử dụng vốn ODA, bao gồm các dự án do các Bộ, ngành

Trung ương và địa phương quản lý, với tổng giá trị cam kết tài trợ 2.535 tỷ đồng, trong đó vốn ODA khoảng 2.211 tỷ đồng, vốn đối ứng là 324 tỷ đồng. Nguồn vốn của các chương trình dự án chủ yếu tập trung vào một số Nhà tài trợ như: Chính phủ Phần Lan, Chính phủ Luxembourg, WB và ADB, IDA, AFD, Keximbank. Các chương trình, dự án ODA chủ yếu tập trung vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như: Xây dựng công trình thủy lợi; hỗ trợ trang thiết bị y tế, hạ tầng cơ sở phục vụ cho công tác khám chữa bệnh; nước sạch, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống mạng lưới điện nông thôn; hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai.

Các dự án ODA đã góp phần cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng ở nông thôn và đô thị, phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh theo hướng CNH, HĐH. Theo đó, Hưng Yên luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư nhằm thu hút các dự án có quy mô lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia từ Hàn Quốc, Nhật Bản, EU... Thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ; phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ đồng bộ theo 4 nhóm: Hạ tầng xuất nhập khẩu, hạ tầng bán buôn, hạ tầng bán lẻ và trung tâm hội nghị triển lãm thương mại. Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã thu hút 191 dự án FDI, vốn đăng ký trên 2,24 tỷ USD, tăng 34,9% so với giai đoạn 2011-2015.

Tính đến năm 2020, Tỉnh Hưng Yên có 10 khu công nghiệp, với tổng diện tích 2.500 ha đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch. Toàn tỉnh Hưng Yên có 487 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 5.265 triệu USD, riêng trong năm 2020 có 26 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký là 250 triệu USD. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu gồm: Thứ nhất là Nhật Bản có 166 dự án, vốn đăng ký là 3.228,52 triệu USD, chiếm 61,32% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Hàn Quốc có 143 dự án, vốn đăng ký 764,61 triệu USD, chiếm 14,52% tổng vốn đăng ký; thứ ba là Trung Quốc có 75 dự án, vốn đăng ký 349,78 triệu USD, chiếm 6,64% tổng số vốn đăng ký [25, tr.9].

Nhìn chung, các dự án FDI có tiến độ triển khai nhanh, đáp ứng tiến độ đăng ký và được chấp thuận, tuân thủ các quy định về an ninh, trật tự, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trong các nhà máy, xí nghiệp, KCN, CCN. Việc triển khai đầu tư và đưa dự án đi vào hoạt động của các doanh nghiệp đã đóng góp tích cực vào quá trình CNH, HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hưng Yên.

Về phát triển công nghiệp, hoạt động sản xuất công nghiệp tỉnh Hưng Yên tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ, có đóng góp quan trọng về quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Các chỉ số về tốc độ tăng giá trị sản xuất, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) hằng năm đều đạt mức tăng khá. Kết quả này đã thể hiện sự cố gắng, nỗ lực, sáng tạo, vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp và các hộ cá thể công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp một số mặt chuyển biến tốt, bảo vệ môi trường trong phát triển công nghiệp được đề cao và thực hiện ngay từ khâu tiếp nhận, đăng ký đầu tư; các KCN, CCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải đồng bộ, đạt tiêu chuẩn môi trường. Cơ cấu chuyển dịch mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; môi trường làm việc của người lao động được cải thiện, và thu nhập được nâng lên, góp phần nâng cao đời sống công nhân, lao động.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp tiếp tục thu hút nhiều lao động, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

Toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp được chấp thuận trong Quy hoạch phát triển các KCN với quy mô 2.481,45ha, trong đó có 07 KCN đang hoạt động và đang đầu tư xây dựng. Năm 2020, toàn tỉnh có 224.792 lao động sản xuất trong ngành công nghiệp, trong đó có 1.288 lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước, chiếm 0,57%; có 138.165 lao động khu vực ngoài nhà nước, chiếm 61,47%, bao gồm 96.349 lao động thuộc doanh nghiệp, 41.304 lao động hộ cá thể và 512 lao động khu vực hợp tác xã; có 85.339 lao động khu vực có vốn

đầu tư nước ngoài, chiếm 37,96%. Hằng năm, các doanh nghiệp và hộ cá thể đã thu hút và tạo việc làm mới cho khoảng 11 nghìn người, tương đương tăng khoảng 5% đến 6%/năm [23, tr.63].

MĐT được cải thiện đã thu hút số lượng lớn các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh như: KCN Phố Nối A, KCN Thăng Long II, KCN Yên Mỹ, KCN Yên Mỹ II, KCN Dệt May Phố Nối, KCN Minh Đức, KCN Minh Quang. Trong đó tiêu biểu là KCN Phố Nối A và KCN Thăng Long II:

Phố Nối A là khu công nghiệp có số dự án đầu tư đăng ký lớn nhất với 206 dự án, bao gồm 92 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký là 989,67 triệu đô la Mỹ và 114 dự án có vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký là 19.464,5 tỷ đồng; tiếp đến là KCN Thăng Long II với 101 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2.730,4 triệu đô la Mỹ; đứng thứ ba là KCN Dệt May Phố Nối với 66 dự án, bao gồm 35 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký là 432,56 triệu đô la Mỹ và 31 dự án có vốn đầu tư trong nước với số vốn đầu tư đăng ký là 2.469 tỷ đồng [7].

Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cũng đạt được những kết quả tích cực. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn, hiệu quả và bền vững; cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch tích cực, tăng năng suất, chất lượng; xây dựng và triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020; phong trào xây dựng nông thôn mới có nhiều chuyển biến tích cực “Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2020 tăng 1,14 lần so với năm 2015. Thu hút trên 200 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tổng số vốn đăng ký gần 15.000 tỷ đồng, góp phần phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân” [34, tr.4].

Cùng với sự phát triển của sản xuất, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển mở rộng với nhiều hình thức kinh doanh tiên tiến, hiện đại; hình thành hệ thống bán lẻ tiện ích, bán hàng tự chọn:

Sự tác động của Luật doanh nghiệp, các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, vì vậy có nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể mở rộng quy mô, phương thức quản lý, chuyển đổi thành loại hình doanh nghiệp tư nhân. Năm 2020 toàn tỉnh có 61.114 cơ sở cơ sở cá thể thương mại, dịch vụ, gấp 1,5 lần với năm 2011, tăng bình quân 3,42%/năm trong giai đoạn 2016-2020 [23, tr.72].

Công tác xúc tiến thương mại được quan tâm phát triển, tổ chức nhiều sự kiện quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ hàng hóa cấp tỉnh, cấp khu vực và tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại quốc tế. Duy trì thường niên Lễ hội Nhân lòng Hưng Yên, Hội nghị kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản. Phát triển du lịch được chú trọng, tăng trưởng đạt 12,5%/năm. Tích cực thực hiện xúc tiến, quảng bá du lịch. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển du lịch.

Môi trường đầu tư của tỉnh được cải thiện, góp phần tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Hưng Yên, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân:

Kinh tế duy trì phát triển ổn định với chất lượng tăng trưởng được cải thiện, tiềm lực, quy mô tăng lên. Năm 2020 đạt 102 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,73 lần so với năm 2015. Công nghiệp, xây dựng đang dần chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế, phù hợp với định hướng của tỉnh. Năm 2020, công nghiệp, xây dựng chiếm 61,5%; nông nghiệp, thủy sản chiếm 9,65%; thương mại, dịch vụ chiếm 28,85%. Các đột phá chiến lược đã thu được kết quả nổi bật khi Hưng Yên là sự lựa chọn của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước; thu hút 816 dự án, tăng 34,4% so với giai đoạn 2011-2015 [34, tr.144-145].

Công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh được triển khai tích cực, ý thức bảo vệ môi trường của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội được nâng lên rõ rệt. Tình trạng ô nhiễm môi trường trong các đô thị, khu dân cư, đặc biệt là tại các đô thị, khu dân cư, KCN, CCN, khu chế xuất từng bước được cải thiện. Công tác an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy tại các khu đô thị, KCN, CCN, khu chế xuất cũng được đảm bảo, tạo môi trường an toàn, hoà bình, ổn định cho các nhà đầu tư.

Tuy nhiên, công tác hoàn thiện cơ chế, đồng bộ về chính sách trong xây dựng MTĐT tại Hưng Yên cũng tồn tại những hạn chế: Sự chồng chéo, không thống nhất giữa các Luật, văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực xây dựng, đầu tư, nhà ở, đất đai... Công tác bố trí tái định cư, giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục về đất đai còn gặp nhiều vướng mắc do phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan. Cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN, CCN chưa đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển, thiếu quỹ đất sạch; chất lượng lập quy hoạch chưa đảm bảo, thiếu tính đồng bộ, liên kết giữa các quy hoạch... Công tác quản lý, phối hợp giữa các cấp, các ngành và địa phương còn thiếu chặt chẽ; quy hoạch chưa đồng bộ, chặt chẽ; chậm được điều chỉnh, thiếu thống nhất giữa các quy hoạch; thủ tục đất đai còn phức tạp; công tác bảo vệ môi trường, giám sát thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số dự án, khu công nghiệp, làng nghề; việc triển khai thực hiện dự án còn chậm, kéo dài gây lãng phí, tốn kém, bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến MTĐT của tỉnh.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân về hợp tác đầu tư nước ngoài còn hạn chế. Công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế, các dự án FDI tuy có số lượng khá nhưng quy mô còn nhỏ, chưa có nhiều dự án sử dụng công nghệ cao; sự liên kết, hợp tác, tương tác giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài còn ít và chưa chặt chẽ, hiệu ứng lan tỏa về năng suất, kỹ thuật và công nghệ chưa cao. Quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài có mặt còn hạn chế; tình trạng chuyên giá và

trốn thuế của các doanh nghiệp FDI chưa được phát hiện xử lý kịp thời; đóng góp vào ngân sách nhà nước chưa phản ánh đúng về hiệu quả đầu tư.

Công tác quản lý Nhà nước, xử lý các vi phạm về đất đai, tài nguyên, giao thông, thủy lợi ở một số nơi kết quả chưa cao, chưa triệt để; ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi, có thời điểm gây bức xúc. Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, chưa phát huy được hiệu quả của Khu Đại học Phố Hiến. Tình hình an ninh trật tự trên một số địa bàn, lĩnh vực còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp.

3.2.2. Đẩy mạnh cải hành cách hành chính, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, cấp uỷ Đảng, chính quyền các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh tiếp tục quán triệt chủ trương đẩy mạnh CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC, tạo dựng MTĐT công khai, minh bạch, thông thoáng, cởi mở cho người dân và doanh nghiệp.

Ngày 09/07/2015, Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh báo cáo sơ kết công tác CCHC nhà nước giai đoạn I (2011-2015), đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn II (2016-2020) tỉnh Hưng Yên. Trong đó, xác định mục tiêu của công tác CCHC là: Xây dựng bộ máy hành chính dân chủ, trong sạch, chuyên nghiệp, hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực thực thi công vụ.

Trọng tâm trong chương trình CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2020 là: Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đẩy mạnh công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật và các TTHC; tiếp tục cải cách TTHC theo hướng đơn giản, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, người dân và doanh nghiệp; thực hiện đồng bộ việc rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, kịp thời đề nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung các TTHC không phù hợp. Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ

quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC từ tỉnh đến cơ sở trên các phương tiện truyền thông. Duy trì và thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị “Tiếp tục đào tạo và có kế hoạch đào tạo thường xuyên cho cán bộ, công chức về hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và áp dụng đầy đủ, nghiêm túc, tuân thủ quy trình trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn” [135, tr.26-27].

Ngày 28/10/2016, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2382/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Trong đó, UBND tỉnh yêu cầu đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, chất lượng, toàn diện các nội dung CCHC để phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đề án xác định mục tiêu cụ thể: Các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh đạt mức tối thiểu bằng trung bình của cả nước trước năm 2018; duy trì đến năm 2020 có Chỉ số PCI thuộc nhóm 30 địa phương có thứ hạng cao trong danh sách toàn quốc. Đơn giản, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, đảm bảo hàng năm cắt giảm tối thiểu 10% thời gian thực hiện các thủ tục hành chính. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80%; 100% các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; 100% cổng thông tin điện tử các cơ quan nhà nước của tỉnh có thiết lập kênh trao đổi, hỏi đáp giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan hành

chính nhà nước các cấp; có ít nhất 65% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 3 và 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến [140, tr.17].

Ngày 17/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Chỉ thị số 06/CT-CTUBND Về việc nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Hưng Yên. Trong đó, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong chỉ đạo thực hiện nâng cao Chỉ số PAPI của tỉnh Hưng Yên, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế tại cơ quan, đơn vị, tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

Đối với nội dung tham gia của người dân ở cấp cơ sở: tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện ở cấp cơ sở; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đối với nội dung công khai, minh bạch: thực hiện công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và tại trụ sở UBND cấp xã. Kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc khung giá đất. Thực hiện công khai và thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất. Công khai kế hoạch đầu tư các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.

Đối với nội dung trách nhiệm giải trình với người dân: nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân của chính quyền các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, tập trung giải quyết có hiệu quả những khúc mắc, khiếu nại, tố cáo của công dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn. Các dự án, chương trình đầu tư trong

cộng đồng phải có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

Đối với nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để cán bộ, công chức, viên chức biết, thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để cán bộ, công chức, viên chức biết, thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương. Thực hiện công khai đầy đủ các quy định về TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và trên Cổng/Trang thông tin điện tử. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động.

Đối với nội dung TTHC công: Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách TTHC. Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng công tác rà soát các quy định, TTHC thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, nhất là TTHC thuộc các lĩnh vực: chứng thực, xác nhận, cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các dịch vụ công do UBND cấp xã cung cấp...để nâng cao chất lượng phục vụ.

Đối với nội dung cung ứng dịch vụ công: nâng cao hơn nữa chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập, cải thiện chất lượng giáo dục công lập, tiếp tục

cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản. Nâng cấp lưới điện nhằm đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và điện phục vụ sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh; tăng tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện. Từng bước thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường ở nông thôn để phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất kinh doanh của nhân dân. Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện tốt dịch vụ thu gom, xử lý rác thải, nước thải. Giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư.

Đối với nội dung quản trị môi trường: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt và chất lượng không khí. Gắn việc phát triển kinh tế với các biện pháp bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý quyết liệt, giải quyết dứt điểm các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các trường hợp xả thải trái phép ra môi trường gây ô nhiễm.

Đối với nội dung quản trị điện tử: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết và sử dụng dịch vụ công trực tuyến do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp. Cần đổi mới giao diện, cách thức truy cập đơn giản, dễ hiểu, từ đó người dân dễ dàng truy cập và sử dụng thường xuyên hơn. Hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Ngày 27/02/2020, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND Về việc nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI tỉnh Hưng Yên năm 2020 nhằm:

Phát huy sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân vào quá trình xây dựng, thực thi và giám sát việc thực thi chính sách; nâng cao chất lượng điều hành, quản trị và hành chính công của bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng nền hành chính minh

bạch, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp, thống nhất, nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của chính quyền các cấp đối với nhân dân [154, tr.1].

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền, sự nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh; công tác CCHC của tỉnh Hưng Yên đã có những chuyển biến nhanh chóng và đạt được những kết quả tích cực. Công tác cải cách thể chế, xây dựng văn bản pháp luật đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định, thủ tục, trình tự, từ các khâu lập chương trình, tổ chức soạn thảo, lấy ý kiến tham gia đến thẩm định, trình, thông qua ban hành...

Tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/3/2020, HĐND, UBND các cấp đã ban hành 1.987 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó cấp tỉnh 272 văn bản (94 Nghị quyết, 178 Quyết định), cấp huyện ban hành 207 văn bản (118 Nghị quyết, 89 Quyết định), cấp xã ban hành 1.508 văn bản (1.440 Nghị quyết, 68 Quyết định) [155, tr.7].

Cải cách TTHC theo hướng đơn giản hoá, giảm các khâu, thủ tục không cần thiết, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức. Công tác cải cách, hiện đại hoá ngành thuế được quan tâm. Thực hiện tốt việc tổ chức tiếp nhận và giải quyết các TTHC cho người nộp thuế theo cơ chế một cửa, liên thông hiện đại, minh bạch, công khai về thông tin, chính sách thủ tục, quy trình đảm bảo cho người nộp thuế dễ dàng tiếp cận. Triển khai các đề án điện tử trong công tác quản lý thuế như kê khai qua mạng, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, hoá đơn điện tử, khai lệ phí trước bạ điện tử. Ngày 11/5/2018, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý thuế, thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh. Thực hiện công khai doanh nghiệp nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chỉ đạo kiểm tra liên ngành để thực hiện đôn đốc nợ thuế đối với các doanh nghiệp nợ lớn.

Công tác hiện đại hóa hành chính đạt được những kết quả tích cực. Hạ tầng CNTT của các cơ quan nhà nước cơ bản đã được đầu tư, mua sắm trang

thiết bị CNTT như máy tính, máy in và các thiết bị khác; 100% mạng LAN của các cơ quan, đơn vị được kết nối mạng Internet để phục vụ việc khai thác, xử lý thông tin, xử lý công việc trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và trên 90% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được trang bị máy tính.

Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được đầu tư, nâng cấp và bổ sung thêm trang thiết bị về an toàn, bảo mật và thiết bị lưu trữ dữ liệu. Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu nội bộ tỉnh đã kết nối đến trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia giữa các Bộ, ngành và địa phương. Số lượng đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung là 189 cơ quan, đơn vị (18 sở, ban, ngành tỉnh; 10 UBND cấp huyện; 161 UBND cấp xã), 02 đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản riêng (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải); ngoài ra còn một số cơ quan, đoàn thể khác cũng sử dụng phần mềm này. Tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử có ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh giữa các cơ quan nhà nước đạt trên 98% (trừ văn bản mật). Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đã cấp được khoảng trên 9.000 hộp thư điện tử cho 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, và trên 90% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã và cho các tổ chức, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh.

Tỉnh đã thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hưng Yên, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ ba, mức độ bốn, thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết đối với TTHC của 15 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Hưng Yên và một số cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh. Sự ra đời của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh là bước đi đột phá trong công tác cải cách TTHC ở tỉnh Hưng Yên:

Thông qua hoạt động của Trung tâm, các thủ tục hành chính được công khai, minh bạch; việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính được giám sát, kiểm tra, đôn đốc và thực hiện nhất quán nhằm

bảo đảm tiến độ trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh [48].

Từ năm 2017 đến 31/3/2020, tỉnh đã cung cấp 520 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 329 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (cấp huyện chung bộ TTHC). Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ 10,19% (53/520 TTHC). Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ 10,63% (35/329 TTHC). Tỉnh đã công bố 1.583 TTHC thuộc quyền giải quyết của tỉnh lên cổng Dịch vụ công quốc gia. Số đơn vị sử dụng phần mềm Một cửa điện tử trên địa bàn tỉnh là 188 đơn vị, gồm 17 sở, ban, ngành tỉnh; 10 UBND cấp huyện; 161 UBND cấp xã (đạt 100%) [155, tr.33-34].

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) của Hưng Yên tiếp tục có sự cải thiện: Năm 2020 đạt 42.16 điểm tăng 7.12 điểm so với năm 2015. Trong đó, tiêu chí đạt điểm cao nhất là TTHC công đạt 7.43 điểm tăng so với năm 2015 đạt 6.59 điểm; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công đạt 6.82 điểm so với năm 2015 đạt 5.13 điểm; tham gia của người dân ở cấp cơ sở đạt 5.36 điểm tăng so với năm 2015 đạt 5.16 điểm; công khai, minh bạch đạt 5.19 điểm so với năm 2015 đạt 5.08 điểm [68].

Công tác CCHC được quan tâm chỉ đạo, đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tìm hiểu, đầu tư vào tỉnh, nhất là các dự án có vốn lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu ngân sách lớn, các dự án trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp; góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tuy nhiên, công tác CCHC cũng tồn tại những hạn chế như: Công tác chỉ đạo điều hành tại một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt, hiệu quả chưa cao. TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giữa các cấp còn hạn chế. Thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực còn rườm rà, chi phí tốn kém. Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp

tính ở một số tiêu chí có xu hướng giảm điểm như: Cung ứng dịch vụ công năm 2020 đạt 7.05 điểm giảm so với năm 2015 đạt 7.49 điểm; trách nhiệm giải trình của người dân năm 2020 đạt 4.72 điểm giảm so với năm 2015 đạt 5.59 điểm; 2 tiêu chí mới đạt điểm số khá thấp và có xu hướng giảm là quản trị môi trường đạt 2.72 điểm năm 2020 giảm so với năm 2018 đạt 3.54 điểm và quản trị điện tử đạt 2.92 điểm năm 2020 giảm so với năm 2018 đạt 3.26 điểm [68].

3.2.3. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng

Xây dựng kết cấu hạ tầng là một trong ba đột phá mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 xác định:

1. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, hiện đại; 2. Huy động các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, nhất là xây dựng giao thông; 3. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, thực hiện công tác đào tạo, đánh giá, sử dụng cán bộ thông qua việc đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp và luân chuyển ở các ngành trong cùng cấp [33, tr.116].

Tỉnh ủy chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, các huyện, thành phố, cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh huy động cao nhất các nguồn lực xã hội và ngân sách tỉnh để tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng đáp ứng nhu cầu phát triển. Rà soát, ưu tiên tập trung đầu tư các dự án trọng điểm cần hoàn thành sớm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nhất là xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị.

Thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy. Ngày 13/10/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình hành động số 244/CTr-UBND Thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Trong đó, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong

tỉnh thực hiện tốt công tác xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

Tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, trái phiếu Chính phủ, vốn ODA... để đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị, nhất là xây dựng hạ tầng giao thông và các công trình trọng điểm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy nhanh xây dựng hạ tầng giao thông, nhất là hệ thống đường tỉnh, quốc lộ, các tuyến đường giao thông quan trọng liên vùng đi qua tỉnh. [143, tr.5].

Ủy ban Nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng “Phấn đấu tổng vốn huy động giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 150.000 tỷ đồng.” [141, tr.5]. Trong đó rà soát, ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm hoàn thành sớm. Đối với những tuyến đường giao thông có quy mô lớn nghiên cứu đề xuất các giải pháp huy động linh hoạt, đa dạng các nguồn vốn đầu tư.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số công trình quan trọng như: Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT.386 từ thị trấn Trần Cao đến bến phà La Tiên; công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.382 (đường 199 cũ); đoạn tuyến nối ĐT.379 với QL.39 và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, huyện Khoái Châu; Dự án Nâng cấp, mở rộng đường gom (bên phải và bên trái) đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đoạn từ đường nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình đến giao với ĐT.376), các tuyến đường đường tỉnh 377, 379 và 387 đường 207B. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành tuyến đường, cầu nối với 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Giẽ-Ninh Bình; nâng cấp quốc lộ 38 đoạn qua tỉnh Hưng Yên; xây dựng các tuyến đường vành đai 3,5, vành đai 4 của Thủ đô qua địa bàn tỉnh; cầu La Tiến, các tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 39 với đường đê tả sông Hồng, đường trục kinh tế Bắc - Nam. Đầu tư hợp lý các tuyến đường sắt trên địa bàn; nghiên cứu vị trí các ga đường sắt, cảng thông quan nội

địa theo quy hoạch. Tham mưu xây dựng cảng sông Hồng, sông Luộc và một số công trình khác.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư xây dựng và hoàn thành các dự án nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ các dự án; nâng cấp, sửa chữa, xây mới các trạm bơm; phát triển đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các công trình đê điều, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác; trong đó, ưu tiên các công trình, dự án thực hiện tái cơ cấu ngành. Thực hiện phân cấp quản lý các công trình thủy lợi; tiếp tục củng cố, nâng cấp đê điều phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư Dự án Xây dựng nâng cấp đường đê tả sông Luộc kéo dài.

Sở Xây dựng tăng cường quản lý, thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, phát triển đô thị. Có chính sách sử dụng các nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển các dự án đô thị. Lập chương trình phát triển cho từng đô thị làm cơ sở cho việc phát triển đô thị từng khu vực. Phấn đấu đến năm 2020, bình quân diện tích nhà ở $25m^2$ /sàn/người; tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,5%; xây dựng thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II, thị xã Mỹ Hào và huyện Văn Giang đạt đô thị loại III; thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thời - Dân Tiến đạt đô thị loại IV; xây dựng 5 đến 6 khu vực đạt đô thị loại V.

Tỉnh ủy chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh tập trung đầu tư và phát triển hạ tầng logistics. Xây dựng các trung tâm logistics đáp ứng đồng bộ trong chuỗi dịch vụ logistics của khu vực. Ngày 11/10/2017, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 302/KH-UBND về Phát triển dịch vụ logistics tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025. Trong đó nhấn mạnh phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao trong cơ cấu ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh, gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu, thương mại nội địa. Phát triển thị trường dịch vụ logistics lành mạnh, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh

tế, khuyến khích thu hút đầu tư trong và ngoài nước phù hợp với tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics. Phát triển các doanh nghiệp logistics tăng về số lượng, chất lượng, quy mô, trình độ nhân lực theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao trong quản lý kinh doanh, đủ năng lực cạnh tranh ở thị trường trong nước và quốc tế. Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ dịch vụ logistics, chính sách đầu tư, CCHC; phối hợp quản lý của các cơ quan trong chuỗi dịch vụ logistics:

Nghiên cứu, vận dụng các chính sách thu hút đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư; ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng logistics nhằm thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ logistics và phát triển kết cấu hạ tầng logistics [146, tr.4].

Sở Kế hoạch và Đầu tư xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào các trung tâm bán buôn và dịch vụ logistics của tỉnh trên các phương tiện truyền thông, thông qua các các hội nghị xúc tiến đầu tư. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ logistics, đặc biệt là các DNNVV, tạo thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn vốn, phát triển thị trường, đào tạo, tiếp cận thông tin.

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, UBND tỉnh Hưng Yên giao Sở Giao thông vận tải thực hiện xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư phát triển giao thông vận tải để tạo tiền đề, động lực thực hiện các chương trình trọng điểm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, toàn diện, bảo đảm được sự liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, gắn kết giữa các địa phương, đặc biệt với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; gắn

kết với phát triển du lịch, di tích lịch sử, bảo vệ sinh thái của địa phương. Huy động mọi nguồn lực để từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ và đẩy nhanh tốc độ xây dựng tuyến đường trọng yếu theo quy hoạch được duyệt; coi trọng công tác quản lý, bảo trì để sử dụng các công trình hiệu quả, đảm bảo an toàn giao thông. Phát huy nội lực, từ nhiều nguồn, nhiều hình thức tham gia đầu tư phát triển; dành quỹ đất hợp lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; đầu tư hạ tầng giao thông, đảm bảo hành lang và bảo vệ môi trường, cảnh quan. Có mạng lưới giao thông hợp lý, liên hoàn giữa các phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường sông và đảm bảo liên thông giữa mạng lưới giao thông của tỉnh với mạng lưới giao thông của khu vực và quốc gia đáp ứng nhu cầu vận tải của xã hội với chất lượng ngày càng cao.

Trong các công trình, dự án đầu tư cho giao thông vận tải của tỉnh, tập trung ưu tiên vốn cho các dự án, công trình thật sự cần thiết, đạt hiệu quả cao, phục vụ đời sống của cộng đồng dân cư và phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình đầu tư nhất thiết cần phải dựa vào việc đánh giá chỉ số hiệu quả. Dành vốn ưu tiên đầu tư cho các trục đường giao thông huyết mạch, các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, cảng, KCN, bến sông...nhằm hoàn chỉnh mạng lưới giao thông.

Phát huy các nguồn lực xây dựng hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh các phương thức hợp tác như: Hợp tác công tư (PPP), xây dựng, chuyển giao (BT), xây dựng, chuyển giao, kinh doanh (BTC), xây dựng, kinh doanh, chuyển giao (BOT), đổi đất lấy cơ sở hạ tầng...Việc lựa chọn dựa trên tính chất, quy mô công trình, năng lực nhà đầu tư. Khuyến khích, cho phép các nhà đầu tư khu vực tư nhân xây dựng các công trình giao thông của tỉnh, không chỉ đối với tuyến đường bộ mà còn cả các công trình giao thông đường thủy, giao thông tỉnh, cho phép thu phí hoặc thu hồi vốn thông qua việc thuê đất. Kết hợp vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương với địa phương để phát triển, xây dựng các công trình giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Tranh thủ các nguồn vốn ODA, vốn từ các Chương trình mục tiêu, nguồn trái phiếu để xây dựng, phát triển mạng lưới đường giao thông.

Nhờ tận dụng tốt các lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực quan trọng thu hút đầu tư; đẩy mạnh CNH, HĐH; đưa Hưng Yên vươn lên trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực và cả nước.

Trong giai đoạn 2015-2020 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển đạt trên 157 nghìn tỷ đồng, gấp gần 2 lần giai đoạn 2011-2015. Đã hoàn thành đầu tư hơn 1.164 km đường giao thông; cải tạo, xây dựng 27 trạm bơm, nâng cấp, sửa chữa trên 400 km kênh mương; hạ tầng đô thị phát triển về chiều sâu, tỷ lệ đô thị hóa đạt 41% [56, tr.2].

Nhiều tuyến đường huyết mạch được hoàn thành tạo sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư như: cầu Hưng Hà và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn I), cầu La Tiến, đường ĐT.386, nâng cấp, mở rộng quốc lộ 38, đường đê tả sông Luộc...góp phần thúc đẩy giao thương, phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư của tỉnh.

Hạ tầng lưới điện được quan tâm đầu tư phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp và đời sống nhân dân. Hạ tầng CCN được quan tâm đầu tư. Tính đến năm 2020, tỉnh Hưng Yên có 16 CCN được thành lập với tổng diện tích là 763,19 ha. Hạ tầng công nghệ thông tin phát triển nhanh, cơ bản hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ của các đô thị, thị trấn trung tâm “100% xã, phường, thị trấn được cung cấp dịch vụ internet, mạng cáp quang và phủ sóng di động 4G. Hạ tầng đô thị phát triển, cơ bản hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng dịch vụ của các đô thị, thị trấn trung tâm, toàn tỉnh có thêm 13 xã được công nhận đô thị loại V” [34, tr.31-32].

Hạ tầng logistics và thiết bị của hệ thống các trung tâm logistics trên địa bàn tỉnh Hưng Yên dần hình thành và phát triển, bước đầu thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Hệ thống kho bãi, phương tiện vận chuyển liên tục được đầu tư mới, mở rộng, nâng cấp. Dịch vụ cung cấp đa dạng và hiện đại như: Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách; cho thuê kho, bãi; xếp dỡ hàng hóa; đóng gói bao bì và phân phối sản phẩm; khai thác hệ thống cảng sông, cảng cạn (ICD);

dịch vụ khai báo hải quan...đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh. Hạ tầng giao thông vận tải hành khách và hàng hóa của Hưng Yên tương đối hoàn chỉnh và hiện đại, nhất là giao thông đường bộ được đầu tư nâng cấp, mở rộng nhất là các tuyến đường trọng yếu, đường vành đai kết nối với các tuyến đường trong khu vực. Cơ sở hạ tầng giao thông của tỉnh góp phần giảm bớt được thời gian và chi phí vận chuyển, nâng cao giá trị gia tăng của doanh nghiệp. Hệ thống giao thông được tập trung đầu tư, kết nối Hưng Yên với các tỉnh và Thủ đô Hà Nội, cảng biển và sân bay; giao thông phát triển tạo thêm sức hấp dẫn với các nhà đầu tư.

Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng còn chưa thật sự đồng bộ, hiện đại và hiệu quả cao, chưa đáp ứng tốt yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là hạ tầng đô thị, hạ tầng logistics và giao thông.

3.2.4. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh tiếp tục quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh về thực hiện tốt công tác giáo dục, đào tạo, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốt yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh yêu cầu đảm bảo nguồn nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng trên cả 3 yếu tố cơ bản: sức khỏe, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức và có cơ cấu hợp lý theo yêu cầu của xã hội; đưa Hưng Yên trở thành tỉnh phát triển trong vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và của cả nước “Hình thành đội ngũ nhân lực đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, phát triển toàn diện về trí tuệ, ý chí, năng lực và đạo đức, năng động, chủ động, có năng lực tự học, tự đào tạo cao, khả năng thích nghi và hội nhập vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và hội nhập quốc tế” [130, tr.56]. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng tốt hơn tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp

của người lao động. Bổ sung cơ chế ưu đãi thu hút các trường đại học về Khu Đại học Phố Hiến.

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/10/2016 của Tỉnh ủy; ngày 21/12/2016, Ủy ban nhân tỉnh ban hành Kế hoạch số 321/KH-UBND về Chương trình phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến năm 2025. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hoàn chỉnh phân cấp quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã chú trọng đến công tác đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng tốt hơn tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của người lao động. Xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo nghề, xác định rõ cơ cấu nghề đào tạo, cơ cấu trình độ nghề; rà soát các đơn vị có chức năng dạy nghề và nhu cầu thị trường lao động của tỉnh để có kế hoạch đào tạo nghề sát với thực tế, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Ngày 18/11/2016 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Kết luận số 05-KL/TU về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên chỉ đạo HĐND, UBND, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; huy động sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị, xã hội đối với công tác dạy nghề, việc làm và giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác truyền thông, đổi mới nhận thức về đào tạo nghề; chú trọng các hoạt động hướng nghiệp, gắn giáo dục phổ thông với công tác hướng nghiệp và khởi nghiệp; thực hiện có hiệu quả phân luồng học sinh phổ thông, nhằm đáp ứng việc phân bổ hợp lý nguồn lao động trên địa bàn tỉnh.

Khuyến khích xã hội hóa, có cơ chế chính sách huy động các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo, dạy nghề.

Thực hiện chủ trương trên, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tổ chức thực hiện mô hình đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường, tập trung đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; đào tạo nghề phục vụ cho nhu cầu hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, trong đó quan tâm đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn, lao động tại vùng chuyển đổi đất nông nghiệp, đào tạo nghề để xuất khẩu lao động.

Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề; chú trọng kiểm định chất lượng đào tạo; tăng cường quản lý chương trình, nội dung đào tạo nghề. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra an toàn tại các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; tiếp tục CCHC trong quản lý dạy nghề. Tăng cường các hoạt động sàn giao dịch việc làm. Tiếp tục duy trì, mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu lao động, trong đó cần chú trọng đến những thị trường có tiềm năng để đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Nhờ đó, công tác đào tạo nghề đạt được nhiều kết quả tích cực:

Năm 2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 705.199 người; trong đó, khu vực thành thị 112.195 người, chiếm 15,91%; khu vực nông thôn 593.004 người, chiếm 84,09%. So với tổng dân số, tỷ lệ lao động 15 tuổi trở lên khu vực thành thị đạt 53,50%; lao động khu vực nông thôn đạt 55,98%. Trong đó, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của tỉnh Hưng Yên đạt 26,35% (cao hơn mức 25,56% của năm 2019), lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 42,15%; khu vực nông thôn đạt 23,36%. Tỷ lệ lao động là nam giới từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của tỉnh Hưng Yên đạt 31,56%, cao hơn so với tỷ lệ nữ giới được đào tạo (tỷ lệ này ở nữ giới là 21,13%). Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ

tuổi năm 2020 giảm còn 2,67%, trong đó, khu vực thành thị 2,78%; khu vực nông thôn 2,65% [25, tr.57].

Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề còn hạn chế; tỷ lệ lao động qua đào nghề còn thấp. Hệ thống cơ sở dạy nghề phát triển không đồng đều, cơ sở dạy nghề quy mô còn nhỏ và chưa hiện đại, chưa đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động. Việc thu hút trường đại học về Khu Đại học Phố Hiến còn gặp khó khăn. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm; cơ cấu lao động ở một số ngành còn bất hợp lý, lao động nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Hoạt động của hệ thống giới thiệu việc làm còn nhiều hạn chế; các trung tâm, cơ sở chưa có nhiều sự gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp. Chưa thiết lập được thông tin đồng bộ, thống nhất về thị trường lao động từ tỉnh tới các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn. Việc cập nhật thông tin, báo cáo về lao động, việc làm ở cấp cơ sở không thường xuyên và thiếu chính xác, dẫn đến việc đánh giá kết quả giải quyết việc làm hàng năm và dự báo về thị trường lao động chưa liên tục và kịp thời, không đủ cơ sở dữ liệu để phục vụ có hiệu quả cho người có nhu cầu tìm việc làm. Cơ cấu ngành nghề và bậc đào tạo chưa phù hợp, chất lượng dạy nghề nhìn chung còn thấp; chưa cập nhật, bổ sung kịp thời các nghề mới theo yêu cầu của thị trường lao động trong chương trình đào tạo.

Tiểu kết chương 3

Giai đoạn 2015-2020, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII trong bối cảnh quốc tế, trong nước tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; đặc biệt là những ảnh hưởng, tác động từ suy thoái kinh tế toàn cầu do đại dịch Covid-19. Song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, công tác xây dựng MTĐT của tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực. Công tác hoàn thiện cơ chế, đồng bộ về chính sách, tạo dựng môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư được quan tâm; công tác CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng thông thoáng, cởi mở, thân thiện, hiện đại, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nhân lực, công sức, giảm chi phí không cần thiết cho người dân và doanh nghiệp; việc ứng dụng CNTT trong hoạt động công vụ được đẩy mạnh. Kết cấu hạ tầng; đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng các KCN, khu đô thị được quan tâm đầu tư, phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại hơn; công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đạt được nhiều kết quả tích cực góp phần đáp ứng cơ bản yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội; tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là tại các đô thị, KCN, CCN được đảm bảo.

Qua đó, từng bước tạo dựng được MTĐT theo hướng công khai, minh bạch, an toàn, tin cậy, hấp dẫn, thân thiện, đồng bộ, tiết kiệm, hiện đại thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại Hưng Yên, góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động, thúc đẩy CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xây dựng MTĐT tại Hưng Yên giai đoạn 2015-2020 cũng bộc lộ một số hạn chế: Chỉ số Papi, PCI tuy có sự cải thiện song chưa bền vững; một số chỉ số còn ở mức thấp so với các tỉnh trong

khu vực Đồng bằng sông Hồng; kết cấu hạ tầng chưa thật sự đồng bộ, hiện đại, liên kết; chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án FDI nhìn chung còn thấp.

Những kết quả đạt được và hạn chế trong xây dựng MTĐT là cơ sở, tiền đề cho Đảng bộ tỉnh Hưng Yên phát huy lợi thế, tiềm năng, thế mạnh; đồng thời khắc phục những hạn chế; tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa công tác lãnh đạo xây dựng MTĐT trong giai đoạn tiếp theo, xây dựng thành công, hiệu quả MTĐT tại tỉnh Hưng Yên góp phần thu hút đầu tư, đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ (2010-2020)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng môi trường đầu tư để đề ra chủ trương phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương

Là một trong những địa phương có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội để xây dựng MTĐT. Đặc biệt là những lợi thế về địa hình, mạng lưới giao thông, sự phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở, điều kiện quan trọng để Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT đạt nhiều thành tựu trong giai đoạn 2010-2020.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, trên cơ sở nghiên cứu, quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng MTĐT; Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã vận dụng, phát triển phù hợp với tình hình, điều kiện, đặc điểm, thực tiễn của địa phương.

Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 02/12/2009 của Tỉnh ủy Hưng Yên Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2010 xác định:

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các dự án có đầu tư lớn, hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp để đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tích cực xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị, các công trình giao thông, thủy lợi quan trọng. Nghiên cứu xây dựng mô hình cụm công nghiệp cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa. [103, tr.3].

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015 chủ trương cải thiện, xây dựng MTĐT “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế cao, chất lượng và bền vững...tạo nền tảng vững chắc để Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020” [32, tr.102]. Đảng bộ đề ra một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm xây dựng MTĐT: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, phát triển nhanh và bền vững gắn với tập trung xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên những ngành nghề, sản phẩm có nhiều lợi thế, có ý nghĩa chiến lược, hiệu quả và bền vững; tiếp tục rà soát hoàn chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp; bổ sung cơ chế kịp thời, tạo sự hấp dẫn hơn nữa đối với các nhà đầu tư; ưu tiên các dự án lớn. Đẩy mạnh CCHC, nhất là TTHC, giảm và bãi bỏ các loại TTHC gây phiền hà cho tổ chức và công dân; tăng cường ứng dụng CNTT; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh CCHC trong thu, chi ngân sách, dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: “Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu Đại học Phố Hiến sớm đi vào hoạt động. Tạo chuyển biến mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo, dạy nghề theo hướng tiếp cận với công nghệ hiện đại và đào tạo nghề phổ thông.” [32, tr.106-107].

So với giai đoạn trước năm 2010, quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT đã có sự cụ thể, rõ ràng hơn. Đảng bộ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc xây dựng MTĐT; xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tập trung vào việc xây dựng MTĐT như: Hệ thống cơ chế, chính sách; thực hiện CCHC; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Theo đó, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã đề ra nhiều nghị quyết chuyên đề và nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; trong đó có nội dung về cải thiện, xây dựng MTĐT như: Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/11/2010 của

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2011; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/10/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2012. Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 27/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2014.

Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 26/11/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2015. Kế hoạch số 116-KH/TU, ngày 15/12/2014 của Tỉnh ủy về Thực hiện Kết luận số 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị Về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, đầu nhất quán chủ trương:

Chú trọng đổi mới cơ chế chính sách và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tích cực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, khuyến công, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.
[109, tr.3-4].

Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 tiếp tục khẳng định quan điểm chú trọng, làm tốt nhiệm vụ cải thiện, xây dựng MTĐT. Đảng bộ xác định xây dựng MTĐT là một trong ba khâu đột phá có ý nghĩa quan trọng:

1. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, hiện đại; 2. Huy động các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, nhất là xây dựng giao thông; 3. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, thực hiện công tác đào tạo, đánh giá, sử dụng cán bộ thông qua việc đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp và luân chuyển các ngành trong cùng cấp [33, tr.116].

Đảng bộ chủ trương: “Tập trung thu hút đầu tư, phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp, cải thiện môi trường đầu tư, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo sự hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh.” [33, tr.118]. Trên cơ sở đó, Đảng bộ chỉ đạo 13 Đảng bộ trực thuộc trong toàn Đảng bộ tỉnh thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung về xây dựng MTĐT theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

So với giai đoạn 2010-2015, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT giai đoạn 2015-2020 ngày một hoàn thiện, cụ thể, trọng tâm hơn. Trong đó, Đảng bộ chú trọng thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện MTĐT tạo sự hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, huy động cao các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển các khu, CCN. Điểm nổi bật, đáng chú ý trong xây dựng MTĐT, thu hút đầu tư giai đoạn này là tập trung vào các dự án có quy mô đầu tư lớn, công nghệ hiện đại, hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh xây dựng MTĐT, Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 03-KL/TU ngày 11/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020. Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban

chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII về Chương trình phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo số 106-BC/TU Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 17 NQ/TW ngày 01/8/2007 của Ban chấp hành Trung ương khóa X Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước của tỉnh Hưng Yên.

Nhận thức của Đảng bộ, chính quyền, các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh về vai trò, ý nghĩa của việc nâng cao chỉ số PCI ngày một được nâng cao và hoàn thiện hơn. Đảng bộ tỉnh đã quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc cải thiện chỉ số PCI của tỉnh và đã đạt được những kết quả hết sức tích cực. Nếu trong giai đoạn 2010-2012, tỉnh Hưng Yên thiết lập được 9/10 chỉ số, thiếu 01 chỉ số về cạnh tranh bình đẳng; thì đến giai đoạn 2013-2020, tỉnh đã thiết lập được đầy đủ 10/10 chỉ số PCI; nếu năm 2010, chỉ số PCI đạt 49.77 điểm xếp 61/63 tỉnh, thành phố, thì đến năm 2020 chỉ số PCI đạt 62.23 điểm xếp 53/63 tỉnh, thành phố. Trong đó, nhiều chỉ số thành phần có sự cải thiện rõ rệt như: Chỉ số chi phí gia nhập thị trường năm 2010 đạt 5.81 điểm, năm 2020 đạt 7.81 điểm; chi phí không chính thức năm 2010 đạt 5.30 điểm, năm 2020 đạt 6.72 điểm; cạnh tranh bình đẳng năm 2013 đạt 3.94 điểm, năm 2020 đạt 7.64 điểm; tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh năm 2010 đạt 3.27 điểm, năm 2020 đạt 6.99 điểm; đào tạo lao động năm 2010 đạt 2.96 điểm, năm 2020 đạt 6.51 điểm; thiết chế pháp lý năm 2010 đạt 4.09 điểm, năm 2020 đạt 7.45 điểm [66].

Hai là, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tích cực chỉ đạo chính quyền các cấp cụ thể hoá, tổ chức thực hiện xây dựng môi trường đầu tư theo mục tiêu, phương hướng đề ra

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đẩy mạnh xây dựng MTĐT, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trong tỉnh nghiên cứu, quán triệt, triển

khai, thực hiện có hiệu quả công tác cải thiện, xây dựng MTĐT, hoàn thiện cơ chế, đồng bộ chính sách, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư.

Cụ thể hoá chủ trương của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về xây dựng MTĐT, trong giai đoạn 2010-2020, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện như: Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-2016 NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/3/2019 triển khai Nghị quyết số 02-NQ/CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ Về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 01/7/2019 về Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh PCI tỉnh Hưng Yên năm 2019.

Về thu hút đầu tư, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tập trung ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực cụ thể của tỉnh. Có chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ dựa trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện. Áp dụng nguyên tắc ưu đãi đầu tư gắn với việc đáp ứng các điều kiện, cam kết cụ thể và cơ chế hậu kiểm, yêu cầu bồi hoàn khi vi phạm cam kết đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Khuyến khích chuyển giao công nghệ và quản trị cho doanh nghiệp của địa phương.

Về xúc tiến đầu tư, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương làm tốt công tác xúc tiến đầu tư. Thu hút các dự án có quy mô

lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia từ Hàn Quốc, Nhật Bản, EU... UBND tỉnh tăng cường thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư nhằm quảng bá hình ảnh, giới thiệu năng, lợi thế của Hưng Yên đến các nhà đầu tư. Đổi mới theo hướng đa dạng hóa các phương thức xúc tiến, có cơ chế hỗ trợ, kiến tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân phát huy mọi tiềm năng phát triển nhằm thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết trên địa bàn tỉnh.

Về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành; UBND các huyện, thành phố trong tỉnh; trong đó chủ đạo là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban quản lý các khu công nghiệp tăng cường các hoạt động đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp chủ động đối thoại để nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc của doanh nghiệp. Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế. Tăng cường các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm khoa học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Nhằm tạo MTĐT thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp sáng tạo. Tỉnh Hưng Yên đã ban hành nhiều văn bản quan trọng về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo như: Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc ban hành kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020. Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án hỗ trợ thanh niên Hưng Yên sáng tạo, khởi nghiệp giai đoạn 2018-2022 với mục tiêu hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp trẻ, DNNVV do thanh niên làm chủ trên địa bàn tỉnh.

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thích ứng và hội nhập nhanh với nền kinh tế quốc tế. Tập trung ưu tiên phát triển mạnh những ngành, sản phẩm có nhiều lợi thế, có ý nghĩa chiến lược, hiệu quả và bền vững. Ngày 22/12/2020, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 341/NQ-HĐND Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Chỉ đạo Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch làm tốt công tác thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ chất lượng cao. Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại, du lịch, dịch vụ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư. Ngày 30/12/2010, UBND tỉnh ra Quyết định số 2732/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015.

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững. Ngày 27/02/2010, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Đề cương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020. Ngày 12/04/2010, UBND tỉnh ra Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND Về việc Phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2020, định hướng 2030. Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/10/2011 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Ngày 6/10/2016, HĐND tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Sở Nội vụ thực hiện có hiệu quả công tác CCHC, cải thiện MTĐT. Rà soát, kiên quyết cắt giảm các TTHC không cần thiết, gây khó khăn, phiền hà

cho người dân, doanh nghiệp. Đảm bảo công khai, minh bạch các TTHC trên cổng thông tin điện tử tỉnh, nhất là các thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, chấp thuận đầu tư, vay vốn, thuế, đất đai, cấp phép xây dựng. Hiện đại hoá nền hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, xử lý công việc của các cơ quan hành chính. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, từng bước hiện đại hoá mô hình một cửa, một cửa liên thông. Đổi mới và nâng cao năng lực giám sát, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện. Nắm bắt, xử lý nhanh, hiệu quả các vướng mắc để các dự án đầu tư sớm đi vào hoạt động. Ngày 20/02/2012, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2015. Trong đó xác định: “Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn này là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tạo bước chuyển biến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.” [131, tr.2].

Ngày 18/07/2014, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Trong đó nhấn mạnh phải tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Trên cơ sở Kết luận số 03-KL/TU ngày 11/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020. Ngày 28/10/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2382/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020.

Xây dựng kết cấu hạ tầng là một trong ba khâu đột phá quan trọng trong xây dựng MTĐT được Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định. Tỉnh ủy đã chỉ đạo HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành, các huyện, thành phố tập trung đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Ủy ban Nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng tìm kiếm các giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tập trung hoàn thiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn toàn tỉnh; phát triển có trọng tâm, trọng điểm, hoàn thành những công trình then chốt theo hướng hiện đại, đồng bộ, nhất là các vùng động lực, các KCN, đô thị. Sở Giao thông vận tải hoàn thiện cơ bản mạng lưới giao thông thiết yếu; tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, làm mới các tuyến đường tỉnh, huyện theo quy hoạch. Sở Xây dựng, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch thực hiện tốt công tác quy hoạch gắn với bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến, phát triển du lịch.

Ngày 20/03/2012, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 421/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, UBND tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông vận tải, tạo tiền đề, động lực để thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Ngày 04/10/2016, Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU Về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020. Ngày 22/12/2016, Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU Về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thu hút, cải thiện MTĐT. Theo đó, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 25/07/2011 về Chương trình phát triển giáo dục, đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, một số định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 06-

NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020.

HĐND, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hiệu quả chủ trương phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh thu hút đầu tư trong giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nghị quyết số 217/NQ-HĐND tỉnh Hưng Yên xác định: “Giáo dục, đào tạo phải đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.” [54, tr.4-5]. Ngày 4/10/2011, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UBND Về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020. Trong đó, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ đột phá không chỉ cho giai đoạn trước mắt, mà cả lâu dài của Hưng Yên.

Ngày 04/10/2016, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU Về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến năm 2025. Theo đó, ngày 21/12/2016, Ủy ban nhân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 321/KH-UBND về Chương trình phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến 2025. Trong đó, UBND tỉnh thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hoàn chỉnh phân cấp quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Ngày 18/11/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Kết luận số 05-KL/TU Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Trong đó, yêu cầu cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tại địa phương. Khuyến

khích xã hội hóa, huy động các doanh nghiệp tham gia vào quá trình dạy nghề tại doanh nghiệp.

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang trong tỉnh làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường an ninh quốc phòng; trong đó chú trọng đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội tại các khu đô thị, KCN, CCN, tạo môi trường ổn định, hòa bình, an toàn, thân thiện, cởi mở cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất, kinh doanh, mở rộng, phát triển sản xuất. Nghị quyết số 217/NQ-HĐND của HĐND tỉnh chỉ rõ cần:

Kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Coi trọng việc xây dựng và phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, nhất là ở khu vực làng, xã, thôn, xóm. Thực hiện mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ [54, tr.5].

Ngày 04/10/2010, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Chỉ thị số 07/2010/CT-UBND Về tăng cường chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Trong đó, UBND tỉnh yêu cầu:

Chú trọng công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy mô đầu tư phát triển các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và tốc độ đô thị hoá từng khu vực của tỉnh để quy hoạch phát triển hệ thống đội Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bố trí địa điểm và ngân sách để xây dựng các đơn vị Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các điều kiện đảm bảo về phòng cháy chữa cháy. Đẩy mạnh phong trào toàn dân phòng cháy chữa cháy, tổng kết, nhân rộng phong trào xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

an toàn, không để xảy ra cháy, nổ; thực hiện phương châm 4 tại chỗ: lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ, chú ý nguồn nước chữa cháy đô thị [127, tr.2].

Trong 10 năm (2010-2020), Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã thể hiện sự chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo xây dựng MTĐT. Nếu như trong giai đoạn 2010-2015, các hoạt động chủ yếu tập trung vào cải thiện MTĐT, CCHC, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hạ tầng các KCN, khu đô thị nhằm thu hút các dự án đầu tư lớn, hiệu quả kinh tế cao thì đến giai đoạn 2015-2020, công tác chỉ đạo tập trung vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông để kết nối vào mạng lưới giao thông của tỉnh với hệ thống giao thông quốc gia và thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, hiện đại là hai khâu đột phá quan trọng. Cải thiện MTĐT, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, đổi mới và nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư, bảo đảm các dự án đầu tư có tính khả thi cao, đúng quy hoạch phát triển và đem lại lợi ích thiết thực cho địa phương.

Ba là, kết quả đạt được trong xây dựng môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh; công tác xây dựng, đổi mới cơ chế, chính sách, xây dựng MTĐT của tỉnh Hưng Yên có những chuyển biến tích cực.

Trong xây dựng cơ chế, đồng bộ về chính sách cho hoạt động đầu tư được quan tâm phát triển và ngày một hoàn thiện, động bộ, phát huy hiệu quả, góp phần tạo dựng MTĐT kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, bình đẳng, nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm chi phí cho người dân và nhà đầu tư, giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo cơ chế thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh tại Hưng Yên.

Nếu như năm 1997, trên địa bàn toàn tỉnh Hưng Yên mới chỉ có 46 doanh nghiệp, dự án; trong đó có 05 dự án đầu tư từ tỉnh ngoài và 02 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 48,5 triệu USD, diện tích mặt bằng sử dụng là 14,5 ha, các doanh nghiệp khi đó với dây chuyền sản xuất lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, năng suất thấp, chất lượng kém, hiệu quả kinh tế chưa cao thì đến ngày 31/12/2010, toàn tỉnh Hưng Yên đã có 3.277 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký trên 29.534 tỷ đồng. Năm 2015, toàn tỉnh có 5.956 doanh nghiệp, dự án đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh, tăng gấp gần 150 lần so với năm 1997 (với 347 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, số vốn đăng ký là 3.310 triệu USD).

Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh thu hút 816 dự án đầu tư, tăng 34,4% so với giai đoạn 2011-2015 (trong đó: 625 dự án trong nước với vốn đăng ký trên 61,7 nghìn tỷ đồng, tăng 38,5% so với giai đoạn 2011-2015, nâng tổng số dự án đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 1.985 dự án (trong đó: 1.487 dự án trong nước, vốn đăng ký trên 140,7 nghìn tỷ đồng; 498 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký trên 5 tỷ USD với tổng số vốn đăng ký tương đương trên 11 tỷ USD vượt mục tiêu đạt 10 tỷ USD mà Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra [34, tr.2].

Năm 2020, tỉnh Hưng Yên có 12.178 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với tổng số vốn đăng ký đạt 123.671 tỷ đồng, trong đó có 72% doanh nghiệp đang hoạt động. Toàn tỉnh thu hút được 103 dự án đầu tư ngoài ngân sách với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng thêm là 492,19 triệu USD [156, tr.2]. Số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động của tỉnh Hưng Yên cao hơn một số tỉnh trong khu vực như tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định. Tỉnh Thái Bình có “7.831 doanh nghiệp; trong đó số doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 97,33% tổng số doanh nghiệp, số doanh nghiệp lớn là 29 doanh nghiệp chiếm 2,67%” [60]. Tỉnh Nam Định năm 2020 “có 9.509 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng vốn đăng ký là 71.692 tỷ đồng ” [13].

MTĐT được cải thiện góp phần thu hút số lượng lớn các dự án FDI đầu tư vào tỉnh Hưng Yên. Tính đến năm 2020, Hưng Yên đã thu hút được:

487 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 5.265 triệu USD, riêng trong năm 2020 có 26 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký là 250 triệu USD. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu gồm: Thứ nhất là Nhật Bản có 166 dự án, vốn đăng ký là 3.228,52 triệu USD, chiếm 61,32% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Hàn Quốc có 143 dự án, vốn đăng ký 764,61 triệu USD, chiếm 14,52% tổng vốn đăng ký; thứ ba là Trung Quốc có 75 dự án, vốn đăng ký 349,78 triệu USD, chiếm 6,64% tổng số vốn đăng ký...[25, tr.9].

Trong đó, các dự án FDI đầu tư vào các KCN chiếm số lượng lớn đã tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tính đến năm 2020, tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 208 doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký thực hiện 260 dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.552 triệu đô la Mỹ, bao gồm: 259 dự án đầu tư thứ cấp có tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.428,4 triệu đô la Mỹ và 01 dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp có vốn đầu tư đăng ký là 123,4 triệu đô la Mỹ. Tổng diện tích đất thuê sử dụng của các dự án FDI thứ cấp tại các khu công nghiệp là 494 ha [6].

Có 18 quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký thực hiện dự án đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; các quốc gia đầu tư chủ yếu bao gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore.

Nhật Bản dẫn đầu với 137 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.015,8 triệu đô la Mỹ, chiếm 52,7% về số dự án và 66,25% tổng vốn đầu tư; Hàn Quốc đứng thứ hai với 50 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 497,8 triệu đô la Mỹ, chiếm 19,2% về số dự án và 10,94%

tổng vốn đầu tư; Trung Quốc đứng thứ ba với 24 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 256,2 triệu đô la Mỹ, chiếm 9,2% về số dự án và 5,63 % tổng vốn đầu tư; tiếp đến là Hồng Kông với 15 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 186,9 triệu đô la Mỹ, Singapore với 07 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 132,1 triệu đô la Mỹ...[6].

Số lượng các dự án FDI có hiệu lực của tỉnh Hưng Yên là 260 dự án, cao hơn so với một số tỉnh trong khu vực như tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định. Năm 2020 tỉnh Thái Bình có “92 dự án FDI còn hiệu lực” [75]. Tỉnh Nam Định có “99 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI. Vốn thực hiện của các dự án FDI đạt khoảng 720 triệu USD” [97].

Đây là thành tích quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên trong xây dựng MTĐT, đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế phát triển ổn định, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, tiềm lực, quy mô tăng lên; năm 2020 đạt 102 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,73 lần so với năm 2015. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,38%/năm; năm 2020, thu ngân sách nhà nước 14.865 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 10.565 tỷ đồng, là một trong 16 tỉnh, thành phố bảo đảm tự cân đối thu chi và có đóng góp với ngân sách Trung ương; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 79,57 triệu đồng, gấp 1,64 lần so với năm 2015, đứng thứ 13/63 tỉnh, thành phố. Kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng 16,19%/năm.

Hoạt động sản xuất công nghiệp có sự phát triển mạnh mẽ. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có thương hiệu, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường được giữ vững và phát triển; có thêm nhiều sản phẩm công nghiệp phụ trợ, công nghệ giá trị gia tăng cao. Các chỉ số về tốc độ gia tăng giá trị sản xuất, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) hằng năm đều đạt mức tăng khá. Kết quả này đã thể hiện sự cố gắng, nỗ lực, sáng tạo, vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp và các hộ cá thể công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp 2011-2015 bình quân

tăng 24,93%/năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) duy trì ở mức khá cao, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng trên 10%/năm; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng trên 62% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Thu ngân sách từ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng khoảng 80% trong tổng thu ngân sách của tỉnh.

Năm 2020, toàn tỉnh có 21.500 cơ sở sản xuất công nghiệp, gấp 1,14 lần so với năm 2010, bình quân tăng 1,34%/năm trong giai đoạn 2011-2020, giai đoạn 2016-2020 tăng 2,11%/năm. Số lượng doanh nghiệp công nghiệp tăng mạnh. Năm 2020 có 2.058 doanh nghiệp, gấp 2,65 lần so với năm 2011 [23, tr.61].

Hưng Yên luôn nằm trong nhóm các tỉnh có tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp cao trong khu vực các tỉnh đồng bằng sông Hồng và cả nước

Cùng với công nghiệp, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cũng đạt được những kết quả tích cực. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; đạt năng suất, sản lượng, hiệu quả kinh tế cao, an toàn và bền vững, xây dựng nông thôn mới đạt kết quả vượt bậc. Đầu tư cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 đạt trên 32,8 nghìn tỷ đồng (trong đó gần 28 nghìn tỷ đồng đầu tư xây dựng nông thôn mới); các đề án, dự án thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020; cơ cấu sản xuất nông nghiệp được chuyển dịch tích cực, tăng năng suất, chất lượng:

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2020 tăng 1,14 lần so với năm 2015; giá trị bình quân trên 01 ha canh tác đạt 210 triệu đồng, tăng 60 triệu đồng/ha so năm 2015. Thu hút trên 200 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tổng số vốn đăng ký gần 15.000 tỷ đồng, góp phần phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân. [34, tr.4].

Hoạt động thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá. Tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ; hệ thống bán buôn, bán lẻ, mạng lưới siêu thị. Năm 2011, toàn tỉnh mới chỉ có 40.639 cơ sở cá thể thương mại, dịch vụ, đến năm 2020 tăng lên 61.114 cơ sở, gấp 1,5 lần với năm 2011, bình quân giai đoạn 2011-2020 tăng 4,35%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015 tăng 5,29%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 3,42%/năm. Năm 2020 “Toàn tỉnh có 61.114 cơ sở cơ sở cá thể thương mại, dịch vụ, gấp 1,5 lần với năm 2011, tăng bình quân 3,42%/năm trong giai đoạn 2016-2020; giá trị sản xuất năm 2020 đạt 24.835 tỷ đồng, gấp 1,43 lần so với năm 2015; bình quân giai đoạn 2016-2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng 10,3%/năm” [23, tr.72]. Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại. Du lịch tỉnh Hưng Yên có bước phát triển tốt, tốc độ phát triển về du lịch của tỉnh đạt khoảng từ 10 - 15%/năm, lượng khách du lịch đến Hưng Yên ngày một tăng, năm 2020 đạt trên 1,2 triệu lượt khách.

Công tác cải cách TTHC, xây dựng MTĐT đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo môi trường thuận lợi, đơn giản hoá, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức cho người dân và doanh nghiệp. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh có nhiều bước tiến vượt bậc, 100% các cơ quan, đơn vị được đầu tư cơ sở vật chất hiện đại cho bộ phận một cửa, việc giải quyết hồ sơ TTHC được thực hiện trên phần mềm một cửa, quá trình giao dịch hồ sơ TTHC được giám sát thông qua hệ thống camera quan sát. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính có nhiều chuyển biến tích cực. Tổ chức bộ máy của tỉnh qua nhiều lần sắp xếp đã gọn hơn về đầu mối và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh trong giai đoạn mới. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng kế hoạch, nội dung, chương trình.

Công tác hiện đại hóa hành chính đạt được những kết quả tích cực. Hạ tầng CNTT của các cơ quan nhà nước cơ bản đã được đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT như máy tính, máy in và các thiết bị khác. Các cơ quan, đơn vị

từ cấp tỉnh đến cấp xã đã có mạng nội bộ (LAN), kết nối đến mạng truyền số liệu chuyên dùng nội bộ của tỉnh (WAN), đáp ứng được nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh với các hệ thống thông tin quốc gia; 100% mạng LAN của các cơ quan, đơn vị được kết nối mạng Internet để phục vụ việc khai thác, xử lý thông tin, xử lý công việc trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và trên 90% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được trang bị máy tính. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đã cấp được khoảng trên 9.000 hộp thư điện tử cho 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp huyện, và trên 90% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã và cho các tổ chức, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh. Cổng, trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đã cung cấp nhiều nội dung thông tin về bộ máy tổ chức, kinh tế - xã hội và các hoạt động liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước, quy hoạch, kế hoạch phát triển, tuyên truyền, thông tin dự án, danh mục TTHC và trình tự thực hiện, tra cứu tình hình xử lý hồ sơ TTHC được thực hiện trên cổng dịch vụ công của tỉnh với địa chỉ dichvucong.hungyen.gov.vn.

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) của Hưng Yên có sự cải thiện: Năm 2011 đạt 33.5 điểm đến năm 2020 đạt 42.16 điểm tăng 8.66 điểm; trong đó, nhiều chỉ số thành phần có xu hướng tăng điểm như: TTHC công năm 2020 đạt 7.43 điểm tăng so với năm 2011 đạt 6.81 điểm; cung ứng dịch vụ công năm 2020 đạt 7.05 điểm tăng so với năm 2011 đạt 6.46 điểm; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công năm 2020 đạt 6.82 điểm tăng so với năm 2011 đạt 4.94 điểm; tham gia của người dân ở cấp cơ sở năm 2020 đạt 5.31 điểm tăng so với năm 2011 đạt 5.11 điểm; công khai, minh bạch năm 2020 đạt 5.19 điểm tăng so với năm 2011 đạt 5.03 điểm.

Theo kết quả công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2010-2020 đã có sự cải thiện đáng kể. Năm 2010, chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên xếp thứ 61/63 tỉnh,

thành phố, thì sau một năm tức năm 2011 đã tăng lên vị trí thứ 33, tăng 28 bậc trong một năm và ngay năm sau đó là năm 2012 tăng thêm 5 bậc, xếp thứ hạng 28/63 tỉnh, thành phố. Đây là thứ hạng khá cao vào thời điểm đó. Năm 2015, chỉ số PCI đạt 55.10 điểm xếp hạng thứ 56/63 tỉnh, thành phố trong cả nước thì đến năm 2020 đã tăng lên 62.23 điểm xếp 53/63 tỉnh, thành phố; trong đó một số chỉ số thành phần có sự cải thiện như: Chi phí tiếp cận đất đai năm 2015 đạt 5.27 điểm, năm 2020 đạt 6.34 điểm; tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin năm 2015 đạt 4.88 điểm, năm 2020 đạt 5.31 điểm; chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước năm 2015 đạt 6.08 điểm, năm 2020 đạt 8.24 điểm; chi phí không chính thức năm 2015 đạt 4.61 điểm, năm 2020 đạt 6.72 điểm; cạnh tranh bình đẳng năm 2015 đạt 4.21 điểm, năm 2020 đạt 7.64 điểm; tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh năm 2015 đạt 4.20 điểm, năm 2020 đạt 6.99 điểm; thiết chế pháp lý 2015 đạt 5.87 điểm, năm 2020 đạt 7.45 điểm [66].

Một số chỉ số của Hưng Yên có điểm số cao so với một số tỉnh trong khu vực như: Chỉ số gia nhập thị trường đạt 7.81 điểm (Hải Dương đạt 7.58 điểm) chỉ số tính minh bạch đạt 8.24 điểm (Hải Dương đạt 6.97 điểm, Hà Nam đạt 5.94 điểm, Thái Bình đạt 6.17 điểm, Nam Định đạt 5.83 điểm); chỉ số chi phí không chính thức đạt 6.72 điểm (Hải Dương đạt 5.28 điểm, Hà Nam đạt 6.22 điểm, Thái Bình đạt 6.25, Nam Định đạt 6.26 điểm); chỉ số cạnh tranh bình đẳng đạt 7.64 điểm (Hải Dương đạt 5.13 điểm, Hà Nam đạt 6.31 điểm, Thái Bình đạt 6.42, Nam Định đạt 6.88 điểm); chỉ số tính năng động đạt 6.99 điểm (Hải Dương đạt 5.09 điểm, Thái Bình đạt 6.43 điểm, Nam Định đạt 5.92 điểm); chỉ số thiết chế, pháp lý đạt 7.45 điểm (Hải Dương đạt 5.90 điểm, Hà Nam đạt 6.53 điểm, Thái Bình đạt 6.68 điểm, Nam Định đạt 7.03 điểm); chỉ số tiếp cận đất đai đạt 6.34 điểm (Thái Bình đạt 5.99 điểm) [66]. Kết quả đó cho thấy, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã quan tâm đến công tác cải thiện, xây dựng MTĐT; trong đó, Đảng bộ đã làm tốt công tác gia nhập thị trường, đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, phát huy tính năng động, cải cách thể chế, pháp lý,

giảm thiểu chi phí không chính thức; công khai, minh bạch trong tiếp cận đất đai... MTĐT được cải thiện, góp phần tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, mở rộng, phát triển sản xuất, kinh doanh vào tỉnh.

Công tác CCHC được quan tâm chỉ đạo, phát triển, giúp cho doanh nghiệp tìm hiểu, đầu tư vào tỉnh, nhất là các dự án có vốn lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, dự án đầu tư nước ngoài, góp phần tạo nguồn thu ngân sách lớn, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư phát triển. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo tập trung huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, cơ sở vật chất, hạ tầng với “Tổng vốn huy động toàn xã hội giai đoạn 2010-2015 đạt trên 100.000 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với giai đoạn 2006-2010; trong đó đã dành nhiều nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới” [33, tr.25]. Trong giai đoạn 2015-2020 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển đạt trên 157 nghìn tỷ đồng, gấp gần 2 lần giai đoạn 2011-2015.

Hạ tầng lưới điện được đầu tư lớn, xây dựng thêm nhiều trạm biến áp phân phối và đường dây truyền tải 110-220KV. Hoàn thành các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch bãi xử lý chất thải rắn đến năm 2020; Chương trình phát triển nhà ở; chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Hạ tầng CNTT phát triển nhanh, cơ bản hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng dịch vụ của các đô thị, thị trấn trung tâm. Hạ tầng cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư. Năm 2020, toàn tỉnh có 16 cụm công nghiệp được thành lập với tổng diện tích là 763,19 ha. Hạ tầng logistics và thiết bị của hệ thống các trung tâm logistics trên địa bàn tỉnh dần hình thành và phát triển, bước đầu đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

Hệ thống kho bãi, phương tiện vận chuyển liên tục được mở rộng, nâng cấp, đầu tư mới. Dịch vụ cung cấp đa dạng và hiện đại như: Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách; cho thuê kho, bãi; xếp dỡ hàng hóa; đóng gói bao bì và phân phối sản phẩm; khai thác hệ thống cảng sông, cảng cạn (ICD); dịch vụ khai báo hải quan...đáp ứng lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh. Hạ tầng giao thông của tỉnh đã và đang góp phần giảm bớt được thời gian và chi phí vận chuyển, nâng cao giá trị gia tăng của doanh nghiệp. Hệ thống giao thông được tập trung đầu tư, kết nối Hưng Yên với các tỉnh trong khu vực và Thủ đô Hà Nội; thu hút đầu tư; đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội; đưa Hưng Yên trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực và cả nước.

Công tác phát triển nguồn nhân lực có nhiều chuyển biến tích cực. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư phát triển cân đối về quy mô, loại hình theo hướng chuẩn hóa; chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Công tác đào tạo nghề đạt được nhiều kết quả tích cực. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của cơ sở dạy nghề từng bước được đầu tư nâng cấp. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng lên đạt 65%, góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo “Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1,8%; giải quyết việc làm thường xuyên cho 17,8 vạn lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%” [27].

Năm 2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 705.199 người, trong đó, khu vực thành thị 112.195 người, chiếm 15,91%; khu vực nông thôn 593.004 người, chiếm 84,09%. So với tổng dân số, tỷ lệ lao động 15 tuổi trở lên khu vực thành thị đạt 53,50%; lao động khu vực nông thôn đạt 55,98%. Trong đó, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của tỉnh đạt 26,35% (cao hơn mức 25,56% của năm 2019), trong đó, lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 42,15%; khu vực nông

thôn đạt 23,36%. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 giảm còn 2,67%, trong đó, khu vực thành thị 2,78%; khu vực nông thôn 2,65% [25, tr.57].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, MTĐT của tỉnh Hưng Yên từng bước được cải thiện, thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động, xóa đói, giảm nghèo; đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng, dịch vụ chiếm tỷ lệ lớn; nông nghiệp, thủy sản chiếm tỷ lệ nhỏ; tổng sản phẩm bình quân đầu người được nâng cao; tỷ lệ đô thị hoá nhanh đạt trên 40%, thị xã Mỹ Hào được thành lập; thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV, chỉ số đóng góp của sản xuất công nghiệp, dịch vụ trong kinh tế của địa phương chiếm tỷ lệ cao. Năm 2020:

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 9,72% so với năm 2018; Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 8,44%; Công nghiệp và xây dựng 62,15%; Thương mại, dịch vụ (gồm cả thuế sản phẩm) 29,41%; Tổng sản phẩm bình quân đầu người 74,57 triệu đồng; Tổng vốn đầu tư phát triển đạt 34.726 tỷ đồng, tăng 10,11%; Thu ngân sách trên địa bàn đạt 15.946 tỷ đồng, tăng 19,64%, trong đó thu nội địa 12.124 tỷ đồng, tăng 21,39%; Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 11,61% [18].

Đạt được kết quả tích cực đó có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, trong đó có vai trò quan trọng của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong công tác lãnh đạo xây dựng MTĐT, phát huy lợi thế, tiềm năng lợi thế của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút số lượng lớn các dự án đầu tư vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Những kết quả đạt được là cơ sở, tiền đề quan trọng cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên tiếp tục thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện

đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 xác định: “Xây dựng Hưng Yên thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững” [34, tr.156].

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới đất nước tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động xây dựng môi trường đầu tư

Trong giai đoạn 2010-2020, tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục có nhiều biến động, nhanh chóng, phức tạp; song xu thế chủ đạo vẫn là xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển; toàn cầu hoá, quốc tế hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với những thành tựu của khoa học, công nghệ, đặc biệt là cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội trong mở cửa, hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập kinh tế quốc tế; giao lưu, hợp tác kinh tế thương mại, thu hút các nhà đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, phát triển tại Việt Nam.

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở cửa, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng cùng sự đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm, cố gắng của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng. Kinh tế ngày một phát triển, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường và bảo đảm. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế, vai trò và uy tín của Việt Nam ngày một được khẳng định và nâng cao trên trường quốc tế. Việt Nam đã trở thành điểm đến an toàn, tin cậy, hoà bình, ổn định, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư từ khắp nơi trên thế giới. Đây là thuận lợi rất lớn cho xây dựng MTĐT tại Việt Nam và Hưng Yên.

Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế sâu rộng, Đảng luôn khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT trong thu hút đầu tư, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Đại hội XI của Đảng (2011) khẳng định:

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới...tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập; khuyến khích, tạo thuận lợi để người lao động được học tập, nâng cao trình độ tay nghề, đồng thời có cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài. [41, tr.192].

Từ quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng MTĐT, Nhà nước đã cụ thể hoá thành cơ chế, chính sách đảm bảo cho việc xây dựng MTĐT được triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả trên phạm vi cả nước. Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đối với công tác xây dựng MTĐT có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với quá trình tạo dựng, xây dựng MTĐT tại các địa phương, trong đó có tỉnh Hưng Yên.

Thứ hai, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác xây dựng môi trường đầu tư đối với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát huy những lợi thế trong xây dựng môi trường đầu tư

Trong giai đoạn 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định công tác xây dựng MTĐT có vị trí, vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng, coi đây là khâu đột phá góp phần đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo đó, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã quán triệt tới các cấp ủy đảng, chính quyền trong toàn tỉnh thực hiện tốt phương châm chỉ đạo là tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động cải thiện, xây dựng

MTĐT; quảng bá, tuyên truyền cho các nhà đầu tư thấy rõ cơ hội, lợi thế, ưu đãi khi đầu tư tại tỉnh Hưng Yên.

Trong quá trình xây dựng MTĐT, tỉnh Hưng Yên có những lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử văn hoá, xã hội, dân cư, hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng. Tỉnh Hưng Yên có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư, Hưng Yên nằm ở trung tâm của đồng bằng châu thổ sông Hồng, tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ; thuộc tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; trên 2 tuyến hành lang kinh tế kết nối Việt Nam với Trung Quốc là hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Nhờ lợi thế này, Hưng Yên dễ dàng kết nối với các địa phương trong khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, trong đó có thủ đô Hà Nội và các thành phố lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh. Hưng Yên có địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu màu mỡ, khí hậu ôn hoà, nhiều sông ngòi, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp; tận dụng lợi thế này, Hưng Yên đã đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, trong đó trồng cây ăn quả, rau màu, trồng hoa, cây cảnh phát triển mạnh. Hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Hưng Yên khá phát triển; quy mô dân số đông, lực lượng lao động trẻ; người dân cần cù, thông minh, chịu khó; Hưng Yên là mảnh đất địa linh nhân kiệt, có nhiều tiềm năng trong phát triển du lịch văn hoá, lễ hội, với đô thị cổ Phố Hiến... Những lợi thế này, đã được Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tận dụng, khơi dậy và phát huy hiệu quả trong quá trình xây dựng MTĐT.

Thứ ba, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên phát huy sự đoàn kết, nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân, tích cực chỉ đạo xây dựng môi trường đầu tư

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã khơi dậy và phát huy được truyền thống yêu nước, đoàn kết, tinh thần nỗ lực cố gắng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong tỉnh. Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng,

nỗ lực, cố gắng phấn đấu học tập, lao động, sản xuất, phát triển kinh tế; xây dựng, phát triển quê hương đất nước ngày một giàu mạnh, văn minh, tiến bộ, hiện đại.

Từ quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng MTĐT; Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã nghiên cứu, quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương. Trong đó, tập trung chỉ đạo HĐND, UBND, các sở, ban, ngành của tỉnh, các huyện, thành phố thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng hệ thống chính sách thu hút và đảm bảo cho hoạt động đầu tư; CCHC, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư; xây dựng kết cấu hạ tầng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, việc chỉ đạo ban hành các văn bản triển khai xây dựng môi trường đầu tư của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên còn hạn chế

Hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng MTĐT còn thiếu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng MTĐT, triển khai các dự án ở một số cơ quan, đơn vị, sở, ngành, địa phương trong tỉnh còn chưa quyết liệt, dễ xảy ra tình trạng kéo dài, chậm khắc phục; nhiều dự án chậm hoặc chưa triển khai đầu tư giải phóng mặt bằng.

Sự chồng chéo, không thống nhất giữa các Luật, văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực như: Xây dựng, đầu tư, nhà ở, đất đai... đã gây khó khăn trong quá trình thực hiện; công tác giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư, thực hiện các thủ tục về đất đai còn gặp vướng mắc; việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN, CCN chưa đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển, thiếu quỹ đất sạch; chất lượng lập quy hoạch chưa đảm bảo, thiếu tính đồng bộ giữa các quy hoạch... Công tác quản lý hoạt động đầu tư còn hạn chế; công tác phối hợp còn thiếu chặt chẽ; quy hoạch chậm được điều chỉnh, thiếu thống nhất giữa các quy hoạch; công tác bảo vệ môi trường, giám sát thực hiện các hoạt

động bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số dự án, KCN, làng nghề và tình trạng chậm triển khai thực hiện dự án còn nhiều, gây bức xúc trong dư luận xã hội, tác động đến MTĐT, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX đánh giá: “Công tác giải phóng mặt bằng còn khó khăn, tiến độ thực hiện nhiều dự án vẫn chậm. Xử lý vi phạm về đất đai, tài nguyên, giao thông, thủy lợi chưa triệt để; ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi, có thời điểm gây bức xúc” [34, tr.150-151].

Các dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp như dịch vụ về thông tin thị trường, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại, đào tạo, khoa học, pháp lý...còn thiếu so với các tỉnh, chất lượng dịch vụ còn thấp, chưa thông tin quảng bá rộng rãi. Chưa có nhiều hoạt động, đa dạng các hình thức xúc tiến thương mại, thông tin thị trường và các dịch vụ hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm...hoạt động chưa chuyên nghiệp, hiệu quả. Một số sở, ngành, địa phương chưa tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại.

Lĩnh vực đầu tư nước ngoài còn hạn chế, nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân về hợp tác đầu tư nước ngoài còn chưa thật sự triệt để. Thu hút các dự án FDI tuy có số lượng khá nhưng quy mô còn nhỏ, chưa có nhiều dự án sử dụng công nghệ cao, liên kết, tương tác giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước còn ít và chưa chặt chẽ, hiệu ứng lan tỏa về năng suất, kỹ thuật và công nghệ chưa cao. Quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư nước ngoài chưa chặt chẽ, chưa phản ánh đúng thực chất hiệu quả đầu tư.

Hoạt động quản lý nhà nước, xử lý các vi phạm về đất đai, tài nguyên, giao thông, thủy lợi ở một số nơi kết quả chưa cao, chưa triệt để, ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi, có thời điểm gây bức xúc. Lĩnh vực đào tạo nghề chưa đáp ứng tốt yêu cầu CNH, HĐH, thu hút đầu tư. Mặt khác tình hình

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy tại các khu, CCN vẫn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn “Còn tình trạng những nhiễu, tiêu cực gây bức xúc cho doanh nghiệp và người dân; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đạt kết quả chưa cao” [29, tr.53].

Hai là, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng môi trường đầu tư có mặt còn hạn chế, chưa khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương

Phần lớn các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng của doanh nghiệp còn thấp trước những biến đổi bất lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh chưa cao; tiến độ xây dựng hạ tầng các KCN, CCN, khu đô thị còn chậm. Một số dự án trọng điểm không đạt tiến độ, chậm phát huy hiệu quả; hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải công cộng chưa đáp ứng kịp với sự phát triển và gia tăng phương tiện. Hạ tầng thương mại, dịch vụ còn yếu. Chưa xây dựng được những ngành, những sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp phụ trợ phát triển chậm.

Nhiều dự án đầu tư sản xuất còn chậm triển khai, phải điều chỉnh mục tiêu; tỷ lệ đầu tư vào các KCN, CCN còn thấp. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài phát triển khá song sự gắn kết với các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, tác dụng lan tỏa chưa được phát huy. Sự phân bố các dự án đầu tư không đồng đều giữa các địa phương; tập trung nhiều ở các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Mỹ Hào và Yên Mỹ với rất nhiều nhà máy sản xuất ở những địa phương này; trong khi đó các huyện Kim Động, Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ và thành phố Hưng Yên thì lại khá khiêm tốn. Sản xuất công nghiệp tuy phát triển mạnh song chưa thật sự mang tính đột phá. Một số ngành, lĩnh vực còn mang nặng tính chất gia công lắp ráp cho nước ngoài, chưa chủ động được nguồn nguyên liệu, linh kiện và phụ tùng, cũng như thị trường tiêu thụ.

Đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. Sản xuất nông nghiệp quy mô còn nhỏ và phân tán, chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất chưa cao; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và thiết bị công nghệ mới vào sản xuất còn hạn chế, liên kết trong sản xuất giữa nông dân và các doanh

ng nghiệp chưa nhiều, thiếu chặt chẽ, nhất là liên kết 4 nhà; cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn thấp, chưa phát huy hết tiềm năng của tỉnh; việc xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại phát triển thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa chưa được quan tâm đúng mức, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là ở dạng thô, chưa qua chế biến nên giá trị và sức cạnh tranh của hàng hóa, nông sản còn thấp.

Công tác CCHC, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao còn tồn tại, hạn chế. Một số địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai công tác CCHC còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, ý thức thực hiện CCHC và trách nhiệm công vụ còn hạn chế. Các chỉ số phản ánh hiệu quả nền hành chính và MTĐT, kinh doanh như chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của tỉnh tuy có nội dung được cải thiện nhưng vẫn còn thấp cả về thứ hạng và điểm số. Năm 2020 chỉ số PAPI đạt 42.16 điểm thấp hơn so với một số tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng như Hà Nam đạt 43.51 điểm, Hải Dương 42.81 điểm, Hải Phòng 42.29 điểm, Thái Bình 43,37 điểm, Nam Định 43.78 điểm.

Chỉ số PCI tuy có cải thiện song không ổn định và có xu hướng tăng chậm. Năm 2010, chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên xếp thứ 61/63 tỉnh, thành phố thì sau 10 năm vào năm 2020, chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên chỉ tăng 8 bậc, xếp hạng thứ 53/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Xếp hạng PCI còn ở mức khá thấp so với cả nước và các tỉnh trong khu vực. Chỉ số PCI của Hưng Yên cũng thấp hơn so với các tỉnh trong khu vực như: Hải Dương xếp hạng 47, Nam Định xếp hạng 40, Hà Nam xếp hạng 30, Thái Bình xếp hạng 25, Hải Phòng xếp hạng 7 [66]. Trong đó, một số chỉ số giảm điểm so với năm 2015 như: Chỉ số gia nhập thị trường năm 2015 đạt 8.21 điểm, năm 2020 đạt 7.81 điểm; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp năm 2015 đạt 5.18 điểm, năm 2020 đạt 4.82 điểm; đào tạo lao động năm 2015 đạt 6.72 điểm, năm 2020 đạt 6.51 điểm

[66]. Kết quả đạt được còn khá khiêm tốn; chưa tương xứng so với điều kiện, lợi thế, tiềm năng của tỉnh.

Kết quả thu hút đầu tư, thành lập doanh nghiệp, đặc biệt là thu hút các doanh nghiệp FDI của Hưng Yên còn thấp hơn so với một số tỉnh trong khu vực như tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh... Năm 2020, tỉnh Hưng Yên có 12.178 doanh nghiệp đăng ký hoạt động. Tỉnh Hải Dương “Đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 13.936 doanh nghiệp đang hoạt động (nếu tính cả các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp thì có khoảng trên 15.300 doanh nghiệp), đứng thứ 4/11 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng và thứ 13 cả nước” [84]; tỉnh Bắc Ninh là “15.285 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân (chiếm 92,6% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh), với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 183,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 76,5% tổng số vốn điều lệ đăng ký của doanh nghiệp)” [9].

Số lượng các dự án FDI có hiệu lực của tỉnh Hưng Yên cũng thấp hơn so với tỉnh Hải Dương và tỉnh Bắc Ninh. Tỉnh Hưng Yên là 260 dự án. Tỉnh Hải Dương “thu hút được 1.745 dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp. Trong đó có 300 dự án đầu tư nước ngoài, 1.449 dự án đầu tư trong nước” [84]. Tỉnh Bắc Ninh “có 1.638 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đạt 20 tỷ USD, trong đó vốn đăng ký cấp mới là 8,4 tỷ USD” [90].

Hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh còn thiếu đồng bộ và chưa thật sự hiện đại, đặc biệt là hạ tầng đô thị, hạ tầng logistics và giao thông chưa đáp ứng tốt yêu cầu thu hút đầu tư; trong đó có các dự án FDI. Thành phố Hưng Yên chưa đạt đô thị loại II.

Chất lượng giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực còn tồn tại, chưa đáp ứng tốt yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp, đặc biệt là ở địa bàn nông thôn. Việc phát triển, phân bố mạng lưới cơ sở dạy nghề không đồng đều; cơ sở dạy nghề quy mô còn nhỏ và chưa hiện đại, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học nghề. Đào tạo nghề chưa tạo sự gắn kết, hiệu quả giữa

ngiên cứu khoa học với đào tạo và thực tiễn xã hội. Chưa có sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp. Chất lượng lao động tuy đã được nâng lên song còn thiếu và yếu, tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ, đặc biệt là lao động lành nghề, có trình độ kỹ thuật, tay nghề cao trong các KCN, CCN, khu chế xuất, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường xuyên diễn ra. Khu đại học Phố Hiến chưa thành công trong việc thu hút được nhiều trường đại học. Mục tiêu xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực chưa đạt kết quả đề ra. Điều này ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến quá trình xây dựng MTĐT của Hưng Yên.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, xây dựng MTĐT là vấn đề còn khá mới mẻ cả về mặt lý luận và thực tiễn, chịu tác động từ bối cảnh quốc tế, trong nước

Công tác xây dựng MTĐT tại Việt Nam cũng mới chỉ thực sự được mạnh mẽ, định hình từ Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986. Do đó, trong quá trình triển khai, chúng ta cũng gặp phải không ít khó khăn, thử thách; do chưa có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu, tổ chức thực hiện. Vì vậy, chúng ta vừa làm, vừa rút kinh nghiệm trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm từ các nước đi trước.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên thực hiện xây dựng MTĐT trong hoàn cảnh quốc tế, khu vực, trong nước có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó đoán định; những vấn đề thách thức mang tính toàn cầu như mâu thuẫn, xung đột, bất ổn chính trị, chiến tranh, khủng bố, an ninh phi truyền thống, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nghèo đói, dịch bệnh, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, khủng hoảng, suy thoái kinh tế, an ninh lương thực, nguồn nước... Đặc biệt là những tác động sâu rộng của đại dịch Covid - 19 trong năm 2020 đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến quá trình giao lưu, hội nhập kinh tế, thu hút đầu tư của cả nước và Hưng Yên:

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, công tác giới thiệu, quảng bá tiềm năng phát triển và hình ảnh Hưng Yên thông qua việc tổ chức các đoàn ra, đoàn vào, các đoàn ngoại giao, doanh

nghiệp, gặp gỡ các nhà đầu tư nước ngoài và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài đến tìm hiểu môi trường đầu tư, hợp tác kinh doanh tại tỉnh gặp không ít khó khăn [94].

Thứ hai, xuất phát điểm trong công tác xây dựng môi trường đầu tư tại tỉnh Hưng Yên còn thấp

Thời điểm trước năm 2010, hệ thống cơ chế, chính sách về xây dựng MTĐT của tỉnh còn hạn chế, chưa đồng bộ, hiện đại và sát với nhu cầu, đặc điểm, thực tiễn của địa phương, kết quả đầu tư chưa đạt hiệu quả cao, chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của Hưng Yên. Đầu tư xây dựng còn chậm, vẫn còn tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, thiếu đồng bộ, tỷ lệ vốn trên một dự án ít, bố trí nhiều dự án ở cấp huyện, xã. Chất lượng của các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư nước ngoài còn thấp. Sản xuất của một số ngành còn mang nặng tính chất gia công lắp ráp, chưa chủ động được nguồn nguyên liệu, linh kiện và phụ tùng, cũng như thị trường tiêu thụ. Đặc biệt là còn nhiều doanh nghiệp có quy mô sản xuất nhỏ, kỹ thuật lạc hậu, kinh doanh thua lỗ kéo dài. Hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu đồng bộ, hiện đại, chưa đảm bảo yêu cầu CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh. Công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội và doanh nghiệp “Kết quả, tỷ lệ lao động qua đào nghề còn thấp, năm 2010 mới đạt 40%” [108, tr.3].

Thứ ba, một số cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng môi trường đầu tư

Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tỉnh chưa thực sự quan tâm, làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác CCHC, cải thiện, xây dựng MTĐT và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chưa quan tâm tới công tác quy hoạch; xây dựng cơ chế, chính sách về xây dựng MTĐT; chưa quan tâm tới công tác xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực; chưa khai thác và phát huy tốt các nguồn lực của địa phương; nguồn lực dành cho công tác xây dựng MTĐT còn hạn hẹp.

Công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức viên chức và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT đối với sự nghiệp CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của địa phương tại một số cấp uỷ đảng, chính quyền chưa thật sự đạt hiệu quả cao. Công tác tuyên truyền còn mang tính hình thức; phương thức và cách thức truyền thông chưa thật sự hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI.

Một bộ phận cấp uỷ đảng, chính quyền, cán bộ, lãnh đạo tại một số địa phương, sở, ban, ngành các cấp, nhất là cấp huyện và cấp xã chưa thật sự phát huy tinh thần tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong công tác xây dựng MTĐT; còn tâm lý trông chờ, ỷ nại, bị động, phụ thuộc vào cấp trên; né tránh, sợ sai, sợ liên đới trách nhiệm; chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong giải quyết các sự vụ, sự việc phức tạp về quản lý tài nguyên, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tại địa phương.

Thứ tư, công tác cải cách hành chính, nguồn lực giành cho xây dựng môi trường đầu tư còn hạn chế

Công tác CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC còn chậm đổi mới, chưa thật sự mang tính đột phá; thời gian giải quyết các TTHC còn dài, gây lãng phí thời gian, công sức, chi phí tài chính cho người dân và doanh nghiệp; năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức hành chính còn hạn chế chưa đáp ứng tốt yêu cầu công vụ của nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Một số cán bộ, công chức, viên chức còn biểu hiện những nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động CCHC còn chậm, hiệu quả chưa cao. Nguồn lực cho

công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chưa được đầu tư chính đáng.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH HUNG YÊN LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

4.2.1. Thống nhất nhận thức, hoạch định chủ trương xây dựng môi trường đầu tư phù hợp với thực tiễn địa phương

Thực tiễn cho thấy, việc thống nhất nhận thức, hoạch định chủ trương xây dựng MTĐT phù hợp với thực tiễn, khai thác tối đa lợi thế của địa phương; làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, nhân dân trong toàn tỉnh về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định công tác thu hút, tạo dựng MTĐT là một trong ba khâu đột phá có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình CNH, HĐH, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tạo nền tảng cơ bản để Hưng Yên sớm trở thành tỉnh công nghiệp:

1. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, hiện đại; 2. Huy động các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, nhất là xây dựng giao thông; 3. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, thực hiện công tác đào tạo, đánh giá, sử dụng cán bộ thông qua việc đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp và luân chuyển các ngành trong cùng cấp [33, tr.116].

Kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trong quá trình lãnh đạo xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020 cho thấy; nếu ở đâu và khi nào các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trong tỉnh quán triệt, thực hiện nghiêm túc công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và quần chúng

nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT thì ở đó MTĐT được cải thiện và có sự chuyển biến tích cực, thu hút số lượng lớn các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Ngược lại, khi nào và ở đâu các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương có thái độ thờ ơ, không quan tâm đến công tác xây dựng MTĐT thì ở đó MTĐT gặp tình trạng khó khăn, trì trệ. Do đó, thực hiện tốt công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT có ý nghĩa quyết định đến sự thành công trong thu hút đầu tư.

Các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương trong tỉnh nghiên cứu, quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo hệ thống quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng MTĐT phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương; tránh tình trạng vận dụng một cách rập khuôn, máy móc, chạy theo hình thức mà không chú trọng đến thực chất nội dung, điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương.

Kết hợp nhiều phương pháp truyền thông, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT. Truyền thông, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh, đài truyền hình, các nền tảng mạng xã hội, ứng dụng CNTT trong công tác truyền thông. Thực hiện có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động cho cán bộ, công chức, viên chức về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT đối với quá trình CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế - xã hội; không ngừng nỗ lực, cố gắng học tập, rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong làm việc, công tác; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tự học, tự bồi dưỡng kiến thức, đặc biệt là tin học và ngoại ngữ; có thái độ hoà nhã, cởi mở, thân thiện, nhiệt tình, tích cực, chủ động trong hoạt động công vụ; loại bỏ tâm lý hành chính, những nhieu, hách dịch, cửa quyền, quan liêu, gây khó khăn trong giải quyết các thủ tục hành chính; thay vào đó phải tạo được tâm lý thoải mái, thân thiện,

tích cực, hợp tác, phục vụ, tận tâm, trách nhiệm, nhiệt tình, công khai, minh bạch, tiết kiệm được thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Căn cứ vào điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nghiên cứu, ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên trong tình hình mới, thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong đó, Nghị quyết cần xác định rõ quan điểm, phương hướng, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhằm tạo dựng MTĐT thông thoáng, cởi mở, thân thiện, hiện đại, hội nhập và phát triển. Đồng thời, cần làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tinh thần của Nghị quyết tới các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong toàn Đảng bộ, để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh nhận thức đúng đắn và triển khai thực hiện hiệu quả. Đảng bộ chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành, các huyện, thành phố cụ thể hoá quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh thành các kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể về xây dựng MTĐT phù hợp với điều kiện, đặc điểm thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị nhằm đạt kết quả cao nhất.

4.2.2. Nhất quán trong chỉ đạo xây dựng quy hoạch và hoàn thiện cơ chế, chính sách

Trong giai đoạn 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã làm tốt công tác nghiên cứu quy hoạch xây dựng MTĐT gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các quy hoạch ngành, sử dụng đất, xây dựng, nông thôn mới; các chương trình, dự án trong các lĩnh vực có liên quan, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tạo điều kiện để cho doanh nghiệp, doanh nhân tiếp cận bình đẳng, đầu tư, thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo định hướng, quy hoạch.

Cấp ủy, chính quyền tạo sự đồng thuận, nhất quán trong chỉ đạo xây dựng quy hoạch và đồng bộ cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư. Quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khoa học, văn minh, hiện đại, hội nhập; tạo dựng MTĐT kinh doanh thông thoáng, cởi mở,

thân thiện, văn minh, hiện đại; thuận tiện, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững, ổn định, hài hoà về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương; bảo vệ môi trường; hiệu quả kinh tế, tạo sinh kế, việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; nâng cao đời sống cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tránh tình trạng quy hoạch tràn lan, dàn trải, bất hợp lý, không đồng bộ, lập quy hoạch treo, quy hoạch ma gây lãng phí, tốn kém cho ngân sách Nhà nước, người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Kinh nghiệm thực tiễn tại Hưng Yên cho thấy; trong công tác quy hoạch, thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng nếu không có sự thỏa thuận thỏa đáng, đồng thuận, thống nhất cao giữa cấp uỷ đảng, chính quyền, người dân địa phương và cộng đồng doanh nghiệp thì rất dễ xảy ra bất đồng, mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột, dẫn đến khiếu nại, tụ tập, tập trung đông người biểu tình, chống đối phức tạp, gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn; thậm chí có trường hợp còn vi phạm pháp luật hình sự như sự việc xảy ra tại dự án Ecopark huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên năm 2012-2013 là bài học kinh nghiệm sâu sắc được rút ra từ trong quá trình quy hoạch, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình, dự án phát triển các KCN, khu đô thị.

Cùng với đó, cần nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách về xây dựng MTĐT tạo sự hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư; tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tăng cường sự phối hợp trong công tác cải thiện, thu hút đầu tư. Lựa chọn, ưu tiên thu hút dự án đầu tư thuộc lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, an toàn, thân thiện với môi trường, phát triển bền vững, phát huy được lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế...Kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai vi phạm tiến độ đầu tư, tiến độ sử dụng đất; tạo MTĐT lành mạnh, công bằng, bình đẳng. Kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư và doanh

nghiệp trên địa bàn; đồng thời biểu dương, khen thưởng các nhà đầu tư, doanh nghiệp có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xây dựng MTĐT theo hướng thông thoáng, minh bạch, bình đẳng. Tăng cường thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lựa, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, chuyển giao kỹ thuật và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên thu hút các dự án có trình độ công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Cần làm tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của sản phẩm trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tăng cường thu hút các dự án có quy mô lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các Tập đoàn xuyên quốc gia. Thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư, đổi mới theo hướng đa dạng hóa các phương thức xúc tiến, có cơ chế hỗ trợ, kiến tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân phát huy mọi tiềm năng phát triển nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết. Đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tổ chức kết nối thị trường trong và ngoài tỉnh.

Phát triển các loại thị trường, nhất là thị trường tư liệu sản xuất. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm các thị trường vận hành thông suốt, bình đẳng, phù hợp cung cầu và quy định của pháp luật. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại. Tích cực phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ chất lượng cao, du lịch. Thực hiện đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu. Mở rộng thị trường, khai thác tốt những thị trường hiện có và những thị trường tiềm năng để xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng và giá trị kim ngạch cao.

Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp để nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp kịp thời, nhanh chóng, chính xác. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ các hộ kinh doanh liên kết hình thành các tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, dần tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Có chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư, cắt giảm chi phí không cần thiết; nhất là với các doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV. Thực hiện rà soát, cắt giảm các chi phí bất hợp lý trong tuân thủ quy định pháp luật về kinh doanh, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, tạo MTĐT thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp phát triển; ưu tiên các dự án công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, công nghiệp gia công, chế biến, chế tạo thân thiện với môi trường, công nghiệp sạch, công nghiệp phụ trợ có tỷ trọng giá trị nội địa và giá trị gia tăng cao, hiệu quả kinh tế - xã hội, có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và phân phối toàn cầu. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động phát triển các KCN, CCN; đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, kết nối giao thông và hệ thống điện, nước, xử lý nước thải, chất thải. Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là các ngành nghề, làng nghề truyền thống tại khu vực nông thôn.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại và phát triển bền vững quy hoạch theo Nghị quyết số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị

định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 Về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tích cực thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ chất lượng cao. Có cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, công tác phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trong các khu vực dân cư, đặc biệt là ở các khu đô thị, KCN, CCN, khu chế xuất. Giải quyết dứt điểm và xử lý nghiêm tình trạng vi phạm về bảo vệ môi trường, quản lý đất đai, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn và các hành vi vi phạm pháp luật nhằm tạo môi trường an toàn, ổn định, công bằng, bình đẳng, thượng tôn pháp luật tạo tâm lý yên tâm cho các doanh nghiệp tin tưởng, tiếp tục đầu tư, mở rộng, sản xuất kinh doanh tại Hưng Yên.

4.2.3. Coi trọng công tác cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực

Chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước; đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác CCHC, tạo MTĐT và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành và các địa phương cụ thể hóa nhiệm vụ CCHC theo yêu cầu thực tế của từng cơ quan, địa phương, đơn vị. Đẩy mạnh CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và dịch vụ công; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành công vụ; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp.

Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ; tăng cường thanh tra, kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, khách quan kết quả thực hiện CCHC; kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế; định kỳ báo cáo theo quy định. Báo Hưng Yên, Đài Phát thanh

và Truyền hình tỉnh, đài truyền thanh các huyện, thành phố xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC, tạo MTĐT và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tuyên truyền sâu rộng các nội dung Đề án, kế hoạch về CCHC, cải thiện MTĐT của các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các cấp.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực; kịp thời rà soát, sửa đổi, thay thế các văn quy phạm pháp luật theo thực tế; đảm bảo công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và giải quyết trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị; tạo dựng MTĐT, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, an toàn và thân thiện, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội cho phát triển.

Tăng cường thực hiện cải cách TTHC trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các TTHC liên thông giữa các ngành, các cấp; tiếp tục củng cố và thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đổi mới phương thức tổ chức hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt và đối thoại công khai với cộng đồng doanh nghiệp theo hướng thực chất và có hiệu quả hơn.

Rà soát, giảm thiểu giấy tờ và rút ngắn thời gian thực hiện TTHC trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đầu tư kinh doanh, đất đai, môi trường, xây dựng, giao thông, tài chính, thuế, hải quan, điện, phòng cháy chữa cháy, lao động...Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp; thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; thời gian tiếp cận điện năng; thời gian tiếp cận đất đai, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thời gian cấp giấy phép lao động...

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo cơ cấu vị trí việc làm. Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế gắn với sắp xếp các cơ quan, tổ chức bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu

trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công, nâng cao chất lượng, bảo đảm sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ năng lực và kỹ năng hành chính. Đổi mới nội dung, chương trình, tạo sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức, đồng thời thực hiện đổi mới phương thức tuyển chọn, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo các Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên.

Hiện đại hóa nền hành chính, gắn với đào tạo, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, truyền thông trong từng cơ quan, giữa các cơ quan với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước, trong việc chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương. Hàng năm, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, đúng quy định, lấy kết quả CCHC hàng năm làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Đưa CCHC thành một trong các tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân trong cơ quan, đơn vị. Như vậy, sẽ phát huy được tinh thần tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với công tác xây dựng môi trường đầu tư của tỉnh. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trong tỉnh cần quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 217/NQ-HĐND tỉnh Hưng Yên đã xác định: “Giáo dục - Đào tạo phải đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển Giáo dục và Đào tạo cân đối về quy mô, loại hình, tăng cường chất lượng, hiệu quả, tiếp cận tiến bộ và bền vững.” [55, tr.4-5]. Đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hoá, quốc tế hoá, hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng, sự phát triển của cách mạng khoa học, công nghệ thì việc coi trọng giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, có tay nghề, kỹ thuật là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp, góp phần đưa Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực đồng bằng sông Hồng và của cả nước.

Thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đã đạt được những kết quả hết sức tích cực góp phần vào việc tạo dựng, cải thiện MTĐT, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Song mục tiêu xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVII (năm 2010) chưa đạt được mục tiêu đề ra: “Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu Đại học Phố Hiến sớm đi vào hoạt động. Tạo chuyển biến mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo, dạy nghề theo hướng tiếp cận với công nghệ hiện đại và đào tạo nghề phổ thông.” [32, tr.106-107]. Nhận định về hạn chế này, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX (năm 2020) đã chỉ rõ:

“Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển; thu hút trường đại học về Khu Đại học Phố Hiến rất khó khăn. Khoa học - công nghệ chưa thực sự phát huy vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội” [32, tr.15].

Do đó, kinh nghiệm đặt ra là cần phải phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chiến lược phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của địa phương. Đây vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ đột phá không chỉ cho giai đoạn trước mắt, mà cả lâu dài của tỉnh. Đó là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả. Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các chủ thể tham gia vào phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn toàn tỉnh. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, công cụ khuyến khích, thúc đẩy phát triển nhân lực.

Gắn phát triển nhân lực với phát triển con người, xã hội, môi trường, hướng tới xây dựng Hưng Yên giàu mạnh và văn minh. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài và xã hội hóa giáo dục, đào tạo, phát huy hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề. Quy hoạch, đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề phục vụ nhu cầu phát triển nhân lực trên địa bàn tỉnh và vùng, trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên. Tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao về làm việc tại địa phương.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo tinh thần Nghị quyết số 09-

NQ/TU ngày 04/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên Về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến năm 2025. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp và tạo điều kiện chuyển đổi ngành, nghề của người lao động. Hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các DNNVV; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4.2.4. Huy động các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong toàn tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng kết cấu hạ tầng đối với công tác xây dựng MTĐT, đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội. Dành nhiều nguồn lực cho công tác xây dựng kết cấu hạ tầng. Huy động các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Tiếp tục huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, triển khai nhanh các dự án sử dụng vốn ODA, trái phiếu Chính phủ và các dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh; tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và nước ngoài, nhất là lĩnh vực liên quan đến hạ tầng đô thị, hạ tầng nông thôn, hạ tầng giao thông, thủy lợi, đối phó với biến đổi khí hậu.

Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, thu hút đầu tư, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện công tác quy hoạch phát triển đô thị gắn với quy hoạch phát triển giao thông. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thiết thực đẩy mạnh xã hội hóa phát triển đô thị và dịch vụ đô thị. Tập trung, huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao

cấp tỉnh và cấp huyện; đặc biệt là hạ tầng giao thông tại các vị trí thuận lợi cho thông thương, trao đổi hàng hóa. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư, xây dựng hạ tầng các KCN, CCN làm cơ sở cho việc tiếp nhận dự án đầu tư.

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính kết nối, thông suốt, hiệu quả giữa các cơ sở hạ tầng. Trong đó, đầu tư các dự án trọng điểm cần hoàn thành sớm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao trong cơ cấu ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh, gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu, thương mại nội địa. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics. Hoàn thiện hạ tầng logistics. Phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, toàn diện, bảo đảm được sự liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, gắn kết giữa các địa phương, đặc biệt với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đối với những tuyến đường giao thông có quy mô lớn cần nghiên cứu các giải pháp thu hút vốn đầu tư thông qua các hình thức đối tác công tư (PPP), hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTC), đổi đất lấy cơ sở hạ tầng...theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng 2030.

Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị bảo đảm đồng bộ, hiện đại. Tăng cường quản lý, thực hiện có hiệu quả quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu đô thị, du lịch tại các huyện: Văn Giang, Văn Lâm, Phố Nối, khu đại học Phố Hiến.

Đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực nông thôn. Trong đó, cần tập trung đẩy mạnh xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng như điện, đường, trường, trạm, nhà văn

hoá, bưu điện, hệ thống chợ, siêu thị, công trình nước sạch, công trình xử lý rác thải; củng cố, phát triển thủy lợi nội đồng, đường giao thông nông thôn, các công trình đê điều, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh...

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên hết sức quan tâm tới công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhất là giao thông nhằm kết nối mạng lưới giao thông của tỉnh với hệ thống giao thông quốc gia là một trong những khâu đột phá phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

Tỉnh Hưng Yên đã tập trung đầu tư xây dựng phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, đưa vào hoạt động các tuyến đường quan trọng của tỉnh để kết nối hệ thống đường trong tỉnh Hưng Yên với các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, các đường vành đai của Thủ Đô, các đô thị lớn, cảng biển, sân bay ở khu vực miền bắc, như: tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, cầu Hưng Hà, cầu La Tiến; đường tỉnh lộ 200, đường đê tả sông Hồng, đường đê tả sông Luộc...[48].

Hệ thống giao thông của tỉnh được đầu tư xây dựng đã tạo điều kiện thuận lợi kết nối Hưng Yên với các địa phương trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và cả nước, thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiểu kết chương 4

Trong giai đoạn 2010-2020, trước bối cảnh quốc tế, khu vực, trong nước tiếp tục có những diễn biến, nhanh chóng, phức tạp; bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng tồn tại không ít khó khăn, thách thức đan xen. Song được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên; sự nỗ lực, cố gắng, đoàn kết, nhất trí của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh; bức tranh MTĐT của tỉnh Hưng Yên ngày một định hình rõ nét, chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả tích cực.

MTĐT của tỉnh Hưng Yên được định hình và phát triển theo hướng công khai, minh bạch, văn minh, hiện đại, hội nhập, phát triển, thân thiện, cởi mở, nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Kết quả là số lượng dự án, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh Hưng Yên ngày một tăng cả về số lượng, quy mô, chất lượng, góp phần thúc đẩy quá trình CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập; cải thiện cuộc sống cho nhân dân. Những kết quả đạt được là sự tổng hoà của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên có ý nghĩa quyết định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020 cũng bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định. Những tồn tại, hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Những bài học kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT giai đoạn 2010-2020 có ý nghĩa lý luận và thực tiễn giúp Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tiếp tục lãnh đạo, xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên đạt kết quả tốt hơn trong thời gian tới, hướng tới xây dựng quê hương Hưng Yên ngày một phát triển thịnh vượng, giàu đẹp, văn minh và hiện đại.

KẾT LUẬN

Xây dựng MTĐT có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với quá trình thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy quá trình CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của các quốc gia, khu vực và các địa phương được đầu tư; đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hoá, quốc tế hoá, sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ diễn ra ngày một nhanh chóng, toàn diện như hiện nay. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với các quốc gia, chính phủ và các địa phương là phải tận dụng thời cơ, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, xây dựng MTĐT thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, hiện đại, hấp dẫn, tạo môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; thu hút nguồn vốn đầu tư lớn; đặc biệt là nguồn vốn FDI.

Hung Yên là tỉnh có lợi thế trong xây dựng MTĐT, phát triển kinh tế - xã hội; nằm ở trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tiếp giáp thủ đô Hà Nội - Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của đất nước; Hung Yên nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; trên 2 tuyến hành lang kinh tế quan trọng kết nối giữa Việt Nam và Trung Quốc là hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Hung Yên là tỉnh có lịch sử văn hoá truyền thống lâu đời; nhiều di tích lịch sử văn hoá truyền thống, tiêu biểu là khu di tích Phố Hiến, tạo lợi thế trong phát triển kinh tế du lịch; Hung Yên là tỉnh đồng bằng, địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào thuận lợi cho phát triển hạ tầng giao thông; sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ; Hung Yên có dân số đông, lực lượng lao động trẻ; cơ sở hạ tầng được đầu tư quan tâm phát triển... Đây là những lợi thế quan trọng cho Hung Yên xây dựng MTĐT.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác xây dựng MTĐT đối với sự nghiệp CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn 2010-2020, trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về MTĐT; Đảng bộ tỉnh Hưng

Yên đã quán triệt, vận dụng phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương; Đảng bộ đã quan tâm, làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng MTĐT.

Trong giai đoạn 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên xác định xây dựng MTĐT, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư là nhiệm vụ quan trọng. Đến giai đoạn 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng MTĐT, Đảng bộ xác định cải thiện, xây dựng MTĐT, thu hút đầu tư là một trong ba khâu đột phá quan trọng nhằm tạo MTĐT thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, hiện đại góp phần thu hút đầu tư, đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo nền tảng cơ bản để Hưng Yên sớm trở thành tỉnh công nghiệp.

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành, các huyện, thành phố trong toàn tỉnh tập trung phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực, cố gắng, vượt qua khó khăn, thách thức, xây dựng hiệu quả MTĐT; Đảng bộ chỉ đạo tập trung xây dựng MTĐT trên các nội dung trọng tâm: Hoàn thiện hệ thống chính sách cho hoạt động đầu tư; CCHC, tạo môi trường bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư; xây dựng kết cấu hạ tầng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh, công tác xây dựng MTĐT của tỉnh Hưng Yên đã có những chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng. MTĐT của tỉnh cơ bản được tạo dựng theo hướng thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, hiện đại, văn minh. Hệ thống cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư ngày một hoàn thiện. Công tác CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC có nhiều chuyển biến tích cực, tạo môi trường bình đẳng, công khai, minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư của người dân và doanh nghiệp. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động CCHC được triển khai bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế được quan tâm đầu tư xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, đặc

biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, logistics tương đối phát triển, tạo thuận lợi cho hoạt động giao thương, thu hút đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Công tác phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm bước đầu đáp ứng yêu cầu cơ bản của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp.

Nhờ thực hiện quyết liệt, đồng bộ, công tác xây dựng MTĐT tại tỉnh Hưng Yên đã đạt được những kết quả tích cực. Chỉ số Papi, chỉ số PCI có sự cải thiện, Hưng Yên trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Từ một tỉnh thuần nông, Hưng Yên từng bước thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, kết nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là với Quảng Ninh, Hải Phòng và khu vực phía Nam của Trung Quốc. Hưng Yên là một trong số ít các địa phương trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ và cả nước thu hút đầu tư hiệu quả, trong đó có thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đạt kết quả cao, góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng MTĐT tại Hưng Yên cũng bộc lộ những hạn chế: *Một là*, việc chỉ đạo ban hành các văn bản triển khai xây dựng MTĐT của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên còn hạn chế. *Hai là*, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng MTĐT có mặt còn hạn chế, chưa khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Một số kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng MTĐT: Thứ nhất, thống nhất nhận thức, hoạch định chủ trương xây dựng MTĐT phù hợp với thực tiễn địa phương. Thứ hai, nhất quán trong chỉ đạo xây dựng quy hoạch và hoàn thiện cơ chế, chính sách. Thứ ba, coi trọng công tác CCHC và phát triển nguồn nhân lực. Thứ tư, huy động các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng.

Những kết quả đạt được, cùng với những kinh nghiệm đúc rút trong xây dựng MTĐT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2020 là cơ sở, tiền đề, động lực quan trọng để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hưng Yên tiếp tục phát huy truyền thống, lợi thế, thế mạnh của địa phương, làm tốt công tác xây dựng MTĐT, đưa Hưng Yên trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đinh Văn Luân (2024), “Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng môi trường đầu tư (2015-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (6) (6/2024), tr.95-101.
2. Đinh Văn Luân (2024), “Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo cải cách hành chính (2011-2015)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (11) (11/2024), tr.108-113.
3. Đinh Văn Luân (2025), “Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng kết cấu hạ tầng (2015-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (09) (09/2025), tr.107-112.
4. Đinh Văn Luân (2026), “Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/dang-bo-tinh-hung-yen-lanh-dao-nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-11452.html?gidzl=eCtWV18MZ0ocqULu5G6D0wVVuNaCKuXViTorBL5MYGgsZxHz2WUA1x-BwtSDL8G0x8Mu9sE5wLX351oE20>, [truy cập ngày 22/1/2026].

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Xuân Bá (2006), *Tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2009), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên Tập III (1975-2005)*, NXB Chính trị Hành chính, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2020), *Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên 1941-2015*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2021), *Lịch sử tỉnh Hưng Yên Tập 2 (1945-2015)*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2019), *Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị Về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-50-nqtw-ngay-2082019-cua-bo-chinh-tri-ve-dinh-huong-hoan-thien-the-che-chinh-sach-nang-cao-chat-luong-hieu-qua-5629>, [truy cập ngày 15/12/2025].
6. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên (2020), *Tổng hợp các dự án đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp tỉnh đến hết năm 2020*, tại trang <https://banqlkc.hungyen.gov.vn/tong-hop-cac-du-an-dau-tu-nuoc-ngoai-trong-cac-khu-cong-nghiep-tinh-den-het-nam-2020-c2456.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
7. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên (2020), *Tổng hợp thông tin về các dự án đầu tư thứ cấp theo khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh hết năm 2020*, tại trang <https://banqlkc.hungyen.gov.vn/tong-hop-thong-tin-ve-cac-du-an-dau-tu-thu-cap-theo-khu-cong-nghiep-tren-dia-ban-tinh-het-nam-2020-c2455.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].

8. Ban Tuyên giáo tỉnh Hưng Yên (2016), *Thành tựu năm 2015 tạo tiền đề để Hưng Yên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016*, tại trang <https://tuyengiao.hungyen.dcs.vn/thanh-tuu-nam-2015-tao-tien-de-de-hung-yen-thuc-hien-thang-loi-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-nam-2016-c22529.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
9. Báo Nhân dân (2020), *Bắc Ninh có gần 15.300 doanh nghiệp tư nhân*, tại trang <https://nhandan.vn/bac-ninh-co-gan-15300-doanh-nghiep-tu-nhan-post580682.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
10. Bộ Công thương (2021), *Môi trường đầu tư của Vương quốc Ma -Rốc và Cộng hoà Bờ Biển Ngà*, NXB Công thương, Hà Nội.
11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2003), *Kỹ năng xúc tiến đầu tư*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
12. An Chi (2020), *Hưng Yên bước tiến mới trong thu hút đầu tư*, tại trang <https://diendandoanhnghiep.vn>, [truy cập ngày 15/12/2025].
13. Chi Cục Thống kê tỉnh Nam Định (2021), *Thông tin tổng quát về Nam Định tính đến năm 2020*, tại trang <https://namdinh.gov.vn/portal/Pages/2021-10-12/Thong-tin-tong-quat-ve-Nam-Dinh-tinh-den-nam-2020pqt366.aspx>, [truy cập ngày 15/12/2025].
14. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=152523>, [truy cập ngày 15/12/2025].
15. Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 03 năm 2014 Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=172833>, [truy cập ngày 15/12/2025].
16. Kim Quang Chiêu (2019), *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Nguyễn Tiến Cui (2008), *Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế - thực trạng, kinh nghiệm và khả năng vận dụng vào Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
18. Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên (2020), *Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên tháng mười hai và cả năm 2019*, tại trang <https://hungyen.gov.vn/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-tinh-hung-yen-thang-muoi-hai-va-ca-nam-2019-c28020.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
19. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2011), *Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2010*, NXB Thống kê, Hà Nội.
20. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2011), *Kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên sau 15 năm tái lập tỉnh 1997-2011*, NXB Thống kê, Hà Nội.
21. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2015*, NXB Thống kê, Hà Nội.
22. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2017), *Thực trạng Kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên sau 20 năm tái lập tỉnh 1997-2016*, NXB Thống kê, Hà Nội.
23. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống kê, Hà Nội.
24. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2019 so với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước và khu vực đồng bằng sông Hồng*, NXB Thống kê, Hà Nội.
25. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2021), *Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2020*, NXB Thống kê, Hà Nội.
26. Nguyễn Mạnh Cường (2019), *Ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới quyết định đầu tư của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
27. Quách Ngọc Dũng (2021), *Hưng Yên phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp và nông nghiệp hiệu quả cao*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/03/11/hung-yen-phan-dau-tro-thanh-tinh-cong-nghiep-va-nong-nghiep-hieu-qua-cao/>, [truy cập ngày 15/12/2025].

28. Nguyễn Trung Dũng (2023), “Cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi của thành phố Hải Phòng giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (2), tr.149-152.
29. Nguyễn Trung Dũng (2023), “Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần cải thiện môi trường đầu tư ở thành phố Hải Phòng”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (3), tr.135-139.
30. Nguyễn Trung Dũng (2023), “Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo xây dựng, cải thiện môi trường đầu tư 2005-2015”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (9), tr.107-111.
31. Nguyễn Trung Dũng (2024), *Đảng bộ thành phố Hải Phòng lãnh đạo xây dựng môi trường đầu tư từ năm 2005 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
32. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*.
33. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII*.
34. Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 51*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
44. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội
45. Hoàng Minh Đức (2018), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
46. Nguyễn Bích Đạt (2000), *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Đề tài cấp Nhà nước KX.01.05, Hà Nội.
47. Phạm Thị Thu Hà (2018), “Mối liên hệ giữa hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế”, *Tạp chí Công Thương*, (4), tr.40-47.
48. Phạm Hà (2020), *Hưng Yên tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thúc đẩy kinh tế và phát triển bền vững*, tại trang <https://nhandan.vn/hung-yen-tao-moi-truong-dau-tu-thuan-loi-thuc-day-kinh-te-va-phat-trien-ben-vung-post458700.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
49. Nguyễn Thị Thu Hương (2019), “Thực trạng và các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Hàng hải*, (60), tr.86-91.
50. Nguyễn Thị Mai Hương (2020), “Cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương*, (22), tại trang <https://tapchicongthuong.vn/cai-thien-moi-truong-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-77664.htm>, [truy cập ngày 15/12/2025].

51. Nguyễn Lê Hương (2024), *Thế chế thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh ở tỉnh Hưng Yên*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
52. Nguyễn Văn Hưởng (2022), “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào tỉnh Hưng Yên của các nhà đầu tư trong và ngoài nước”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (6), tr.53-65.
53. Đỗ Hải Hồ (2011), *Cải thiện môi trường đầu tư ở các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
54. Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (2010), *Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 Về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020*, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.
55. Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 81/2016/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2016 Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020*, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.
56. Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (2020), *Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 Về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.
57. Phạm Đức Kiên, Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2015), *Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
58. Vũ Thị La (2019), *Quản lý phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
59. Trần Quang Lâm, (2006), *Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

60. Phan Thị Lệ và cộng sự (2021), *Phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình: Thực trạng và giải pháp*, tại trang <https://tapchicongthuong.vn/phan-trien-doanh-nghiep-tren-dia-ban-tinh-thai-binh--thuc-trang-va-giai-phap-77774.htm>, [truy cập ngày 15/12/2025].
61. Vũ Thuỳ Linh (2020), *Hưng Yên phấn đấu thành tỉnh công nghiệp hiện đại, sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, [truy cập ngày 15/12/2025].
62. Nguyễn Thị Ái Liên (2011), *Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
63. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI tỉnh Hưng Yên 2010-2015*, tại trang <https://pcivietnam.vn/bang-xep-hang>, [truy cập ngày 15/12/2025].
64. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2015), *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2015*, tại trang https://pcivietnam.vn/bang-xep-hang?region_id=0&cpi_cat_id=PCI_Score&year=2015, [truy cập ngày 15/12/2025].
65. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016), *Hưng Yên kiến tạo môi trường kinh doanh cởi mở*, tại trang <https://vccinews.vn/news/16288/hung-yen-kien-tao-moi-truong-kinh-doanh-coi-mo.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
66. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2020), *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2020*, tại trang https://pcivietnam.vn/bang-xep-hang?region_id=0&cpi_cat_id=PCI_Score&year=2020, [truy cập ngày 15/12/2025].
67. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2024), *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI tỉnh Hưng Yên năm 2024*, tại trang <https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/hung-yen>, [truy cập ngày 15/12/2025].

68. Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2024), *Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh tại Việt Nam*, tại trang <https://papi.org.vn>, [truy cập ngày 15/12/2025].
69. Võ Đại Lược (1995), *Đổi mới kinh tế Việt Nam và chính sách kinh tế đối ngoại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
70. Trần Văn Nam (2000), *Hoàn thiện công cụ quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
71. Hồ Sỹ Ngọc (2015), *Cải thiện môi trường đầu tư trong điều kiện hội nhập, nghiên cứu điển hình tại tỉnh Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
72. Nguyễn Bạch Nguyệt, Nguyễn Mạnh Cường (2018), “Đánh giá môi trường đầu tư tại Việt Nam giai đoạn 2012-2017 và một số khuyến nghị chính sách”, *Tạp chí Công Thương*, (1), tr.122-131.
73. Phạm Thị Tuyết Nhung (2013), *Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến nền kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 1998-2010*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Thái Nguyên.
74. Lê Thế Phiệt (2012), *Nghiên cứu phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Đắk Lắk*, Luận án Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Đà Nẵng.
75. Hữu Phước (2020), *Năm 2020 có 8 dự án FDI được cấp chứng nhận đầu tư*, tại trang <https://www.thaibinhhtv.vn/news/0/59074/nam-2020-co-8-du-an-fdi-duoc-cap-chung-nhan-dau-tu>, [truy cập ngày 15/12/2025].
76. Quốc hội (1994), *Luật số 35-L/CTN, ngày 22 tháng 6 năm 1994 về khuyến khích đầu tư trong nước*, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Khuyen-khich-dau-tu-trong-nuoc-1994-35-L-CTN-38704.aspx>, [truy cập ngày 15/12/2025].

77. Quốc hội (2005), *Luật số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật Đầu tư*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=29555>, [truy cập ngày 15/12/2025].
78. Quốc hội (2014), *Luật số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật Đầu tư*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=178136>, [truy cập ngày 15/12/2025].
79. Quốc hội (2014); *Luật số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật doanh nghiệp*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=178115>, [truy cập ngày 15/12/2025].
80. Quốc hội (2017), *Luật số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=190283>, [truy cập ngày 15/12/2025].
81. Quốc hội (2020), *Luật số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Đầu tư*, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200449>, [truy cập ngày 15/12/2025].
82. Nguyễn Đình Quyết (2020), *Hà Nội cải thiện môi trường đầu tư tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển*, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn>, [truy cập ngày 15/12/2025].
83. Sở Công thương tỉnh Hưng Yên (2015), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015, giai đoạn 2011-2015 và xây dựng Kế hoạch năm 2016, giai đoạn 2016-2020*, Văn phòng Sở Công thương.
84. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (2021), *Hải Dương quyết đột phá, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh*, tại trang <https://baodautu.vn/hai-duong-quyet-dot-pha-cai-thien-moi-truong-dau-tu-kinh-doanh-d135965.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
85. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2011), *Báo cáo tóm tắt quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015*, Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.

86. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2016), *Báo cáo số 2047/BC-SKHĐT ngày 15 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả công tác năm 2016*, Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.
87. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2017), *Báo cáo số 2928/BC-SKHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả công tác năm 2017*, Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.
88. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2018), *Báo cáo số 117/BC-SKHĐT ngày 22 tháng 6 năm 2018, Về việc sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Đề án Cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.
89. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2018), *Báo cáo số 2701/BC-SKHĐT ngày 14 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả công tác năm 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019*, Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư.
90. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh (2021), *Thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (Phần 1)*, tại trang <https://vienktxh.bacninh.gov.vn/web/so-ke-hoach-dau-tu/news/-/details/57283/thuc-trang-hoat-ong-xuc-tien-au-tu-tren-ia-ban-tinh-bac-ninh-phan-1->, [truy cập ngày 15/12/2025].
91. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên (2019), *Báo cáo số 142/BC-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2019, Kết quả xử lý các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang bảo vệ giao thông, thủy lợi và hoạt động bến bãi, khai thác cát trái phép đến ngày 31/12/2018*, Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường.
92. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên (2020), *Báo cáo số 4577/BC-STNMT ngày 9 tháng 10 năm 2020, Kết quả kiểm tra, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường.

93. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Quốc Việt (2013), *Môi trường đầu tư hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
94. Mai Thanh (2021), *Hưng Yên: nhiều hoạt động quảng bá hình ảnh ra thế giới*, tại trang <https://tuyengiao.hungyen.dcs.vn/hung-yen-nhieu-hoat-dong-quang-ba-hinh-anh-ra-the-gioi-c214240.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].
95. Phan Nhật Thanh (2011), *Nghiên cứu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hải Dương*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
96. Phạm Mạnh Thắng (2018), *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ năm 1996 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
97. Việt Thắng (2021), *Đế Nam Định trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030 (kỳ 2)*, tại trang <https://baonamdinh.vn/channel/5085/202101/dua-nghi-quyet-dai-hoi-dang-vao-cuoc-song-de-nam-dinh-tro-thanh-tinh-phat-trien-kha-cua-ca-nuoc-vao-nam-2030-ky-2-2542256/>, [truy cập ngày 15/12/2025].
98. Nguyễn Đình Thọ (2005), *Điều tra, đánh giá môi trường đầu tư tỉnh Tiền Giang và đề xuất giải pháp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển*, Đề tài nghiên cứu khoa học tỉnh Tiền Giang.
99. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 2111/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 11 năm 2011, Phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020*, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-2111-QD-TTg-phe-duyet-Quy-hoach-tong-the-phat-trien-kinh-te-132357.aspx>, [truy cập ngày 15/12/2025].
100. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2014 Ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt*

động xúc tiến đầu tư, tại trang <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=171877>, [truy cập ngày 15/12/2025].

101. Tỉnh ủy Hưng Yên (1998), *Nghị quyết số 03-NQ/TU về Đẩy mạnh nhiệm vụ hợp tác đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong thời gian tới*, Văn phòng Tỉnh ủy.
102. Tỉnh ủy Hưng Yên (2001), *Nghị quyết số 09-NQ/TU về Tiếp tục đẩy mạnh nhiệm vụ hợp tác đầu tư giai đoạn 2001-2005*, Văn phòng Tỉnh ủy.
103. Tỉnh ủy Hưng Yên (2009), *Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2009 về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2010*, Văn phòng Tỉnh ủy.
104. Tỉnh ủy Hưng Yên (2010), *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27 tháng 11 năm 2010 về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2011*, Văn phòng Tỉnh ủy.
105. Tỉnh ủy Hưng Yên (2010), *Báo cáo số 141-BC/TU về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 và phương hướng, mục tiêu 2011-2015*, Văn phòng Tỉnh ủy.
106. Tỉnh ủy Hưng Yên (2011), *Nghị quyết số 05-NQ/TU về Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hoá hiệu quả cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Văn phòng Tỉnh ủy.
107. Tỉnh ủy Hưng Yên (2011), *Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10 tháng 5 năm 2011 về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020*, Văn phòng Tỉnh ủy.
108. Tỉnh ủy Hưng Yên (2011), *Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26 tháng 10 năm 2011 về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Văn phòng Tỉnh ủy.
109. Tỉnh ủy Hưng Yên (2014), *Nghị quyết số 14-NQ/TU Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2015*, Văn phòng Tỉnh ủy.

110. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 27 tháng 6 năm 2016 về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030*, Văn phòng Tỉnh uỷ.
111. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Báo cáo số 56-BC/TU ngày 05 tháng 9 năm 2016 Kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế*, Văn phòng Tỉnh uỷ.
112. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 04 tháng 10 năm 2016 về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025*, Văn phòng Tỉnh uỷ.
113. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 04 tháng 10 năm 2016 về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030*, Văn phòng Tỉnh uỷ.
114. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04 tháng 10 năm 2016 về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, một số định hướng đến năm 2025*, Văn phòng Tỉnh uỷ.
115. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Kết luận số 03-KL/TU ngày 11 tháng 10 năm 2016 về Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020*, Văn phòng Tỉnh uỷ.
116. Tỉnh uỷ Hưng Yên (2016), *Kết luận số 05-KL/TU ngày 18 tháng 11 năm 2016 Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Văn phòng Tỉnh uỷ.

117. Tỉnh ủy Hưng Yên (2016), *Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 22/12/2016 Về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030*, Văn phòng Tỉnh ủy.
118. Tỉnh ủy Hưng Yên (2019), *Kế hoạch số 186-KH/TU ngày 05 tháng 11 năm 2019 thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*, Văn phòng Tỉnh ủy.
119. Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Báo cáo số 40-BC/TU ngày 19 tháng 5 năm 2021 Về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Tỉnh ủy.
120. Đỗ Minh Trí, Bùi Bằng Đoàn (2014), “Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư ở tỉnh Hưng Yên”, *Tạp chí Khoa học và phát triển*, (5), tr.796 - 804.
121. Đỗ Minh Trí (2015), *Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thu hút đầu tư tại tỉnh Hưng Yên*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
122. Nguyễn Xuân Trung (2012), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
123. Nguyễn Văn Tuấn (2005), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế Việt Nam*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
124. Vương Đức Tuấn (2007) *Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2001-2010*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

125. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2010), *Quyết định số 248/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 02 năm 2010 Phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
126. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2010), *Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2010, Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
127. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2010), *Chỉ thị số 07/2010/CT-UBND ngày 4 tháng 10 năm 2010 Về tăng cường chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
128. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2010), *Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2010, Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
129. Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên (2011), *Công văn số 593/UBND-KTTH Về xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
130. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2011), *Báo cáo Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
131. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2012), *Kế hoạch số 17/KH-UBND Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2015*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
132. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2012), *Quyết định số 421/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

133. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2013), *Quyết định số 689/2015/QĐ-UBND ngày 8 tháng 4 năm 2013 Về việc thành lập Ban chỉ đạo cải cách chế độ công vụ, công chức tỉnh*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
134. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
135. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2015 Sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn I (2011-2015), phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2016-2020) tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
136. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2016*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
137. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2015 Về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
138. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2015), *Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
139. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Báo cáo số 69/UBND-TH ngày 22 tháng 4 năm 2016 Về tình hình giải quyết các vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

140. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 phê duyệt Đề án Cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
141. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 Về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
142. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Chương trình hành động số 1333/CTr-UBND ngày 28/6/2016 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
143. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), *Chương trình hành động số 244/CTr-UBND ngày 13/10/2016 Thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
144. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2017), *Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2017 Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
145. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2017), *Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

146. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2017), *Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017 Về Phát triển dịch vụ logistics tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
147. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2018), *Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 14/6/2018 về Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
148. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2018), *Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 05/7/2018 Kế hoạch Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
149. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2018), *Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 09/7/2018 triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
150. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2018), *Chỉ thị số 12/CT-CTUBND ngày 16/10/2018 Về việc tăng cường công tác tiếp nhận, quản lý hoạt động đầu tư với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
151. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2018), *Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
152. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2019), *Kế hoạch hành động số 45/KH-UBND ngày 29/3/2019 triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên năm 2019 và định hướng đến năm 2021*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

153. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2019), *Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 01/07/2019 Kế hoạch Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hưng Yên năm 2019*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
154. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2020), *Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 27/2/2020 Về Nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI tỉnh Hưng Yên năm 2020*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
155. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2020), *Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
156. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2021), *Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 về Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên năm 2021*, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Tài liệu tiếng Anh**

157. A. H. W. Stone, D.Kaufmann, and G.Batra (2003), *Investment Climate Around the World: Voices of the Firms from the World Business Environment Survey*, Washington, DC:World Bank.
158. Asean Development Bank (ADB, 2005), *Improving the Investment Climate in Indonesia*.
159. Koichi Takano (2010), *Review of Business Environment in Vietnam by Japanese Investors*.
160. Matthias Duhn (2010), *Investment Environment Assessment Vietnam from the eyes of European Investors*.
161. Rogerson, and J.M. Rogerson (2010), *Improving the business environment of Johannesburg, Development Southern Africa*, no.27, pp. 577-593.
162. Scott Morgan Robertson (2007), *Vietnam: Open for Investment, the Economist*.

163. Turkish Industrialist's Businessmen's Association (2004), *Investment Environment and Foreign Direct Investment in Turkey*.
164. Vuong Thi Minh Hieu, Kenji Yokoyama (2011), *Is Vietnam attractive to Japanese FDI comparing to Thailand and China? An attribute based and holistic analysis*, *Ritsumeikan Annual Review of International Studies*, ISSN 1347-8214. Vol.10, pp. 19-46.
165. Wim P.M Vijverberg (2012), *On the Structure of Labor Demand: An Analysis of the DOT Data*. New York: City University of New York Graduate Center.
166. WorldBank (2005), *A Better Investment Climate for Everyone*, *World development report 2005*. New York: A copublication of the world and Oxford University Press.

Nguồn: *Bản đồ hành chính tỉnh Hưng Yên (2019)*, tại trang <https://khudothi.vn/wp-content/uploads/2023/10/ban-do-hanh-chinh-tinh-hung-yen.jpg>, [truy cập ngày 15/12/2025].

Phụ lục 2**TỈNH ỦY HƯNG YÊN****ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*

Hưng Yên, ngày 11 tháng 10 năm 2016

Số 03-KL/TU

**KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
VỀ ĐỀ ÁN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TẠO MÔI TRƯỜNG
ĐẦU TƯ, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Sau khi nghe Ủy ban nhân dân tỉnh trình Đề án cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Đề án); Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản thống nhất với nội dung Đề án, đồng thời bổ sung và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

I. Thực trạng cải cách hành chính, môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của tỉnh

1. Kết quả ưu điểm

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính (CCHC), cải cách chế độ công vụ, công chức, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư được đẩy mạnh thực hiện ở các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh; 100% số cơ quan chuyên môn cấp xã và cấp huyện, 94,1% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh triển khai thực hiện cơ chế một cửa; có 1348/1472 thủ tục hành chính (TTHC) được giải quyết theo cơ chế một cửa, các TTHC được niêm yết công khai đầy đủ tại các cơ quan hành chính (CQHC) nhà nước các cấp, đồng thời thường xuyên rà soát các quy định về TTHC, loại bỏ những thủ tục không còn phù hợp gây cản trở sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; công nghệ thông tin được ứng dụng vào công tác quản lý, nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm văn bản hành chính trong chỉ đạo, điều hành; nhiều sở, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng và thực hiện công tác quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008; việc soạn thảo,

ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp, nhất là cấp tỉnh đã bám sát vào các quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác cải cách tổ chức bộ máy tiếp tục có chuyển biến, bước đầu khắc phục sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa một số cơ quan chuyên môn cùng cấp; công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm, 5 năm qua đã đào tạo, bồi dưỡng cho 25.587 người, góp phần củng cố nhận thức và năng lực làm việc của nhân lực hành chính các cấp trong tỉnh.

Nhìn chung, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp đã chủ động, sát sao và đạt được những kết quả bước đầu; nền hành chính của tỉnh hoạt động cơ bản ổn định, tích cực tháo gỡ khó khăn và tạo môi trường đầu tư sản xuất kinh doanh phát triển; Chỉ số CCHC (Par Index) và Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh có mặt được cải thiện, TTHC từng bước đơn giản hóa, giảm chi phí và thời gian của doanh nghiệp gia nhập thị trường, qua đó cơ bản cung ứng các nhu cầu thiết yếu phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, yếu kém

Các chỉ số phản ánh hiệu quả nền hành chính và môi trường đầu tư, kinh doanh (Chỉ số CCHC - Par Index, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính - SIPAS) của tỉnh tuy có nội dung được cải thiện nhưng vẫn còn rất thấp cả về thứ hạng và điểm số. Một số địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai công tác CCHC còn hình thức, hiệu quả thấp; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, ý thức thực hiện CCHC và trách nhiệm công vụ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính nhà nước và công khai TTHC còn chậm; sự phối hợp giải quyết công việc giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, có việc hiệu quả thấp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chuyển biến chậm, cá biệt có mặt giảm sút; dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển chậm; việc thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại nhiều cơ quan, đơn vị chưa bảo đảm theo quy định; một số

nơi còn biểu hiện tiêu cực trong giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của tỉnh và giảm hiệu quả CCHC.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

Một số cấp ủy, chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện CCHC, tạo môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; tính tiên phong, năng động của một số lãnh đạo địa phương, sở, ban, ngành các cấp, nhất là cấp huyện và cấp xã chưa quyết CO ché cu liệt trong chỉ đạo điều hành; thiếu thể đánh giá chất lượng điều hành của người đứng đầu trong lãnh đạo thực hiện CCHC và tạo môi trường đầu tư; nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức các cấp về CCHC chưa đầy đủ, chất lượng, trách nhiệm, sự linh hoạt trong giải quyết công việc còn thấp, nhất là trong công tác tham mưu, đề xuất giải quyết những công việc phức tạp; TTHC về đất đai, đầu tư, xây dựng,... còn phiền hà; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư chưa cụ thể, gây khó khăn khi áp dụng thực hiện; nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm tìm hiểu đầy đủ các cơ chế, chính sách của tỉnh, nên việc tiếp cận, khai thác, vận dụng thực hiện để phát triển còn hạn chế; nhận thức, trách nhiệm của một số tổ chức, cá nhân còn hạn chế trong việc tham gia xây dựng nền hành chính minh bạch, thông thoáng, đúng pháp luật.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ và nâng cao chất lượng toàn diện các nội dung CCHC để phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; chú trọng đẩy mạnh cải cách TTHC, nâng cao chất lượng làm việc và phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp gắn với xây dựng mô hình một cửa, một cửa liên thông hoạt động minh bạch, thân thiện, hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công ở các cấp, các ngành; tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh và phát triển; cải thiện rõ nét cả về điểm số và vị trí xếp hạng của tỉnh về năng lực cạnh

tranh cấp tính, về sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của CQHC các cấp.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

Các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh đạt mức tối thiểu bằng trung bình của cả nước trước năm 2018; duy trì đến năm 2020 có Chỉ số PCI thuộc nhóm 30 địa phương có thứ hạng cao trong danh sách PCI toàn quốc.

- Đơn giản hóa, bãi bỏ các TTHC không còn phù hợp, bảo đảm hàng năm cắt giảm tối thiểu 10% thời gian thực hiện các TTHC. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt trên 80%; 100% các CQHC nhà nước trên địa bàn tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; 100% cổng thông tin điện tử các cơ quan nhà nước của tỉnh có thiết lập kênh trao đổi, hỏi đáp giữa người dân, doanh nghiệp với các CQHC nhà nước các cấp; có ít nhất 65% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến tại mức độ 3 và 30% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến tại mức độ 4.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tập trung đẩy mạnh CCHC nhà nước ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ hành chính và dịch vụ công. Tăng cường hiệu quả quản trị nhà nước các cấp; xác định rõ trách nhiệm và cơ chế quy trách nhiệm cụ thể các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu CQHC nhà nước trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn, cơ quan, đơn vị, công việc được giao phụ trách; nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực; kịp thời rà soát, sửa đổi, thay thế các văn quy phạm pháp luật để phù hợp quy định của pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu thực tế và tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển; thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và giải quyết trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị; rà soát, bổ sung các quy định (quy chế - nếu có) trong việc tham mưu, phối hợp thực hiện CCHC, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm

tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển trong môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, an toàn và thân thiện, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội cho phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; quan tâm cải thiện TTHC phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế, TTHC trên một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư, đất đai, xây dựng, sở hữu nhà ở, thuế, hải quan, xuất khẩu, nhập khẩu, y tế...

Chú trọng bám sát các tiêu chí trong quy định đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI) để có biện pháp đồng bộ và hữu hiệu nhằm củng cố, duy trì các kết quả tích cực, đồng thời phấn đấu nâng điểm trên tất cả các tiêu chí thành phần, nhất là tiêu chí về tính minh bạch, tính năng động và cạnh tranh bình đẳng; phấn đấu trong năm 2016 - 2017 Chỉ số PCI của tỉnh đạt mức khá.

Tăng cường thực hiện cải cách TTHC trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các TTHC liên thông giữa các ngành, các cấp; chú trọng phối hợp giải quyết tốt công việc liên quan giữa các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền; tiếp tục củng cố và thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại ở 100% các CQHC trong tỉnh; có hình thức phù hợp để người dân và doanh nghiệp “chăm điểm” chất lượng cung ứng dịch vụ công của bộ phận một cửa và các CQHC; hình thành các kênh thông tin để người dân, doanh nghiệp thuận tiện trong phản ánh việc thực hiện TTHC của các cơ quan nhà nước; đổi mới phương thức tổ chức hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt và đối thoại công khai với cộng đồng doanh nghiệp theo hướng thực chất và có hiệu quả hơn; nghiên cứu, triển khai thực hiện mô hình một cửa liên thông cấp tỉnh, bảo đảm hoạt động hiệu quả.

Rà soát, giảm thiểu giấy tờ và rút ngắn thời gian thực hiện TTHC trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực: đầu tư- kinh doanh, đất đai- môi trường, xây dựng, giao thông, tài chính, thuế, hải quan, điện, phòng cháy chữa cháy, lao động,... Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp còn tối đa 3 ngày làm việc; đến năm 2020, thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan còn dưới 70 ngày; thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp còn dưới 33 ngày; thời gian tiếp cận đất đai (thu hồi đất, giao đất,

cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) còn tối đa 15 ngày; thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất còn dưới 7 ngày; thời gian cấp Giấy phép lao động còn dưới ngày;... Hoàn thành rà soát và công bố công khai việc cắt giảm thời gian thực hiện TTHC trên các lĩnh vực xong trước quý II năm 2017.

2.3. Chú trọng cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo cơ cấu vị trí việc làm. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế gắn với sắp xếp các cơ quan, tổ chức bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục- đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng; từng bước nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020. Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ năng lực và kỹ năng hành chính, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế. Đổi mới nội dung, chương trình, tạo sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức; đồng thời thực hiện đổi mới phương thức tuyển chọn, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo các Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đến năm 2020, 100% các CQHC nhà nước trên địa bàn tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

2.4. Đẩy mạnh hiện đại hóa nền hành chính theo hướng điện tử hóa tối đa các TTHC thông thường. Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin các CQHC nhà nước các cấp, gắn với đào tạo, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan, giữa các cơ quan với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân; phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở các cơ quan hành chính, nhất là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đảm bảo điều kiện làm việc, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cần thiết nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường triển khai cung cấp dịch vụ công hành chính mức độ 3 và dịch vụ công mức độ 4 trên Cổng thông tin điện tử. Phấn đấu đến năm 2020, 100% CQHC nhà nước trên địa bàn tỉnh có hệ thống mạng nội bộ được kết nối thông suốt và kết nối internet để trao đổi thông tin xử lý công việc; 100% các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành; trên 90% văn bản không mật của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố được trao đổi dưới dạng điện tử (gửi song song cùng văn bản giấy); 100% cổng thông tin điện tử các cơ quan nhà nước của tỉnh có thiết lập kênh trao đổi, hỏi đáp giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2.5. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác CCHC, tạo môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành và các địa phương cụ thể hóa nhiệm vụ CCHC, tạo môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thành các nội dung thiết thực trong công tác hàng quý, hàng năm để triển khai thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tế của từng cơ quan, địa phương, đơn vị.

Báo Hưng Yên, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đài truyền thanh các huyện, thành phố xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC, tạo môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tuyên truyền sâu

rộng các nội dung Đề án, kế hoạch, các chủ trương, chính sách của tỉnh và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các cấp.

III. Tổ chức thực hiện

1. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo việc giám sát theo luật định; đồng thời chỉ đạo rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2016-2020.

2. Căn cứ Kết luận này, Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo bổ hoàn chỉnh và ban hành Đề án; chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra; định kỳ hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

3. Trên cơ sở Kết luận này và Đề án của tỉnh, các huyện, thành phố xây dựng đề án hoặc kế hoạch để thực hiện; các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị- xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có kế hoạch thực hiện Kết luận, Đề án bảo đảm hiệu quả thiết thực.

4. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh và các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy đôn đốc triển khai và theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Kết luận, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Kết luận này phổ biến đến chi bộ để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế TW; Văn phòng TW Đảng (để b/c);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- BTV huyện ủy, thành ủy, ĐUTTTU;
- LĐVP, CVKT& TH VPTU;
- Lưu VPTU;

T/M. BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ TỈNH ỦY
(Đã ký)

Đỗ Tiên Sỹ

Nguồn: Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng tỉnh ủy Hưng Yên

Phụ lục 3**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*

Số 2382/QĐ-UBND

*Hưng Yên, ngày 28 tháng 10 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TẠO MÔI TRƯỜNG
ĐẦU TƯ THUẬN LỢI, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH
TRANH CẤP TỈNH (PCI) GIAI ĐOẠN 2016-2020
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 922/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; số 1124/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kết luận số 03-KL/TU ngày 11/10/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về Đề án Cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1505/TTr-SKHĐT ngày 12/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Đề án).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Trung tâm Tin học, Công báo;
- Lưu: VT, THD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phóng

Nguồn: Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng tỉnh uỷ Hưng Yên

Phụ lục 4
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHÂN THEO NGUỒN VỐN
GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn đầu tư nước ngoài
2010	10.024.921	1.577.159	6.850.755	1.597.007
2011	11.593.963	1.954.464	7.549.211	2.090.288
2012	13.900.503	2.445.403	8.617.996	2.837.104
2013	16.223.983	3.063.268	9.457.892	3.702.823
2014	18.152.086	3.411.993	10.024.526	4.715.567
2015	20.938.951	3.570.653	11.310.026	6.058.272
2016	24.885.849	4.161.648	13.189.285	7.534.916
2017	28.401.436	4.683.222	15.087.082	8.631.132
2018	31.538.662	4.965.209	16.658.405	9.915.048
2019	34.726.375	5.208.665	18.043.100	11.474.610
2020	37.735.371	5.288.724	18.800.487	13.646.160

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.135.

Phụ lục 5
SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỈNH HƯNG YÊN
GIAI ĐOẠN 2010-2020

Năm	Số dự án được cấp phép (Dự án)	Tổng vốn đăng ký (Nghìn đô la Mỹ)
Tổng số	553	4.659.117
2010	22	162.713
2011	29	389.080
2012	27	228.020
2013	31	109.030
2014	49	378.536
2015	31	282.999
2016	39	339.684
2017	40	444.468
2018	30	139.299
2019	47	363.849
2020	35	582.699

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.137.

Phụ lục 6
SO SÁNH PCI CỦA TỈNH HƯNG YÊN SO VỚI CẢ NƯỚC (2010-2020)

Chỉ số thành phần	Điểm số										
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1. Chi phí gia nhập thị trường	5.81	8.11	8.55	6.66	8.21	8.21	8.24	7.35	7.50	6.18	7.81
2. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	6.14	6.83	6.16	5.87	4.79	5.27	4.79	5.81	5.69	7.85	6.34
3. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	5.42	6.13	5.64	4.68	5.69	4.88	5.68	5.62	5.50	5.98	5.31
4. Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước	7.47	6.48	6.22	5.24	5.26	6.08	5.71	5.25	6.82	5.85	8.24
5. Chi phí không chính thức	5.30	6.16	7.14	6.82	4.37	4.61	5.21	4.21	4.69	6.33	6.72
6. Cạnh tranh bình đẳng	N/A	N/A	N/A	3.94	4.43	4.21	4.85	4.83	5.54	6.83	7.64
7. Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh	3.27	4.68	5.75	4.07	4.51	4.20	5.00	4.50	6.19	5.95	6.99
8. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	4.66	3.53	3.53	5.34	5.51	5.18	5.23	6.38	6.41	6.17	4.82
9. Đào tạo lao động	2.96	5.12	4.72	5.63	6.18	6.72	6.45	7.16	6.57	6.80	6.51
10. Thiết chế pháp lý	4.09	5.98	3.33	5.83	4.82	5.87	5.58	5.37	6.29	6.08	7.45
PCI	49.77	59.33	58.01	53.91	55.14	55.10	57.01	59.09	60.66	63.60	62.23
Xếp hạng	61	33	28	53	51	56	50	56	58	55	53

Nguồn: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2024),
Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI tỉnh Hưng Yên, tại trang
<https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/hung-yen>, [truy cập ngày 15/12/2025].

Phụ lục 7
SỐ CƠ SỞ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO
LOẠI HÌNH KINH TẾ TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị tính: Cơ sở

Năm	Tổng số	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Kinh tế có vốn ĐTNN
2010	18.818	4	18.711	103
2011	18.238	4	18.102	132
2012	20.073	4	19.925	144
2013	19.686	4	19.515	167
2014	19.347	4	19.171	172
2015	18.551	5	18.353	193
2016	18.094	4	17.856	225
2017	19.019	4	18.783	232
2018	19.626	4	19.370	252
2019	20.802	4	20.533	265
2020	21.500	4	21.210	286

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.154.

Phụ lục 8
TỶ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC
TRONG NỀN KINH TẾ ĐÃ QUA ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN
GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị: %

Năm	Tổng số	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
2010	13,05	15,13	11,04	29,57	11,05
2011	13,37	15,02	11,76	27,68	11,60
2012	17,03	19,71	14,47	32,60	15,01
2013	17,74	21,33	14,36	36,33	15,40
2014	20,41	24,42	16,57	37,65	18,20
2015	21,76	24,74	18,00	35,64	19,93
2016	21,49	25,47	17,61	32,67	20,04
2017	22,54	27,30	17,75	35,66	20,86
2018	23,80	25,25	15,28	38,60	18,28
2019	25,56	30,10	20,94	41,75	22,46
2020	26,84	32,58	23,83	41,93	23,74

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.122.

Phụ lục 9
LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN
THEO KHU VỰC KINH TẾ TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị: Người

Năm	Tổng số	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2010	682.783	345.077	174.505	163.201
2011	699.877	331.481	210.509	157.887
2012	691.958	327.805	186.905	177.248
2013	712.672	357.741	206.038	148.893
2014	712.253	330.010	202.645	176.698
2015	712.682	317.243	212.684	182.755
2016	709.093	274.739	234.362	199.992
2017	706.509	232.278	266.283	207.948
2018	708.863	224.388	275.313	209.162
2019	713.578	198.991	295.746	218.841
2020	718.394	195.455	297.625	224.314

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.121.

Phụ lục 10
TỔNG SẢN PHẨM GRDP PHÂN THEO KHU VỰC
GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm
2010	27.065.153	4.647.597	13.405.944	7.439.709	1.571.903
2011	37.803.621	6.416.984	20.302.769	9.201.204	1.882.665
2012	44.071.914	86.508.992	24.627.919	10.904.139	2.030.864
2013	49.473.394	6.207.938	28.377.521	12.068.474	2.819.461
2014	54.602.458	6.477.402	31.663.363	13.291.785	3.169.909
2015	59.006.220	6.712.774	34.103.363	14.283.802	3.906.281
2016	65.350.322	7.046.033	38.121.416	15.757.639	4.425.234
2017	72.850.740	6.857.151	43.499.941	17.424.648	5.069.000
2018	83.119.676	7.390.888	50.809.035	19.310.618	5.609.136
2019	92.853.844	7.904.814	57.509.863	21.208.543	6.230.624
2020	100.981.413	9.748.335	62.100.484	22.499.220	6.633.374

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011-2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.128.

Phụ lục 11
THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN
GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Thu nội địa	Thuế XNK
2010	3.349.772	2.475.052	874.720
2011	4.238.274	3.307.241	931.034
2012	4.603.673	3.685.445	918.228
2013	6.058.650	4.284.903	1.773.747
2014	7.232.998	5.018.985	2.214.013
2015	8.267.437	5.748.919	2.518.518
2016	9.504.037	6.752.097	2.751.940
2017	12.079.883	8.703.683	3.376.200
2018	13.329.021	9.987.697	3.341.324
2019	16.126.376	12.309.054	3.817.322
2020	15.158.000	11.161.000	3.997.000

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2020), *Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên 10 năm giai đoạn 2011 - 2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.131.

Phụ lục 12**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI PHÂN THEO ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ
TẠI TỈNH HƯNG YÊN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2020***Đơn vị: Nghìn USD*

Quốc gia, vùng lãnh thổ	Số dự án được cấp phép	Tổng số vốn đăng ký
<i>Tổng số (29)</i>	<i>487</i>	<i>5.264.707</i>
Nhật Bản	166	3.228.522
Hàn Quốc	143	764.607
Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	75	349.776
Đặc khu Hành chính Hồng Kông (Trung Quốc)	21	230.643
Đặc khu hành chính Ma Cao (Trung Quốc)	2	6.360
Mỹ	8	42.867
Đài Loan	12	51.988
Thái Lan	5	48.101
Đức	6	17.090
Anh	6	82.420
Hà Lan	6	9.573
Úc	2	1.136
Thụy Sĩ	3	121.806
Thụy Điển	1	250
Ấn Độ	1	150

Quốc gia, vùng lãnh thổ	Số dự án được cấp phép	Tổng số vốn đăng ký
Đan Mạch	2	1.855
U-crai-na	1	3.139
Ca-na-da	1	3.936
I-ta-li-a	5	71.158
Xin-ga-po	10	137.931
Liên bang Nga	2	3.765
Ma-lai-xi-a	2	431
Xri Lan-ka	1	18.630
Bê-la-rút	1	5.000
Xa-moa	1	30.000
Ma-ri-ti-us	1	7.500
Pháp	1	9.344
Các tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất	1	2.200
In-đô-nê-xi-a	1	14.529

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên (2021), *Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020*, NXB Thống Kê, Hà Nội, tr.146-147.

Phụ lục 13

**THỐNG KÊ DỰ ÁN CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG CÁC
KCN TÍNH THEO QUỐC GIA/VÙNG LÃNH THỔ TẠI TỈNH HƯNG YÊN
(TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2020)**

Đơn vị: Triệu USD

Stt	Tên quốc gia, vùng lãnh thổ	Vốn đầu tư đăng ký		Số dự án đăng ký	Số dự án đang hoạt động
		<i>Vốn đăng ký (Triệu USD)</i>	<i>Tỷ lệ % trên tổng vốn đầu tư FDI</i>		
1	Nhật Bản	3.015,8	66,25%	137	129
2	Hàn Quốc	497,8	10,94%	50	43
3	Trung Quốc	256,2	5,63%	24	17
4	Hồng Kông	186,9	4,11%	15	14
5	Singapore	132,1	2,90%	7	4
6	Thụy Sĩ	111	2,44%	1	1
7	Thái Lan	106,7	2,34%	3	3
8	Ý	71,2	1,56%	5	5
9	Đài Loan	58,5	1,28%	4	1
10	Samoa	30,0	0,66%	1	0
11	Sri Lanka	18,6	0,41%	1	1
12	Indonesia	17,2	0,38%	1	1
13	Hoa Kỳ	15,4	0,34%	1	1
14	Anh	12,0	0,26%	1	1
15	Hà Lan	9,4	0,21%	5	5
16	Đức	6,9	0,15%	2	2
17	Canada	3,9	0,09%	1	1
18	Ả Rập Thống Nhất	2,2	0,05%	1	0
<i>Tổng cộng</i>		<i>4.552</i>	<i>100%</i>	<i>260</i>	<i>229</i>

Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên (2020),
*Tổng hợp các dự án đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp tỉnh đến
 hết năm 2020*, <https://banqlkc.hungyen.gov.vn/tong-hop-cac-du-an-dau-tu-nuoc-ngoai-trong-cac-khu-cong-nghiep-tinh-den-het-nam-2020-c2456.html>,
 [truy cập ngày 15/12/2025].

Phụ lục 14
TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH HƯNG YÊN (TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2020)

Số TT	Tên khu công nghiệp	Dự án trong nước			Dự án nước ngoài			Tổng Số dự án còn hiệu lực
		Số dự án	Vốn đăng ký (tỷ đồng)	Số dự án đang HĐ	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Số dự án đang HĐ	
1	Phổ Nối A	114	19.464,5	101	92	989,7	83	206
2	Thăng long II				101	2.730,4	99	101
3	Dệt May Phố Nối	31	2.469,1	26	35	432,6	32	66
4	Yên Mỹ II	27	2.867	13	14	120,3	8	41
5	Minh Đức	20	851,2	19	7	10,6	6	27
6	Minh Quang	7	781	0	4	28,6	0	11
7	Yên Mỹ	2	359,5	0	6	116,4	0	8
Tổng cộng		201	26.792	159	259	4.428	228	460

Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên (2020), *Tổng hợp thông tin về các dự án đầu tư thứ cấp theo khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh hết năm 2020*, <https://banqlkcن.hungyen.gov.vn/tong-hop-thong-tin-ve-cac-du-an-dau-tu-thu-cap-theo-khu-cong-nghiep-tren-dia-ban-tinh-het-nam-2020-c2455.html>, [truy cập ngày 15/12/2025].

Phụ lục 15**DANH MỤC KHU CÔNG NGHIỆP, DIỆN TÍCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH HƯNG YÊN QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020**

STT	Tên KCN	Diện tích đất KCN (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Phổ Nối A	688,94	Lạc Hồng, Chi Đạo, Lạc Đạo, Trung Trắc, Đình Dù và Minh Hải - huyện Văn Lâm; Giai Phạm - huyện Yên Mỹ; phường Bần Yên Nhân - thị xã Mỹ Hào	Duy trì và mở rộng trong giai đoạn 2021-2030 thêm 207,5 ha
2	Dệt may Phổ Nối	121,81	Nghĩa Hiệp và Liêu Xá - huyện Yên Mỹ; Dị Sử - TX. Mỹ Hào	Duy trì
3	Thăng Long II	525,7	Dị Sử, Phùng Chí Kiên, Xuân Dục và Hưng Long - thị xã Mỹ Hào; Liêu xá - huyện Yên Mỹ	Duy trì
4	Minh Đức	198	Minh Đức, Bạch Sam và Ngọc Lâm - thị xã Mỹ Hào	Duy trì
5	Minh Quang	150	Minh Đức, Bạch Sam và Dương Quang - thị xã Mỹ Hào	Duy trì
6	Yên Mỹ	280	Tân Lập và Trung Hòa - huyện Yên Mỹ	Duy trì
7	Yên Mỹ II	313,5	Trung Hưng, Trung Hoà và Thị trần Yên Mỹ - huyện Yên Mỹ	Duy trì
8	Kim Động	100	Phạm Ngũ Lão, Chính Nghĩa và Toàn Thắng - huyện Kim Động	Duy trì và mở rộng trong giai đoạn 2021-2030 thêm 100 ha
9	Tân Dân	200	Tân Dân - huyện Khoái Châu; Yên Hoà, Yên Phú, Minh Châu, Việt Cường - huyện Yên Mỹ	Duy trì

STT	Tên KCN	Diện tích đất KCN (ha)	Địa điểm	Ghi chú
10	Lý Thường Kiệt VIDIFI	300	Lý Thường Kiệt, Tân Việt - huyện Yên Mỹ; Hồng Tiến, Đồng Tiến - huyện Khoái Châu; Xuân Trúc - huyện Ân Thi	Duy trì
11	Sạch	143,08	Hồng Tiến - Khoái Châu; Xuân Trúc - Ân Thi	Duy trì
12	Số 1	263,85	Lý Thường Kiệt, Tân Việt - Yên Mỹ; Xuân Trúc - Ân Thi	Duy trì
13	Số 3	159,71	Hồng Tiến - Khoái Châu; Xuân Trúc - Ân Thi; Lý Thường Kiệt - Yên Mỹ	Duy trì
14	Số 5	192,64	Xuân Trúc, Quảng Lãng - huyện Ân Thi; Nghĩa Dân - huyện Kim Động	Duy trì
15	Thổ Hoàng	250	Vân Du, Xuân Trúc, Quang Lãng và Thị trấn Ân Thi - huyện Ân Thi	Duy trì
Tổng (I)		3.887,23		

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên (2023), *Hưng Yên dự kiến có thêm 14 Khu công nghiệp và 11 cụm công nghiệp mới*, <http://khcnhungyen.gov.vn/tin-tuc/hung-yen-du-kien-co-them-14-khu-cong-nghiep-va-11-cum-cong-nghiep-moi-1150>, [truy cập ngày 15/12/2025].